

VĂN HÓA

P H A T G I A

Hành trình
giải thoát

Tr. 7

Đến Vương quốc
Bhutan

Tr. 31

Cho

không phải là việc
đơn giản

Tr. 3

佛語阿難
神智洞

身德
阿難

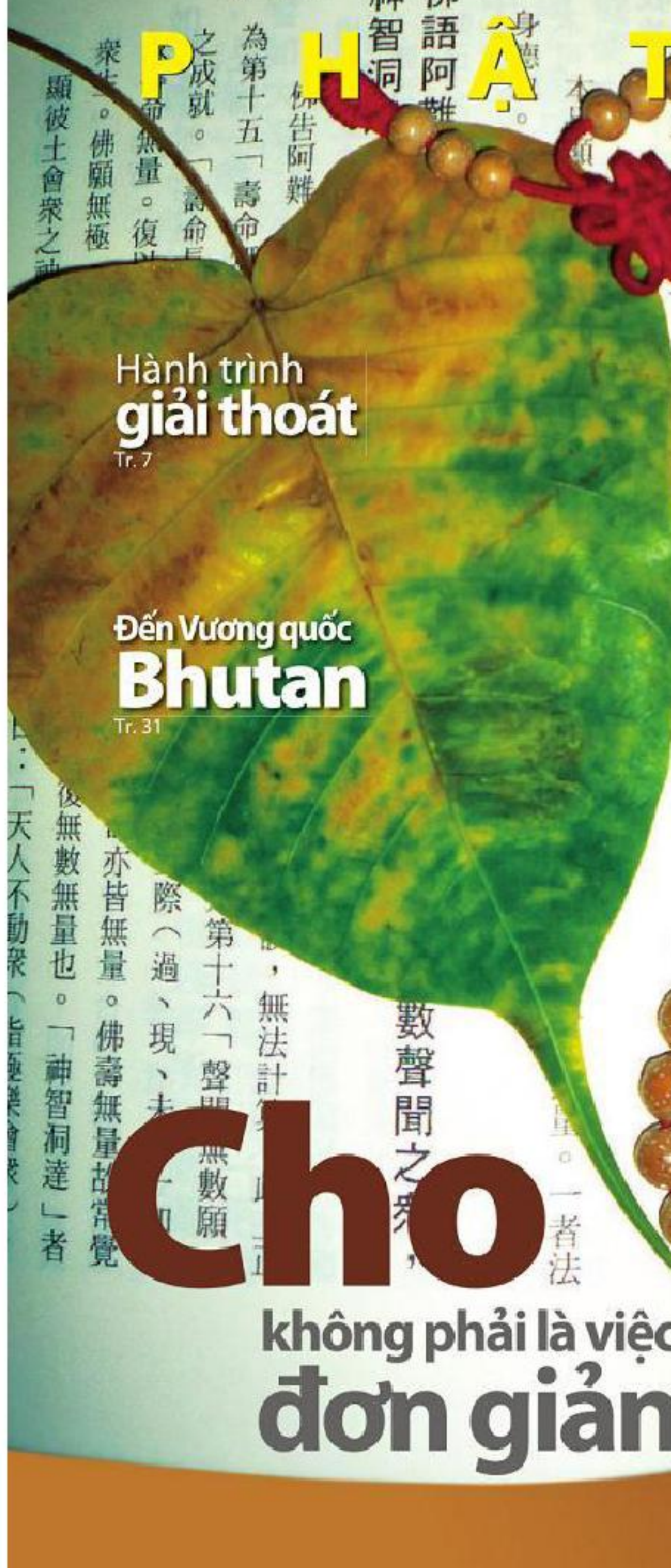
壽無
量

重第十三

數聲聞之衆

一者法

稱說者，亦皆「隨意所願，得生其國」。《吳譯》曰：「善男子，善女，稱譽，稱譽光明。朝暮常稱譽其光明好，至心不斷絕。在心所願，往生阿彌陀佛國。」
《經》曰：「聞其光明威神功德」，相當於《吳譯》之「聞阿彌陀佛聲」。今之「日夜稱說，至心不斷」，相當於《吳譯》之「朝暮常稱譽其光明好，至心不斷絕」。今之「隨意所願，得生其國」，相當於《吳譯》之「在心所願，往生阿彌陀佛國」。《會疏》曰：「日夜稱說（彌陀光明），至心不斷，是則生因也……然則稱彼名號，往生淨土之因。而信樂持，是日夜稱說義也。」疏謂「隨願得生」





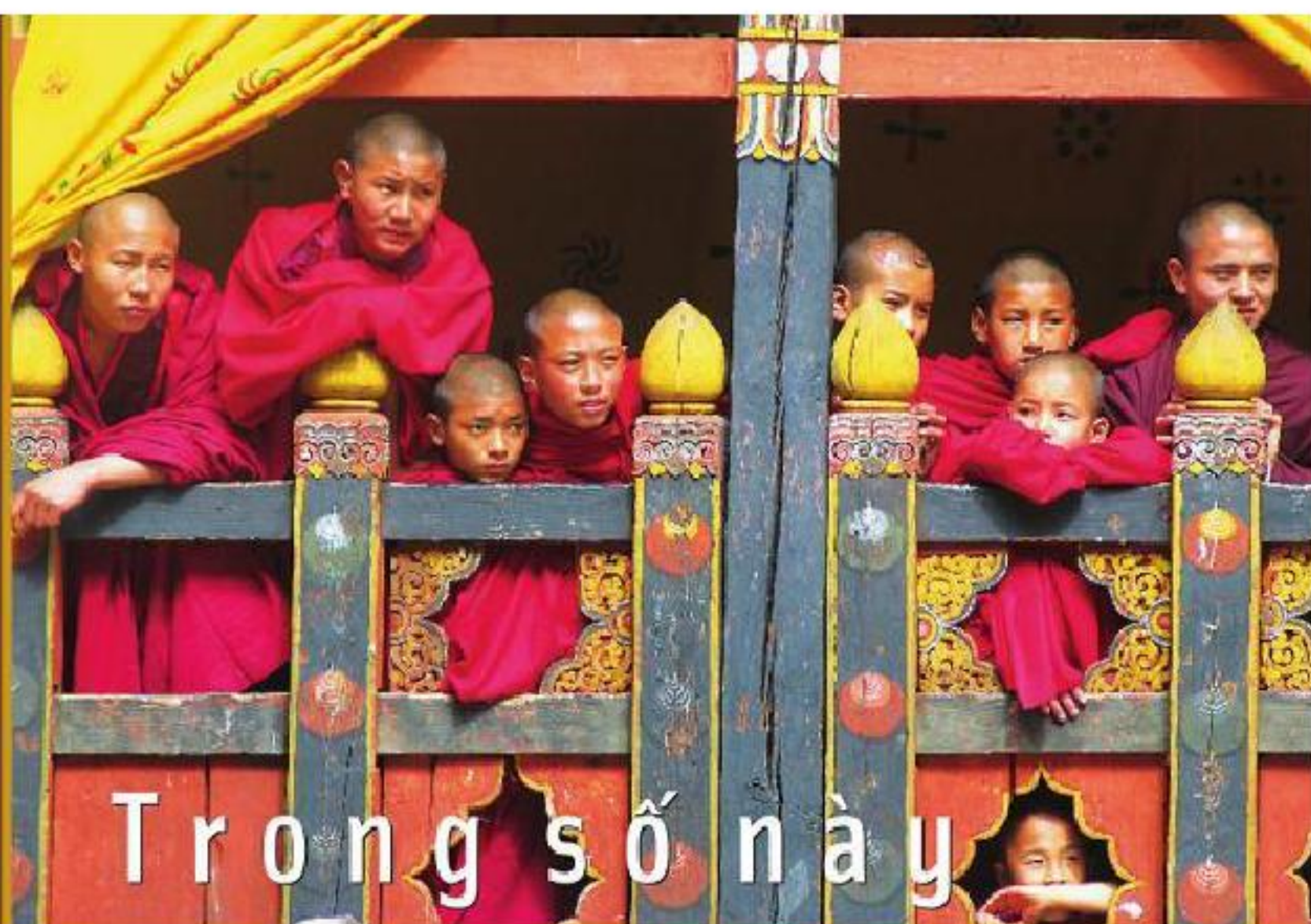
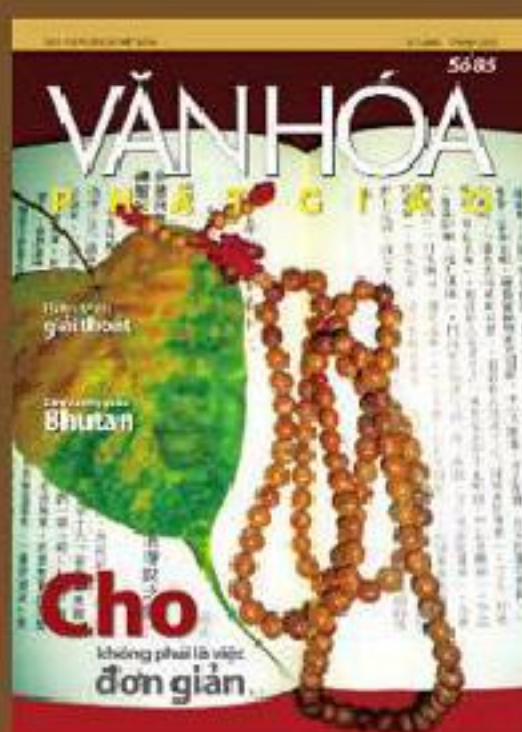
TÔN HOA SEN

HOA SEN SẢN PHẨM CỦA HOA SEN GROUP

Che chở gia đình Việt



Địa chỉ: Số 9, đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Văn phòng đại diện: 215-217 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM
Tel: (+84 650) 3790 955 - (+84 8) 3910 6910 * Fax: (+84 8) 3910 6913
Email: sales@hoasengroup.vn www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành và Quảng cáo
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cố Suong 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Cho không phải là việc đơn giản (Nguyễn Văn Nhật)	3
Sương mai	6
Từ tháp Phật đến tháp mộ - Một biểu tượng của hành trình giải thoát (Đặng Vinh Dự)	7
Ý nghĩa của chiều rộng và chiều sâu trong Phật giáo (Hoang Phong)	12
Chùa Đông Hà (Như Tâm)	15
Tiến sĩ Phan Lạc Tuyên đi tu (Thanh Trì)	17
Dây leo mềm mại (Tâm Minh Anh)	20
Thái độ (Lama Zopa Rinpoche, Tú Oanh dịch)	22
Mùa thi yên ả (Thảo Vy)	24
Me-gri-go (Lê Thị Chân Tú)	26
Đạo tình (Thích Thanh Thắng)	29
Đến Vương quốc Bhutan (Khánh Uyên)	31
Địu con qua mỗi bước đi (Tâm Cảm)	34
Theo chân người làm từ thiện (Phó Đạo)	37
Bến sông buồn (Xuân Sắc)	40
Xin đừng đùa bỡn với chữ nghĩa (Kiểu Thái Chán)	42
Tâm là nhà (Cao Huy Hóa dịch)	44
Cũng một con đường (Lâm Hạnh Nhiên)	47
Vương vấn mùa sen (Huỳnh Kim Bửu)	48
Biển ơi! (Nguyễn Đông Nhật)	50
Thơ (Trần Bửu Ngạn, Nguyễn Quân)	52
Tô cơm hến (Truyện ngắn của Minh Mẫn)	53
Danh họa Bùi Xuân Phái (Trịnh Chu)	56
15 ngày	60
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Chè mè đen (Hoàng Anh - Phú Xuân)	62

Bìa 1: Niềm tin và Trí tuệ. Ảnh: Đông Phương

Thư tòa soạn

Quý độc giả thân mến,

Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy biến động. Đã tìm hiểu về đạo Phật, chúng ta biết rằng theo luật nhân quả, những biến động ấy bị thúc đẩy bởi nghiệp lực của cả loài người. Do vậy, có thể khẳng định rằng một vài cá nhân rất khó có khả năng ngăn chặn hay can thiệp vào những biến động đang diễn ra, mà thường thì chúng ta chỉ có thể cố gắng khắc phục những hậu quả của chúng.

Nhưng chúng ta cũng đều mong muốn có một cuộc sống an lạc. Và đạo Phật cũng đã chỉ ra cho chúng ta biết rằng cuộc sống chỉ có thể an lạc khi những biến động của cuộc đời chỉ bị thúc đẩy bởi thiện nghiệp của con người. Nhận thức ấy tất yếu dẫn chúng ta đến quyết định chỉ thực hành thiện hạnh. Nhưng vì thiếu hiểu biết, thông thường chúng ta vẫn vô tình tạo ác nghiệp. Chính vì thế mà Văn Hóa Phật Giáo mong muốn cùng với mọi người chỉ chia sẻ những kinh nghiệm về thiện hạnh.

Số báo mà quý độc giả đang cầm trên tay có bàn đến việc Cho không hề là một chuyện đơn giản. Bằng sự thăng hoa của óc liên tưởng, sự bàn bạc ấy có thể liên hệ đến quan niệm sanh ký tử quy để chúng ta cùng tìm hiểu những biến đổi về mặt kiến trúc từ tháp Phật đến tháp mộ như một biểu tượng của hành trình giải thoát. Rộng hơn, chúng ta tìm đến ý nghĩa của chiều rộng và chiều sâu trong giáo lý của Đức Phật. Chúng ta cũng nhắc nhở nhau về lời dạy của Phật rằng ái dục giống như những dây leo mềm mại, sẵn sàng bóp nghẹt mọi cố gắng phá vỡ vô minh nếu như chúng ta không biết phòng hộ ngay từ ban đầu.

Bên cạnh đó, Văn Hóa Phật Giáo số 85 còn chuyển chở những suy nghĩ nhẹ nhàng của nhiều người viết về những sự kiện rất thường của cuộc sống hàng ngày. Tất cả đều chỉ là những gợi ý để chúng ta cùng hướng đến thiện hạnh, hướng đến việc thực hiện cuộc sống an lạc ngay tại đây và bây giờ. Trên tinh thần ấy, Văn Hóa Phật Giáo luôn mong nhận được sự phản hồi của những người bạn đồng hành.

Chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Cho

không phải là việc
đơn giản

NGUYỄN VĂN NHẬT

Cho là một hành vi hết sức thông thường. Có thể nói bất kỳ người nào cũng đã từng cho đi một cái gì đó ngay từ lúc ấu thơ. Tuy nhiên, hành vi thông thường ấy xét kỹ lại không phải là một hành vi đơn giản.

Trước hết, có thể hiểu rằng “cho” là hành vi hiến tặng người khác tài sản, năng lực, trí tuệ hay tinh thần một cách tự nguyện. Để chỉ hành vi ấy, tiếng Việt có một loạt những động từ biểu thị các sắc thái của việc cho như hiến, tặng, trao, thưởng, ban, biếu, dâng, cống nạp, bố thí, cúng dường... Mỗi từ được dùng trong một hoàn cảnh riêng, nhưng đều nói lên việc tự nguyện đem lại một tài sản hay một ích lợi cho người khác. Riêng hai từ bố thí và cúng dường là những từ được dùng để chỉ một hạnh nguyện thuộc Bồ-tát đạo trong giáo lý đạo Phật. Ở đây, chúng ta chỉ xét đến việc “cho” trên phương diện thế tục, nên sẽ không nói đến vấn đề bố thí hay cúng dường.

Trên phương diện tài sản, kể từ khi loài người có khái niệm về quyền sở hữu, việc cho hay tặng tài sản cũng đã bước đầu được quy định thành những quy tắc hay tục lệ. Khi xã hội càng văn minh, những quy định về việc tặng hay cho tài sản càng được chế ước chặt chẽ hơn, dẫn xuất từ định nghĩa “cho tài sản” là hành vi của một người tự nguyện từ bỏ quyền sở hữu đối với một tài sản, đặt quyền sở hữu ấy vào một người khác để người ấy tự ý chiếm hữu, sử dụng và định đoạt nó nếu muốn. Từ định nghĩa này, ta thấy điều kiện đầu tiên để có thể cho đi một tài sản là người cho phải có quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản đem cho. Bộ Luật Dân sự (sửa đổi) của nước ta được ban hành năm 2005 cũng có tới 6 điều nói về việc tặng cho tài sản, từ điều 465 đến điều 470 thuộc mục 3, Chương 18, ấn định những quy tắc liên quan đến các hợp đồng dân sự thông dụng. Theo đó, việc tặng cho tài sản cũng cần phải được lập thành một hợp đồng, thể hiện những điều khoản xác định trách nhiệm của người cho cũng như người được cho. Rõ ràng những dự liệu của luật pháp trong việc tặng cho tài sản là điều rất cần thiết, nhất là khi tài sản được đem tặng cho có giá trị lớn, cần phải đăng ký quyền sở hữu, như việc cha mẹ cho con cái đất đai hay nhà cửa chẳng hạn.

Về phương diện trí tuệ, khoảng đầu thế kỷ thứ 19, các luật gia đã có khái niệm sở hữu trí tuệ (intellectual property) nhưng chỉ đến giữa thế kỷ thứ 20, vấn đề sở hữu trí tuệ mới dần dần được quy định thành luật một cách chặt chẽ. Một sản phẩm trí tuệ khi đã được công nhận thuộc quyền sở hữu của một người hay một nhóm người, những người khác muốn sử dụng sản phẩm trí tuệ ấy phải được sự cho phép của người có quyền sở hữu. Tuy nhiên, ngoài những sản phẩm trí tuệ được luật pháp công nhận là sở hữu của một người hay một tập thể nào đó, đã có sẵn những sản phẩm trí tuệ thuộc sở hữu của toàn thể loài người. Cho nên, chỉ đối với những sản phẩm trí tuệ đã được xác lập quyền sở hữu theo luật định thì người sử dụng chúng mới cần phải xin phép – thường là qua biện pháp mua bán hay trao đổi, còn đối với sản phẩm trí tuệ thuộc tài sản chung của loài người thì ai cũng có quyền sử dụng. Vấn đề nằm ở chỗ không phải ai cũng biết đến chúng để sử dụng. Như vậy, có thể hiểu việc cho một sản phẩm trí tuệ là việc khơi gợi những hiểu biết có ích lợi thuộc sở hữu chung của nhân

loại để người khác chưa biết đến có thể áp dụng. Trong trường hợp này, người cho một sản phẩm trí tuệ thuộc sở hữu chung cũng phải có những hiểu biết thật cặn kẽ về sản phẩm ấy để tránh việc gây hại cho người khác khi họ áp dụng một hiểu biết không chính xác. Chẳng hạn, muốn mách thuốc cho người khác, người mách thuốc phải hiểu rõ dược tính của thuốc, phải có kiến thức y học thật sự, phải có kinh nghiệm trong việc sử dụng loại thuốc ấy thì mới bảo đảm mang lại lợi ích cho người được mách thuốc.

Còn về mặt năng lực và tinh thần, vì hoặc nó mang tính cách tức thời như năng lực, hoặc nó mang tính cách vô hình như tinh thần, người ta không thể có những quy định cụ thể, nhưng người cho cũng phải tự xét rằng mình có đủ năng lực và tinh thần để giúp đỡ người khác, đồng thời phải thực sự làm chủ được mình thì mới có thể thực hiện được hành vi cho. Giả sử một người muốn dành cho người bạn đang hấp hối của mình một sự hiến diện vì biết chắc rằng nếu có mặt mình trong giờ lâm chung của bạn thì người ấy sẽ yên tâm; người muốn cho ấy cũng phải thật sự làm chủ thời gian mà mình muốn dành cho bạn.

Tóm lại, điều kiện tiên quyết để cho là người cho phải có cái muốn cho. Nói khác đi, người ta không thể cho cái mà mình không có.

Chúng ta vẫn biết rằng cách cho quan trọng hơn của cho. Người ta chỉ nên cho những gì mà người được cho thực sự cần đến và dùng được, biết cho đúng lúc, và cho như thế nào mà không làm phiền mình cũng như phiền người được cho. Không hiếm những trường hợp người được cho khổ sở sau khi nhận được của cho vì không sử dụng được, vì phải tốn kém trong việc sửa chữa hay vận chuyển, vì phải vất vả giữ gìn mà không đem lại lợi ích gì; có khi người nhận được của cho phải loay hoay tìm cách vứt bỏ của nhận được. Cũng có những khi người được cho oán ghét người cho vì cảm thấy mình bị coi thường.

Khi người ta thương yêu nhau, quý trọng nhau, muốn giúp đỡ nhau một cách chân tình, hành vi cho thường là có tính cách tự nguyện, trong sáng, không vụ lợi, không mong cầu báo đáp, không trông chờ được khen ngợi, không là một hình thức tự quảng cáo. Truyền cổ Việt Nam có kể lại một trường hợp cho rất cảm động; đó là câu chuyện của đôi bạn Lưu Bình và Dương Lễ. Trong câu chuyện ấy, Dương Lễ, vì thương bạn quý bạn một cách chân thành và muốn báo đáp sự giúp đỡ hào phóng ngày trước của bạn đối với mình, đã cho bạn không những tài sản lớn, mà còn trao tặng bạn cả danh dự và niềm tin.

Trong thực tế cuộc đời, có rất nhiều trường hợp cho, dâng, hiến, tặng... về thực chất chỉ là những hành vi trao đổi với mục đích cầu danh cầu lợi, thường chỉ đem lại phiền não cho cả người cho lẫn người được cho.

Một vị phụ huynh học sinh vì việc học của con em mình mà phải đem quà cáp hay phong bì đến nhà thầy cô giáo hay hiệu trưởng thì chắc chắn hành vi biếu tặng ấy không thể đem lại lợi lạc cho tâm thức của cả người cho lẫn người nhận, chưa kể còn gây hại cho ý thức học tập của con em.



Một doanh nghiệp tổ chức hoạt động từ thiện nhưng lại muốn lợi dụng những hoạt động từ thiện ấy để quảng bá hình ảnh và tên tuổi của doanh nghiệp mình thì thế nào cũng làm tổn thương lòng tự trọng của những người được giúp đỡ, trừ trường hợp việc quảng bá hoạt động từ thiện chỉ nhằm vào việc kêu gọi xã hội lưu tâm đến những hoàn cảnh khó khăn hay thương tâm chung của một số người. Trong trường hợp sau, cách quảng bá phải tính đến việc thể hiện sự tôn trọng tối đa đối với người được giúp đỡ.

Cũng có những kẻ chỉ là đồng sở hữu một tài sản nào đó như đất đai, nhà cửa, xe cộ mà vì tư tâm tư ý, giấu giếm những thành viên khác của cộng đồng sở hữu ấy rồi bí mật đem cho người khác tài sản ấy với mục đích đổi chác, tất nhiên sẽ gây nên những hệ lụy lớn lao cho cả mình lẫn người nhận.

Một cộng đoàn tín hữu nào đó đưa lời nguyện dâng cho Thượng đế cả trái đất này, cũng là một lời nguyện vô lỗi, mặc dù cư dân trên trái đất không mất mát gì về vật chất, nhưng vẫn có thể cảm thấy bị thương tổn về tinh thần khi không hẳn tất cả mọi người đều đồng thuận dâng hiến.

Một cơ sở chưa hề đào tạo tiến sĩ, chắc chắn không được phép nghĩ đến việc trao bằng tiến sĩ danh dự cho một ai đó với mục đích tôn vinh người ấy, vì trong trường hợp này, thay vì người nhận được tôn vinh thì lại bị làm mất danh dự một cách trầm trọng khi người ta phát giác rằng người cấp bằng tiến sĩ danh dự lại chưa đủ tư cách cấp bằng tiến sĩ thông thường.

Được biết gần đây một cơ sở giáo dục Phật giáo đã tự ý (không thông qua Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương) lên kế hoạch trao tặng các bằng tiến sĩ danh dự và thạc sĩ danh dự (*sic!*) cho một số nhân vật cả trong nước lẫn ngoài nước.

E rằng kế hoạch này không có cơ sở để thực hiện, dựa trên nguyên tắc không thể cho cái mình không có. Hơn nữa, về phương diện hành chánh thì theo Thông tư số 26/2008/TT/BGDĐT ban hành ngày 9-5-2008 do Thứ trưởng Bành Tiến Long ký, việc phong tặng danh hiệu tiến sĩ danh dự để tôn vinh và ghi nhận công lao của người nước ngoài hay người Việt ở nước ngoài có những đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp khoa học và giáo dục của Việt Nam là một công việc có một trình tự nghiêm túc và các thủ tục chặt chẽ, đòi hỏi cơ sở phong tặng danh hiệu tiến sĩ danh dự (chỉ có tiến sĩ danh dự thôi, không thể có thạc sĩ danh dự!) phải là một nơi đã có nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ – điều kiện mà cơ sở giáo dục Phật giáo nói trên chưa đáp ứng được; và hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu tiến sĩ danh dự phải qua việc duyệt xét của một hội đồng khoa học thể hiện ý thức tôn trọng người được phong tặng và chỉ nhằm tăng cường tình hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Người ta không thể trao bằng tiến sĩ danh dự cho người khác chỉ để chứng tỏ rằng mình cũng có học vị tiến sĩ như ai!

“Cho” là một hành vi rất thông thường, nhưng xét kỹ như trên, việc “cho” không hề đơn giản, nhất là khi muốn thực hiện hành vi “cho” một cách có văn hóa. “Cho” còn là một phương tiện tích cực để thực hiện hạnh bố thí, một trong lục độ Ba-la-mật của giáo lý đạo Phật, có tác dụng đối trị tâm tham. Nhưng đây lại là một đề tài khác rộng lớn hơn, cần được tìm hiểu cặn kẽ hơn. Tuy nhiên, nếu chưa thể cho đúng cách theo văn hóa thế tục, thì chắc chắn cũng sẽ chưa thể cho như một biện pháp thực hiện hạnh bố thí. Vì vậy, trước khi vươn tới bước đầu của Bồ-tát đạo là thực hiện bố thí Ba-la-mật, Phật tử chúng ta hãy cùng nhau thực tập việc cho đúng cách theo văn hóa thế tục. ■

Hãy tự mình là ngọn đèn
cho chính mình;
hãy tự mình nương tựa chính mình,
dùng Chánh pháp làm ngọn đèn,
dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa;
chớ nương tựa một gì khác.

Kinh Tương Ưng Niệm Xứ
- phẩm *Ambapali*



Tháp Sanchi

Từ tháp Phật đến tháp Mộ - Một biểu tượng của hành trình giải thoát

ĐẶNG VINH DƯ

Với người phương Đông, và nhất là với đạo Phật thì “sinh ký tử quy”, người xưa đã từng dạy như vậy. Nhưng trong cùng một cái chết cũng có hàng ngàn cách quay về. Có sự quay về ồn ào, hào nhoáng, đôi khi thắm đẫm cả máu, xương, nước mắt của hàng vạn người như sự quay về của các vị vua. Với Pharaon, sự quay về đó để mãi vẫn là Pharaon vì vậy Kim tự tháp được xây trường tồn với thời gian. Tần Thủy Hoàng cũng vậy, sống là vua và chết cũng sẽ là vua nên cả giang sơn, cung điện, quan lại, thị tỳ đã theo ông về thế giới bên kia... Các vị vua triều Nguyễn tuy không ồn ào, hoành tráng như các Pharaon hay Tần Thủy Hoàng nhưng cũng tốn khá nhiều tiền của và thời gian để lo cho sinh phần lúc nằm xuống. Cho nên chết có nghĩa là được quay về, quay về để không còn ở kiếp trầm luân. Sự quay về đó chỉ cốt được giải thoát. Hành trình giải thoát là một lối đi dài nhẹ nhàng như hình hài của ngôi tháp mộ, đầy màu sắc triết lý và thắm đượm tính nhân

văn của Phật giáo. Từ ngôi tháp Phật giáo đơn sơ ở Ấn Độ được cải biến để hình thành những phức hệ tháp “vương giả” đa dạng về kiến trúc và mỹ thuật của Trung Hoa đến những ngôi tháp huyền bí theo phong cách Tây Tạng, và tháp mộ của chư vị thiền sư ở Huế thể hiện vừa sự tiếp biến vừa ý thức bảo tồn phong thái của người Việt trong kiến trúc và mỹ thuật.

Tháp là gì?

Theo *Phật học từ điển* của Đoàn Trung Còn thì tháp (stupa), dagoba, tháp bà, đầu bà, du bà, tụy đồ ba, tụy đồ bà, phù đồ, ... đều là những tên gọi theo Phạn ngữ thường đọc là “tháp”. Ấy là những tòa kiến trúc cao, nhiều tầng, dưới lớn trên nhỏ, để thờ xá-lợi (tro tàn) của chư Phật hoặc của các bậc thành đạo như Bồ-tát, Duyên giác, A-la-hán; hoặc để táng di cốt của các bậc tôn túc từng hành đạo trong các ngôi chùa. Có cảnh tháp cất riêng một mình. Song phần nhiều cốt trong vườn nhà chùa [6:46].



Tháp mộ Tổ Liễu Quán, Huế.



Còn theo Nguyễn Tường Bách thì tháp trước hết là nơi chứa đựng Xá-lị (s: śarīra) các vị Phật hoặc các bậc Thánh. Tháp cũng được xây dựng tại các thánh tích quan trọng, kỷ niệm cuộc đời của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Lâm-tì-ni, Giác Thành, Câu-thi-na, Vương Xá) (...). Tháp không nhất thiết là nơi chứa đựng Xá-lị mà còn có thể là nơi chứa đựng kinh điển, tranh tượng. Tháp cũng là một trong những đối tượng thiền quán, thường có nhiều ý nghĩa tượng trưng. Các bậc thang lên tháp đôi lúc biểu hiện cho các khái niệm Đại thừa, như bốn bậc là từ, bi, hỷ, xả hay mười bậc là Thập địa [3:2530].

Như vậy, tháp có nhiều chức năng và công dụng khác nhau nhưng chức năng sơ khai ban đầu của nó là an trí Xá lợi hay nhục thân của Đức Phật của Bồ-tát.

Từ tháp Phật...

Tháp Phật là nơi chứa Thánh tích, di vật của Đức Thích-ca Mâu-ni hoặc các vị Tổ sư có công đức lớn. Theo truyền thuyết Phật giáo, tháp là sự kết hợp ba vật bất ly thân của một vị tu sĩ Phật giáo, đó là *Tam tạng kinh*, *bình bát* và *cây tích tượng*. Tam tạng kinh giúp vị tu sĩ bám sát lộ trình giới định tuệ và luôn xác định bước đường đi đến Chánh pháp; bình bát giúp vị tu sĩ nuôi sống thân mạng; và cây

Đại nhật tháp, Pháp môn tự,
Tĩnh Thiểm Tây, Trung Quốc.

tích tượng nâng đỡ bước chân mỗi lúc sức khỏe suy giảm. Sống là vậy; và lúc qua đời những vật bất ly thân ấy cũng kết thành hình ảnh nằm mổ nơi chư vị nằm xuống. Dù chỉ là truyền thuyết nhưng không phải là không có lý. Trên thực tế, tháp Phật nguyên thủy có hình hài như gò mộ táng xa xưa của người Ấn Độ. Sau khi Đức Phật Thích-ca nhập diệt, kiểu gò mộ này lần lần được dung hợp vào Phật giáo như là nơi chứa thánh tích của Phật và chư tôn giả, đồng thời được xem như phương tiện nhắc nhở đến sự giác ngộ của Ngài và là biểu tượng của nhục thân cũng như lời dạy của Ngài. Loại gò mộ ấy được gọi là *Phức Bát Thức Tô Đồ Ba* [4:335]. Bảo tháp Sanchi còn tồn tại khá hoàn chỉnh hiện nay ở Ấn Độ là một ví dụ. Đó là một kiến trúc hình bán cầu xây trên nền hình tròn bằng đá. Trong tháp có những hộp đựng Xá lợi, các hộp đó cũng có hình tháp, làm bằng vật liệu quý, đặt ngay giữa bán cầu hoặc trên đỉnh.

Trong một thời gian dài sau đó, kiến trúc tháp trải qua quá trình biến đổi. Xuất phát từ Gandhara (Tây bắc Ấn Độ), tháp nền hình tròn bằng phẳng được thay thế bằng một nền hình ống, chia thành nhiều đoạn. Phần bán cầu được kéo dài ra, nhưng so với nền hình ống thì nhỏ hơn trước. Phần nằm trên bán cầu cũng được kéo dài, chia thành nhiều tầng, biến thành hình nón. Khoảng giữa những năm 150 và 400 sau Tây lịch, phần gốc hình ống lại biến thành hình vuông và trở nên phổ biến tại vùng Nam Á.

Hành trình đi về phía Bắc của ngôi bảo tháp chứa đựng nhiều điều thú vị. Ở Tây Tạng, bảo tháp Phật giáo được gọi là Chorten. Các Chorten nơi đây có hình dáng gần giống với các bảo tháp ở Ấn Độ, cụ thể là phong cách Bắc Ấn. Hình dáng có ba phần chủ yếu, phần đáy dưới cùng rộng, phần thân chính hình tròn vươn lên cao, mặt nghiêng mở rộng về phía trên (được gọi là *anda*), bên trên người ta đặt phần chính thứ hai. Cách xây dựng này cùng các thành phần hỗ trợ (được gọi là *harmika*) đánh dấu sự chuyển tiếp sang phần cuối cùng gồm có một cột với các chõng đĩa tròn hoặc những chiếc dù có kích thước nhỏ dần, số lượng chênh lệch từ tám đến mười ba cái [8:107]. Với ý nghĩa truyền thống của Phật giáo, các chorten Tây Tạng, bên cạnh việc được coi là cái cốt tủy của chính Đức Phật, còn có ý nghĩa về vũ trụ, đặc biệt là phần đỉnh. Đỉnh chorten được cấu tạo bởi năm hình thể kỳ hà biểu thị cho ngũ hành. Phần đế vuông biểu thị cho sắc, trong khi vòng tròn bên trên biểu thị cho thức. Tiếp đến, hình tam giác tượng trưng cho tinh thần và nửa vòng tròn biểu thị cho Phật pháp. Trên cùng của kiến trúc là một viên bảo châu rực lửa tượng trưng cho nguyên lý tối thượng. Kiến trúc và những chi tiết trang trí này phần nào nói lên sự đa dạng của bảo tháp Phật giáo, nó thể hiện được sự tiếp biến và việc bảo tồn phong cách đặc thù của mỗi nền văn hóa. Tuy nhiên, cũng cần phải nhấn mạnh rằng những ngôi tháp này vẫn chưa thể hiện được sự đa dạng và phần nào còn chịu ảnh hưởng của hình mẫu nguyên thủy.

Có thể nói rằng, đạo Phật ra đời ở Ấn Độ nhưng lại phát

triển rực rỡ ở đất nước Trung Hoa. Ngôi tháp Phật giáo cũng vậy. Theo bước chân truyền bá đạo Phật vào Trung Hoa, ngôi Phật tháp xuất hiện ở vùng đất này đã khoác lên mình một phong cách mới, phong cách lầu các. Sở dĩ có sự thay đổi này là vì theo quan niệm của người Trung Hoa, tháp là nơi chôn cất Xá lợi Phật, thiêng liêng và thần thánh, phải dùng hình thức kiến trúc cao quý để tôn trí. Trung Quốc các vào thời kỳ Tần Thủy Hoàng và Hán Vũ Đế đã xây dựng lầu cao gác lớn để nghênh hầu thần tiên, nên khi thờ phụng Phật, người Trung Hoa cũng dùng loại kiến trúc vương giả này. Ngoài ra, khi ngựa đấu chiếm bãi tháp cao, con người tự nhiên có lòng kính trọng và ngưỡng vọng; xây tháp cao để thờ Xá lợi Phật là vì thế [4:337]. Tuy nhiên hình thức tháp Phức Bát của Ấn Độ không mất đi khi vào Trung Hoa. Nó đã được cải biến thành một kiểu tháp mới chia thành ba phần: *Địa cung nền tháp, thân tháp và tháp sát*. Tháp được dùng để an trí Xá lợi Phật nên áp dụng phương thức lăng mộ địa cung để cải táng. Nền tháp làm nền tảng cho tòa tháp, phủ úp lên trên địa cung. Thân tháp là kết cấu chủ yếu của tòa tháp, có thể rỗng hoặc đặc. Tháp sát nằm ở đỉnh của tháp, bản thân giống một tòa tháp nhỏ, chia làm sát tọa, sát thân và sát đỉnh. Loại hình kiến trúc này dần dần phổ biến và được tiếp thu ở nhiều nước theo dấu chân của Chánh pháp.

Ở Trung Hoa, tháp Phật có nhiều loại hình và kết cấu. Nếu chia theo hình dáng, có tháp hình vuông, hình lục giác, hình bát giác, hình tròn... Nếu chia theo hình khối sẽ có tháp đơn tầng (tháp mộ gọi là Bảo châu), tháp 3 tầng, 5 tầng, 7 tầng, 9 tầng... (trong thực tế tháp mộ có cả 6 tầng!). Nếu chia theo vật liệu kiến trúc thì có tháp gỗ, tháp gạch, tháp sắt, tháp lưu ly... Có thể đơn cử một vài loại hình tiêu biểu như sau:

- Tháp kiểu lầu các: Bắt nguồn từ lầu các trong kiến trúc truyền thống Trung Quốc. Loại tháp này có lịch sử lâu đời, hình thể cao lớn. Tuy nhiên do dễ bị hỏa hoạn nên từ thời Tùy Đường trở đi, loại tháp lầu các bằng gỗ ít xuất hiện mà thay vào đó là những vật liệu bằng gạch, đá.

- Tháp kiểu mặt thiềm: Là loại tháp có rất nhiều tầng hiện ở bên ngoài. Tháp Đăng Phong, chùa Tung Nhạc (Hà Nam) là một ví dụ.

- Hoa tháp: Là loại hình tháp được trang trí phức tạp như một đóa hoa ở phần nửa trên. Tồn tại chủ yếu vào thời Tống, Liêu, Kim.

- Ngoài ra còn có các loại hình khác như tháp kiểu đình các, tháp kiểu Kim Cang bảo tòa, Quả Nhai tháp, Thiết tháp, Phấn tháp...

Những loại hình này đã làm cho ngôi tháp vốn đơn sơ của Ấn Độ trở nên phong phú và có tính thẩm mỹ hơn. Tháp Phật giáo giờ đây không chỉ còn là nơi an trí Xá lợi Phật mà nó đã chuyển tải được những ý nghĩa nhân sinh của Phật giáo qua các chi tiết kiến trúc, họa tiết trang trí trên ngôi tháp. Việt Nam có dấu chân của chư vị tôn giả từ thế kỷ thứ II, cũng từ đó ngôi tháp Phật xuất hiện với những hình hài đa dạng.



Hoa sen trang trí trên đỉnh tháp mộ.

... đến tháp mộ chùa Huế

Tháp mộ chùa Huế tiếp thu các kiểu dáng từ ngôi tháp Trung Hoa, Tây Tạng..., theo thời gian đã có sự cải biến cho phù hợp. Có những kiến trúc tháp mộ mang dáng vóc của tháp lầu các, cũng có tháp mộ mang hình hài của tháp kiểu mật thiêm và cả hình dáng của chorten Tây Tạng. Chỉ có điều, những ngôi tháp mộ này có vóc dáng vừa phải, nương mình dưới bóng cây, hài hòa giữa không gian vườn chùa, ít khi vươn cao lộ vẻ thách thức. Dù có xuất hiện trên đồi cao thì tháp mộ cũng thể hiện vẻ nhún nhường vốn có của phong cách kiến trúc Việt, như từ tâm của giáo lý nhà Phật. Điểm khác biệt rõ nhất là chi tiết tháp sát. Tháp sát ở tháp mộ xứ Huế không còn sát tọa, sát thân và sát đỉnh mà thay vào đó là đóa hoa sen thuần khiết mang nhiều ý nghĩa.

Xuất hiện từ cuối thế kỷ XVII, tháp mộ ngày càng nhiều lên theo dấu chân hoằng pháp của các vị thiền sư và đến nay đã có hàng trăm ngôi tháp mộ lớn nhỏ tồn tại trên mảnh đất xứ sở này với những phong cách kiến trúc và mỹ thuật đặc trưng. Tháp mộ Giác Phong Lão Tổ (chùa Báo Quốc) tuy không còn nguyên vẹn, chỉ là một di chỉ lịch sử, nhưng đó là di tích đầu tiên ghi dấu về sự xuất hiện ngôi tháp mộ. Tháp mộ Tổ Liễu Quán (chùa Thuyền Tôn) lại mang dáng dấp đặc trưng của kiến trúc mật thiêm đến những ngôi tháp mộ mang hình hài nguyên thủy trên đồi Yết Ma (chùa Tường Vân), chùa Thiền Lâm Theravada... và nhiều tháp mộ theo kiến trúc lầu các của Trung Hoa phổ biến sau này. Tất cả như một phức thể quy tụ lại để thể hiện sự đa dạng và dung hòa các phong cách thật ngẫu nhiên.

Và sự giải thoát

Vốn chỉ là ngôi tháp mộ nhưng kiểu thức và họa tiết của nó không đơn điệu, vẫn lộ được vẻ thuần phác của phong cách nguyên thủy, vẻ đài các của phong thái Trung Hoa và đâu đó là chút huyền bí của người Tây Tạng. Ở đây chỉ xin

nhắc đến hai chi tiết đặc trưng toát lên nhiều ý nghĩa; đó là thân tháp và đóa sen (thay cho tháp sát) trên đỉnh của tháp mộ. Thân tháp của tháp mộ Phật giáo xứ Huế chịu ảnh hưởng của loại hình bảo tháp thờ Xá lợi và được xây theo hình bát giác như tên gọi ban đầu là tháp Phức Bát. Bình đồ dạng tháp Phức Bát là kiểu dáng phổ biến trong hệ thống tháp mộ chùa Huế, thỉnh thoảng có thêm hình lục giác (duy nhất tháp mộ của Thiền sư Tổ Ấn - Mật Hoằng ở chùa Quốc Ấn). Với quan niệm của nhà Phật, ý nghĩa của hình bát giác không chỉ gói gọn trong nhu cầu sở thích. Tháp có 8 mặt biểu hiện cho 8 hướng trong ý thức Phật pháp viên chiếu tám phương. Số 8 trong triết lý nhà Phật còn được hiểu rõ hơn trong thuật ngữ "*Bát chánh đạo*". Vốn Phật giáo xem cuộc đời này là bể khổ, sự khổ ấy xuất phát từ sự mê muội của con người, của tham - sân - si. Để con người thoát khỏi tham - sân - si thì việc tu tập theo Bát chánh đạo là con đường đi đúng đắn nhất. Với Bát chánh đạo, vị tu sĩ sẽ nghiêm trì được giới luật, quán định được tư duy để khi viên tịch có thể được đến cõi Niết-bàn. Quá trình tu tập là một quá trình dài lâu, vì vậy ngay cả khi viên tịch thì ước vọng tu theo con đường đã chọn để đạt chánh quả vẫn là một ước vọng cần phải thực hiện. Phải chăng hình hài tháp mộ cũng có dụng ý như vậy?

Nhưng nếu tháp Phật ở Trung Hoa có nét giống với ngôi tháp từ Ấn Độ do còn lưu giữ hình ảnh tòa phù đồ trên đỉnh tháp thì vào Việt Nam, đặc biệt là những tháp mộ ở Huế, chi tiết ấy đã mất hẳn và thay vào đó là đóa hoa sen. Hoa sen trở thành chi tiết trang trí độc tôn của tháp mộ Phật giáo xứ Huế không những vì nó có hình dáng trang nhã mà còn vì với đạo Phật, hoa sen nói lên nhiều điều hơn cả hình hài đượm vẻ hiền dịu ấy.

Hoa sen là biểu hiện của sự nảy nở Tinh Thần, của Linh Thiêng và của Thuần Khiết. Chuyện truyền kỳ của Phật giáo kể lại rằng ngay khi cậu bé Siddhartha, Đức Phật tương lai, vừa chạm đất và đi bảy bước thì bảy hoa sen từ dưới đất mọc lên. Như vậy, mỗi bước của Bồ-tát là một động tác làm nảy nở tinh thần. Chư Phật nhập định lại được trình bày ngồi trên tòa sen và sự nảy nở của Thiền định cũng được tượng trưng bằng hoa sen nở, mà ở trung tâm và nơi các cánh hoa có các biểu tượng hay hình vẽ của chư Phật và Bồ-tát khác nhau.

Ý nghĩa căn nguyên của hoa sen tồn tại như chính quá trình sinh trưởng của nó. Sen mọc từ bùn đen, vươn lên mặt nước, và ra khỏi mặt nước mới nở hoa. Mặc dù lớn lên từ trong lòng đất, nước, hoa sen không vương bận bởi những điều hôi tanh. Tinh thần cũng vậy, sinh ra ở thế giới này, trong thân thể con người, nhưng sẽ nở các cánh hoa của đức hạnh sau khi đã thoát khỏi làn sóng bùn dơ của đam mê và ngu dốt, sau khi đã biến đổi các lực mù quáng trong các chiều sâu thành nhụy thanh khiết của hoa - trí huệ Giác ngộ (Bồ đề tâm) hay viên ngọc Như ý (Mani). Nếu sức mạnh hướng về ánh sáng ngủ yên trong mầm sen ẩn dưới lòng đất, thì sẽ không có liên đài vươn mình đón vầng thái dương. Nếu trong sự hoàn toàn vô trí, trong sự

ngu dốt cùng cực, mà ngủ yên lòng mong ước mãnh liệt muốn hiểu biết tất cả thì sẽ không bao giờ trong đêm dài sinh tử lại có bậc Giác ngộ đứng lên.

Cũng như thế, chư vị Tăng Ni trong bảo tháp kia là những thần thức đã thoát khỏi nhục thân, hình hài tạm bợ để vươn lên cùng ánh sáng trí huệ, của Đạo pháp như đóa sen nở trên chóp tháp vậy.

Trong không gian thanh nhàn, êm đềm và yên ả của vườn chùa, giữa tiếng cầu kinh, tiếng chuông vãn hồng sớm vang lên xua tan những buồn lo u uẩn, tháp mộ của chư vị thiện sư hiện hữu một cách nhẹ nhàng ngày đêm mang điểm lành đến cho đồ chúng và Phật tử thập phương. Như đóa sen đã vươn mình lên khỏi bùn nhơ tăm tối và đạt đến trí huệ, đến sự viên mãn, lúc tàn đi vẫn trứ lại nguồn dinh dưỡng giúp nảy mầm những đóa sen tương lai. Thần thức của chư vị thiện sư đã đến với thiên giới, với cõi Phật nhưng với bảo tháp kia chư vị như vẫn nhắc nhở đồ chúng một điều rằng: hãy tu tập để nở đóa hoa trí huệ, không ngừng tinh tấn để đạt tới Niết-bàn. Vốn cuộc đời là vô thường, tạm bợ vì vậy phải làm sao để lúc viên tịch một chút hương vẫn còn lưu lại với đời, giúp cuộc đời trần thế này thêm phần hương sắc. “Đàn hoa lạc khứ hữu dư hương”, câu thơ ở cổng vào tháp mộ Tổ Liễu Quán đã dạy như vậy.

Hành trình của tháp Phật giáo cũng là hành trình tìm đến sự hoàn mỹ cho ước nguyện được giải thoát. Hành trình ấy qua không gian và thời gian đã mang theo mình những chi tiết nghệ thuật cũng như kiến trúc thể hiện rõ phong cách của từng nền văn hóa. Trên nền tảng của sự vi diệu trong giáo lý nhà Phật, tháp Phật mang đến sự an lạc cho toàn thể chúng sinh và niềm an lành cho mỗi kiếp nhân sinh trong từng tháp mộ. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Meher Mc Arthur (2005), *Tìm hiểu mỹ thuật Phật giáo*, Nxb Mỹ Thuật (Phan Quang Định dịch)
2. Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2001), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
3. Chân Nguyên - Nguyễn Tường Bách (1999), *Từ điển Phật học*, Nxb Thuận Hóa (Nguồn: Đạo Uyển <http://www.daouyen.com>).
4. Nguyễn Tuệ Chân (biên dịch) (2008), *Nghệ thuật Phật giáo*, Nxb Tôn Giáo.
5. Nguyễn Tuệ Chân (biên dịch) (2008), *Toàn tập giải thích hình tượng hoa sen Phật giáo*, Nxb Tôn Giáo.
6. Đoàn Trung Còn (1997), *Phật học từ điển*, quyển II, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
7. Kiêm Đạt (?), *Mỹ thuật Phật giáo*, ĐH Đông Phương – California – USA. (<http://www.quangduc.com/vanhua/36kientruc12.html>).
8. Robert E. Fisher (2004), *Mỹ thuật Tây Tạng*, Nxb Mỹ Thuật (Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Tuấn dịch).
9. Robert E. Fisher (2002), *Mỹ thuật và kiến trúc Phật giáo*, Nxb Mỹ Thuật (Huỳnh Ngọc Trảng và Nguyễn Tuấn dịch).
10. Nguyễn Bá Lăng (1972), *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Viện Đại học Vạn Hạnh.
11. Hà Xuân Liêm (2000), *Những ngôi chùa Huế*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
12. Trần Đại Vinh, Nguyễn Hữu Thông, Lê Văn Sách (1993), *Danh lam xứ Huế*, Nxb Hội Nhà Văn.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2009

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2009, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 60 cuốn/kỳ
Bà Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 26 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Ô. Lương Trung Hiếu , Q.1	: 15 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Hồng Phúc-Xuân An , Q. BT	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai	
98 Nguyễn Thượng Hiền, BT	: 4 cuốn/kỳ
Cô Phan Thị Nguyên Thảo	
Cty Unilever	: 4 cuốn/kỳ
Chị Thanh	
298 Lạc Long Quân, P.8, TB	: 4 cuốn/kỳ
Chị Liên Hoàng , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Cô Lý Lạc Bích Ngọc , Q.12	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn , Q. 7	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số bảo tặng kỳ này : 306 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG:

(08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Ban Biên tập





Ý nghĩa của **chiều rộng** & **chiều sâu** trong Phật giáo

HOANG PHONG

Phật giáo với nhiều tông phái khác nhau và khối lượng kinh điển đồ sộ thường gây hoang mang cho người mới bước vào con đường tu tập. Thế nhưng các học giả đã chỉ ra rằng những tông phái hoặc các giáo hội địa phương thực ra chỉ khác biệt điều gì trong giáo lý được nhấn mạnh hơn và những nét văn hóa bản địa muôn đời được du hợp.

Tính cách thuần nhất của Phật giáo

Cho nên, mặc dù đa dạng và không tự buộc mình vào một văn bản hay những giáo điều bất di dịch nào cả, Phật giáo lại là một trong những tín ngưỡng thuần nhất hơn hết. Bằng chứng dễ thấy là các tông phái và học phái Phật giáo tuy có nhiều nét cá biệt nhưng thật ra rất hòa đồng, tất cả đều không mâu thuẫn nhau trên căn bản giáo lý và cũng không gây ra hiểm khích và xung đột lẫn nhau. Nói chung thì những biến đổi nêu trên chỉ mang tính cách hình thức, và sự phong phú các tông phái của Phật giáo không hề đi trệch ra bên ngoài giáo lý căn bản.

Trong suốt bốn mươi lăm năm hoằng pháp, những lời giáo huấn của Đức Phật đã được các đệ tử ghi chép và sau đó được các vị thầy lỗi lạc diễn giải qua vô số kinh sách còn lưu lại đến ngày nay. Sự diễn giải phong phú trong kinh sách có thể làm cho ta bị choáng ngợp và khó nhìn thấy những gì chính yếu trong giáo lý nhà Phật. Thêm vào đó, một số hình thức lễ bái màu mè thích nghi với các nền văn hóa địa phương hoặc một vài nghi thức phụ thuộc trợ lực cho người tu tập cũng có thể làm "lệch lạc" hay "che khuất" phần nào cốt tủy của Phật giáo.

Thực sự thì Phật giáo không phải là một tín ngưỡng dựa vào tha lực và cũng không dừng lại ở một đức tin hay một hình thức nghi lễ nào cả vì *Phật giáo là một con đường tu tập không ngưng nghỉ để tự cải thiện lấy chính mình và biến đổi sự sống chung quanh*. Sự tu tập đó là một cuộc hành trình trường kỳ vì việc hoàn thiện cho chính mình và biến cải không gian chung quanh là những gì thật khó khăn để thực hiện.

Với một tầm nhìn thật bao quát, chúng ta cũng có thể



nhìn thấy và xác định được những nét thuần nhất trong tất cả các tông phái và học phái. Thật ra đây là một lãnh vực nghiên cứu rộng lớn của các học giả Phật giáo, trong phạm vi hạn hẹp của một bài viết ngắn, chúng ta chỉ nhằm vào mục đích trình bày một cái nhìn thật đơn giản về các đường hướng tu tập chính yếu làm nòng cốt cho Phật giáo nói chung. Nói một cách tổng quát, sự tu tập Phật giáo có thể phân biệt thành hai lãnh vực hay tiến hành theo hai con đường khác nhau, đó là tu tập theo “chiều rộng” và tu tập theo “chiều sâu”.

Sự tu tập phải như thế nào, phải cải thiện cái gì và sự hoàn thiện nằm ở đâu? Có cách nào để chúng ta có thể xác định sự tu tập ấy một cách đơn giản, thống nhất và dễ hiểu hơn hay không? Hy vọng rằng việc tìm hiểu về hai con đường, tu tập theo chiều rộng và tu tập theo chiều sâu có thể mang lại một vài giải đáp cho các câu hỏi vừa nêu? Ở đây chúng ta sẽ tìm hiểu việc tu tập theo chiều rộng. Trong một bài tiếp, chúng ta sẽ tìm hiểu việc tu tập theo chiều sâu.

Tu tập theo chiều rộng

“Tu tập theo chiều rộng” là mở rộng lòng mình với tất cả chúng sinh và sự sống, cố gắng phát động lòng từ bi, tình thương và sự rộng lượng... Nói một cách khác, “tu tập theo chiều rộng” là cố gắng ngăn chặn những xu hướng thiếu đạo đức và đồng thời trau dồi những phẩm tính đạo hạnh của mình. Vai trò then chốt trong việc tu tập theo chiều rộng chính là lòng từ bi. Thực thi lòng từ bi có nghĩa là ước mong giúp đỡ tất cả chúng sinh thoát khỏi khổ đau. Ước mong đó sẽ giúp người tu tập biết hành động đạo đức hơn và quyết tâm bước vào con đường hướng về giác ngộ.

Lòng từ bi có hai khía cạnh chính yếu: Thứ nhất là lòng nhân ái, tức là cách biết tự đặt mình vào hoàn cảnh khó khăn của người khác một cách tự nhiên và chân thành; và thứ hai là lòng thương cảm, tức là nhìn thấy được khổ đau của người khác.

Lòng nhân ái sẽ mang ta đến gần với mọi người, với sự sống và thiên nhiên. Đến gần ở đây không phải là trên phương diện vật chất mà đúng hơn là trên phương diện xúc cảm. Điều đó có nghĩa là cảm thấy trách nhiệm của mình trước hạnh phúc và sự an lành của mọi người và mọi chúng sinh, và từ đó ta sẽ ý thức được vị trí cũng như bổn phận của mình đối với môi trường và sự sống nói chung. Bổn phận đó không phải chỉ có một chiều vì nếu ý thức được trách nhiệm của mình đối với người khác thì ngược lại ta cũng hiểu rằng sự an vui của chính mình sở dĩ có được là nhờ vào sự cố gắng và góp sức của những người chung quanh: từ cơm ăn áo mặc, nhà cửa, giáo dục, sức khỏe cho đến công ăn việc làm... *Lý duyên khởi*, tức hiện tượng tương liên, tương tác và tương tạo không phải chỉ áp dụng cho mọi vật thể và biến cố trong vũ trụ mà còn tác động giữa con người với nhau. Ý thức được điều đó sẽ giúp ta cảm thấy gần gũi hơn với đồng loại, biết yêu thương và có trách nhiệm nhiều hơn với mọi người trong xã hội.

Lòng thương cảm, khía cạnh thứ hai của lòng từ bi, là khả năng nhìn thấy được khổ đau của chúng sinh. Những khổ đau này thuộc vào ba cấp bậc là khổ đau của khổ đau, khổ đau của sự đổi thay và khổ đau của những chu kỳ hiện hữu.

a) Khổ đau của khổ đau: Khi nhìn thấy một người bị tai nạn xe cộ máu me lênh láng, hay một người rên siết trên giường bệnh, hoặc một người khuyết tật, một con heo bị thọc huyết, những côn trùng quần quai và hoảng sợ dưới gót chân mình..., thì đây là những khổ đau trực tiếp có thể xảy ra bất cứ lúc nào trước mắt mỗi người. Trong các trường hợp như thế, nếu ta biết tự đặt mình một cách tự nhiên và chân thành vào hoàn cảnh của chúng sinh đang chịu khổ đau và cảm thấy đau xót trong lòng, thì đây là cách giúp ta cảm nhận được những khổ đau chung quanh. Kinh sách gọi những loại đớn đau ấy là “khổ đau của khổ đau”.

Những khổ đau thuộc loại trực tiếp như vừa kể tương đối dễ nhận thấy và người tu tập ít ra cũng phải nhìn thấy những loại khổ đau như thế để phát lộ lòng từ bi. Vô tình

trước khổ đau của bất cứ một chúng sinh nào đang xảy ra trước mắt là một thái độ không thể chấp nhận được đối với một người tu tập Phật giáo. Cảnh tượng máu me lênh láng có thể làm cho ta sợ hãi vì liên tưởng đến tai nạn cũng có thể xảy ra cho mình; khi trông thấy một đám tang ngoài đường thì tò mò nhìn chiếc quan tài với sự dừng đứng; khi gặp một người mất trí mùa may và ca hát ngẫu ngao thì ta bật cười; khi trông thấy một con chuột chết bên vệ đường thì ta kinh tởm... Những phản ứng hời hợt và vô nghĩa như thế chỉ là phản ánh của một thể dạng vô minh và cũng cho thấy là ta chẳng nhận biết được gì cả mặc dù chính mình đang trực tiếp đối diện với khổ đau đang hiển hiện trước mắt.

b) Khổ đau của sự đổi thay: Còn một loại khổ đau khác thuộc vào một cấp bậc tinh tế hơn và khó nhận biết hơn. Đó là những khổ đau phát sinh từ hiện tượng vô thường mà kinh sách gọi là "*khổ đau của sự đổi thay*". Nhiều khi loại khổ đau này lại hiển hiện dưới một hình thức thú vị, chẳng hạn như danh vọng, sự giàu sang, hoặc những cảm nhận thích thú của giác cảm mà thông thường người ta lầm tưởng là hạnh phúc. Giàu sang, danh vọng thì sớm muộn cũng sẽ mất mát, những cảm nhận thích thú rồi cũng sẽ chấm dứt bằng sự bất toại nguyện hoặc thêm

khát. Đứng trước một người thành công và đạt được danh vọng tốt đỉnh thì thay vì phát lộ lòng thương cảm và tử bi đối với họ, ta lại cảm thấy nể phục và mong muốn cũng được như thế, đó là chưa kể trường hợp ta cũng có thể phát lộ sự ganh tị và những ý đồ đen tối. Nếu là một người tu tập chân chính thì ta phải hiểu rằng tất cả những thành công đó cũng giống như những ảo giác mà thôi, sớm muộn rồi cũng sẽ tan biến. Những thích thú phát sinh từ giác cảm thì sớm hay muộn cũng gây ra khổ đau cho chính mình và cho người khác nữa, vì sự thêm muốn và bất toại nguyện không sao tránh khỏi, loại khổ đau này thì đầy rẫy khắp nơi do đó ta cũng không cần phải trình bày nhiều ra đây.

Chỉ cần lấy một thí dụ thật đơn giản để chứng minh về *khổ đau của sự đổi thay* như sau. Ta mua một chiếc xe mới và thích chiếc xe ấy vô cùng, đêm nằm cứ tơ tưởng đến nó, chờ sáng dậy sẽ lau chùi thật bóng loáng để khoe với mọi người. Nhưng biết đâu sau vài ngày hay vài tuần thì ta lại hối tiếc và tự hỏi tại sao lại không chọn chiếc xe màu khác, hoặc chọn kiểu xe to hơn dù phải thêm tiền, v.v. Những xúc cảm trước đây đã thay đổi, niềm sung sướng và hãnh diện lúc mới có xe bỗng trở thành sự hối tiếc và khổ đau trong lòng. Nguyên lý vô thường không phải chỉ áp dụng cho những hiện tượng trong vũ trụ mà cho cả những gì thuộc về ta, trên thân xác và cả trong tâm thức của ta nữa.

c) Ngoài hai loại khổ đau nêu trên, Phật giáo còn xác định một loại khổ đau thứ ba, sâu xa, bao quát và khó nhận biết hơn nữa, đó là loại "*khổ đau của những chu kỳ hiện hữu*" mà kinh sách gọi là loại *khổ đau thuộc bản chất của luân hồi*. Thường xuyên ta cảm nhận và gánh chịu những khổ đau thuộc loại này nhưng lại không ý thức được một cách rõ rệt. Những khổ đau của sự hiện hữu trong thế giới luân hồi liên hệ và phát sinh từ những bản năng của sự sống, những khổ đau đó chi phối và làm phát sinh những loại tư duy và xúc cảm tiêu cực, đôi khi có thể là hoàn toàn bất loạn, chẳng hạn như dục vọng, ích kỷ, ganh tị, hận thù, giận dữ, tham lam, hám lợi, lo âu, sợ sệt... Khi nào còn bị những loại xúc cảm ấy chi phối thì ta vẫn còn vướng mắc trong những cảm nhận sâu xa của khổ đau. Chúng hướng ta vào những hành vi thiếu đạo hạnh và tiếp theo đó những hành vi thiếu đạo hạnh ấy lại gây ra cho ta những xúc cảm bất loạn khác..., cái vòng lẩn quẩn ấy chính là hình ảnh tượng trưng cho thế giới luân hồi. Người tu tập phải nhìn thấy chu kỳ chuyển động có tính cách trôi buộc và lôi kéo đó để phát lộ lòng tử bi giúp đỡ tất cả chúng sinh.

Phương pháp tu tập theo chiều rộng không chỉ mang lại lợi ích cho người khác mà còn làm phát sinh trong ta những xúc cảm thanh cao, một tâm thức trong sáng và những niềm hạnh phúc đích thực và sâu xa. Những lợi ích đó thật hết sức cần thiết để hỗ trợ và giúp người tu tập đi xa hơn nữa, vì tu tập Phật giáo không phải chỉ có chiều rộng mà thôi. ■

(còn tiếp)





Ảnh: Hồ Cầu

Chùa Đông Hà

NHU TÂM

Năm 1975, gia đình tôi gồng gánh đưa nhau từ quê lên thị xã lập nghiệp, mẹ tôi tần tảo buôn bán, ba tôi mở một tiệm sửa xe Honda tại nhà, cơm áo qua ngày vào lúc hòa bình mới được lập lại. Cái thuở đất nước còn khó khăn, ở một thị xã nhỏ bé quanh năm nắng gió, mưa và lạnh luôn làm bận với người dân nơi đây, ba mẹ tôi khó khăn lắm mới nuôi nổi những sáu đứa con của mình.

Một bữa trưa, mẹ tôi bận làm bếp ở dưới nhà đang loay hoay với con cá trê còn giãy giụa trên thớt, bỗng giật mình khi thấy một bóng áo nâu đứng trước cửa nhà. Đó là một vị tu sĩ với chiếc xe đạp bị bể bánh. Lúng túng với con cá trên tay, mẹ tôi gọi ba tôi từ trong phòng ra sửa xe cho thấy. Thấy nhìn mẹ tôi mỉm cười và nói, “Chắc là con cá nó sợ lắm nhì!”. Nói rồi thấy bước ra ngoài quán. Mẹ tôi nhìn con cá, ngần ngừ với câu nói của



thấy. Trong lúc ngồi chờ sửa xe, thấy bắt chuyện với ba tôi. Người hỏi, ba tôi trả lời. Câu chuyện bắt đầu bén rễ, không biết thấy nói những gì mà ba tôi có vẻ thích lắm, thỉnh thoảng lại cười thành tiếng. Sửa xe xong, ba tôi xin không lấy tiền công, chỉ nhận tiền vật liệu.

Ba tôi hỏi thấy ở đâu đến. Thấy bảo thấy từ Huế ra nhận chùa ở đây (thị xã chúng tôi chỉ có một ngôi chùa duy nhất), chùa cách nhà tôi một con đường ngắn.

Tuần sau, vào ngày rằm, ba mẹ tôi dẫn nhau đi chùa, thăm thấy. Và từ đó vào các ngày rằm hay lễ lớn, gia đình tôi đều đi chùa lạy Phật và thăm thấy. Điều đặc biệt mẹ tôi không bao giờ mua thêm bất cứ một con vật sống nào về làm thịt cá.

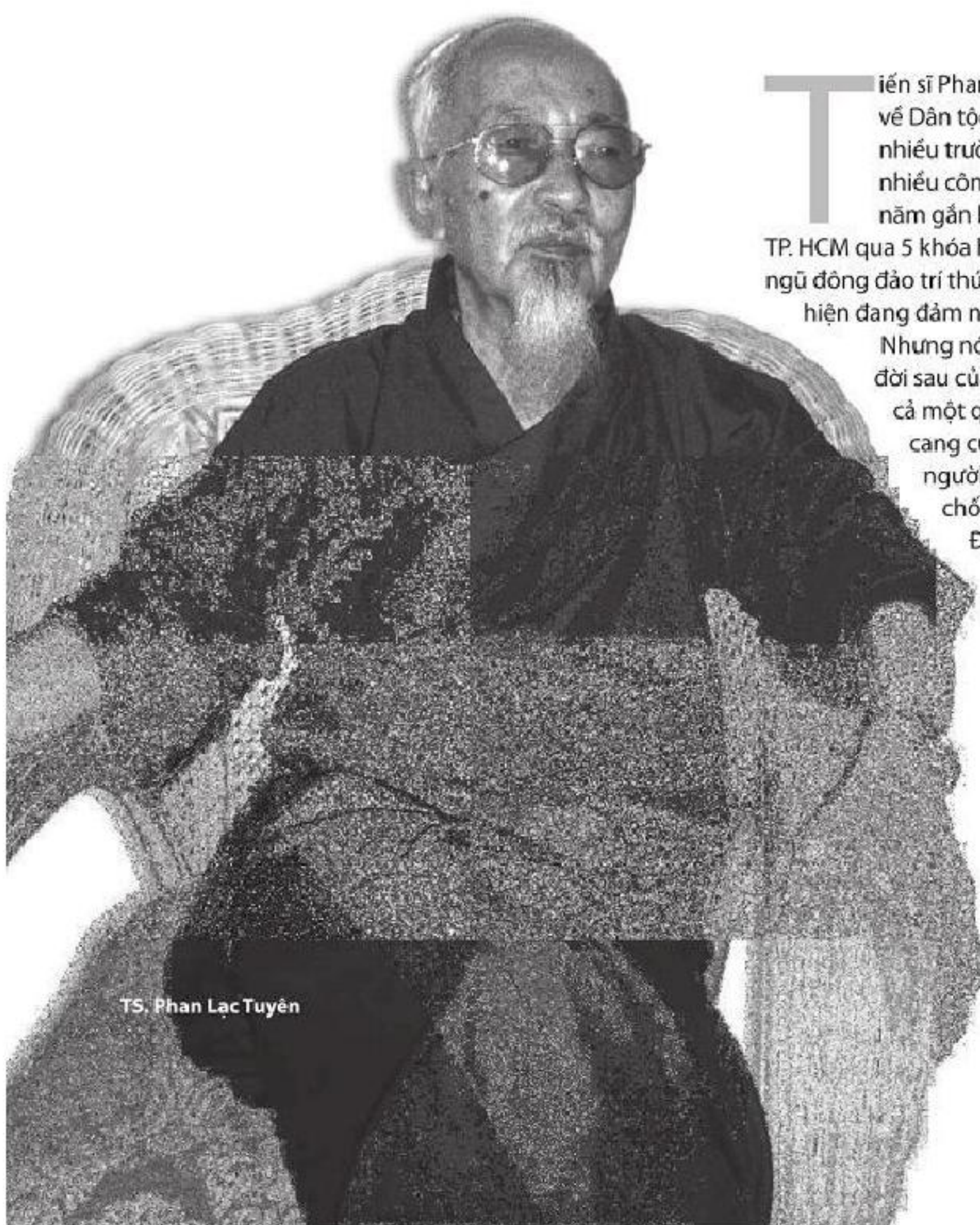
Chùa có tên là Châu Quang tự, nhưng người dân ở đây ai cũng gọi chùa là chùa Đông Hà; chẳng những thế, nếu bạn đến thị xã Đông Hà mà hỏi chùa Châu Quang thì chưa chắc người ta biết nhưng bạn hỏi chùa Đông Hà thì người ta sẽ chỉ cho bạn đường đi đến đúng chùa.

Chùa Đông Hà không phải là một ngôi chùa cổ, không được mệnh danh là sắc tứ vua ban; chùa cũng không phải là một ngôi chùa nguy nga tráng lệ để phù hợp với thời đại ngày nay. Thị xã Đông Hà bao lần đổi mới nhưng chùa vẫn sớm hôm chuông ngân với âm vang như thuở ban đầu của những năm thị xã còn khó khăn. Chùa bây giờ so với ngày xưa cũng không thay da đổi thịt là bao. Nhưng chùa là tâm linh của người dân nơi đây. Từ người giàu cho đến kẻ nghèo đều hướng về ngôi phật vũ này. Hầu như sau mỗi ngày bận rộn với mưu sinh, người dân lại rủ nhau đi chùa, cầu an, cầu siêu, sám hối... Các em Gia đình Phật tử tập hợp bên nhau sinh hoạt ca hát. Ngày rằm, chùa đông vui lắm, đèn bật sáng trưng, tiếng ca hát, tiếng vỗ tay rộn ràng cả một không gian, người đi đường cũng phải dừng xe đứng nhìn một lúc rồi mới chịu đi. Chủ nhật là ngày sinh hoạt Gia đình Phật tử. Anh chị huynh trưởng dạy giáo lý cho các em đoàn sinh, những câu chuyện lịch sử Đức Phật Thích-ca, câu chuyện chim oanh vũ hiểu thảo với cha mẹ đã đi qua trong trí óc nhỏ bé của tôi một thời tuổi thơ ở ngôi chùa này. Bọn trẻ chúng tôi rất mong đến ngày Chủ nhật để được đến chùa, được ca hát nhảy múa, để nghe những câu chuyện về tiền thân Đức Phật, được nghe thầy trụ trì giảng giáo lý, tập làm người con hiếu thảo, siêng năng học hành... những bài học đạo đức làm người vẫn còn vang vọng đâu đây.

Tiếng chuông ngân sớm hôm vẫn vang vọng, những năm tháng tuổi thơ với ngôi chùa qua đi. Tôi xa quê vì mưu sinh nhưng trong thâm tâm lúc nào cũng nhớ về ngôi chùa ấy. Ngôi chùa vẫn đắm thắm ẩn mình bên một góc đường phố tấp nập người qua kẻ lại. Chùa có vẻ già đi theo tháng năm. Bây giờ chùa đã gắn bó với cái tên Châu Quang tự nhưng mỗi lần nhắc đến chùa, chúng tôi cũng vẫn dùng tên gọi là chùa Đông Hà, như để gợi nhớ lại những năm tháng Đông Hà đang còn khó khăn và chùa cũng đi cùng khó khăn đó với thị xã chúng tôi. ■

Tiến sĩ Phan Lạc Tuyên

đi tu



TS. Phan Lạc Tuyên

Tiến sĩ Phan Lạc Tuyên là một học giả nổi tiếng về Dân tộc - Tôn giáo học, từng giảng dạy ở nhiều trường đại học trong và ngoài nước; có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc; có 20 năm gắn bó với Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM qua 5 khóa học, góp phần đào tạo nên một đội ngũ đông đảo trí thức Phật giáo, trong đó có nhiều người hiện đang đảm nhận những trọng trách của Giáo hội. Nhưng nói như thế chỉ mới khái quát nửa phần đời sau của ông thôi, còn nửa phần đời trước là cả một quãng đời binh nghiệp đầy sóng gió, cang cường mà ít người biết đến. Ông là người đã tích cực tham gia cuộc đảo chính chống chế độ độc tài, đàn áp Phật giáo Ngô Đình Diệm.

Và rồi hôm nay, ở cái tuổi 83, ông kiên quyết vào ở hẳn trong chùa. Ngôi chùa mà ông chọn ở là chùa Diệu Pháp ở P.13, Bình Thạnh, cuối con đường Nơ Trang Long.

Đến thăm ông vào một chiều mùa hè tại nơi ông ẩn tu. Câu chuyện bên tách trà với ông không biết đã đi qua mấy tuần rồi, từ chuyện đời, chuyện đạo; đến chuyện binh nghiệp, chuyện dạy học...

Chúng tôi xin lược ghi lại buổi nói chuyện này.

Thưa Cụ! Ông bà mình thường bảo vào chùa để tu. Vậy hôm nay Cụ vào chùa ở phải chăng Cụ quyết chí tu hành?

Cụ Tuyên: Vâng! Vào chùa để tu là tất nhiên rồi. Nhưng cũng không hẳn như vậy. Vì tôi đầu chỉ tu kể từ khi vào chùa. Nếu nói gặp Phật mến Phật là tu, thì tôi đã tu từ bé, khi còn lẻo đẻo theo mẹ lên chùa. Tôi nhớ không rõ trong kinh nào, có kể câu chuyện một người đồn củi vào rừng bị thú dữ nấp, hoảng quá leo lên ngọn cây mà miệng cứ mãi niệm Nam-mô Phật, Nam mô Phật rồi sau này thành Phật. Huống nữa là cậu bé ngây thơ đầy lòng mến mộ Đức Phật như tôi lúc bấy giờ. Còn nói bảo vệ Phật pháp, làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài ở thế gian là tu, thì khi tôi tiến hành đảo chánh chống Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo là tu rồi còn gì. Còn nói đem tri thức, đem giáo lý Đức Phật phổ cập đến cho nhiều người là tu, thì suốt những năm tháng giảng dạy tại các trường đại học tôi cũng đang tu đấy chứ. Tất nhiên, tôi dạy Tôn giáo học nói chung, trong đó có Phật giáo, nhưng tôi luôn đề cao tư cách đạo đức của Phật và tính trí tuệ trong giáo lý của Ngài. Đây đều là những sự thật, mà đã là sự thật thì ngại gì không nói. Tôi biết rất nhiều người có cảm tình với Phật giáo sau khi nghe tôi nói, và cũng rất nhiều tìm hiểu lại Phật giáo rồi thay đổi thái độ. Đó là chưa kể lúc tôi dạy tại Học viện, góp phần đào tạo được rất nhiều quý thầy, quý sư cô tài ba. Tất cả đều là tu hết, nhưng qua mỗi thời kỳ chúng ta có cách tiếp cận khác nhau mà thôi.

Tôi nay hơn 80 rồi, gần cuối cuộc lữ hành rồi, phải tu khẩn trương, nghiêm túc hơn nên tôi vào chùa ở hẳn. Hàng ngày tôi ăn chay, niệm Phật, ngồi thiền theo quý thầy. Hiện tại tôi rất hạnh phúc. Khung cảnh nơi đây thật yên bình nên thơ. Có tiếng chim, có sóng vỗ, có khóm trúc vàng, có cây đa cổ thụ... đó là những hình ảnh tiêu biểu của làng quê Việt Nam muôn đời. Tôi yêu khung cảnh này, và hy vọng tìm được ít vốn liếng Phật trước khi về với Ngài.

Cụ có nhắc đến cuộc đảo chính năm 1960. Thưa Cụ, lâu nay chúng ta chỉ mới biết đến một Phan Lạc Tuyên là nhà khoa học, chứ ít biết còn một Phan Lạc Tuyên khác nữa, đó là Đại úy Phan Lạc Tuyên, một trong những người lãnh đạo cuộc đảo chánh năm 1960. Cụ có thể kể về sự kiện này được không?

Cụ Tuyên: À đó là cuộc đảo chánh ngày 11/11/1960 do tôi và một số sĩ quan Sài Gòn tiến hành. Như đã nói, tôi là người theo đạo Phật từ khi còn nằm trong bụng mẹ, vì mẹ tôi siêng đi chùa lắm. Khi có mang tôi, mẹ càng siêng đi chùa hơn nữa, có lẽ là để cầu nguyện cho tôi. Rồi khi còn bé, rằm, mừng một nào tôi cũng được mẹ dẫn đi chùa. Kỷ vật về mẹ của tôi là một tràng hạt

và một tượng Phật Bốn Sư mẹ để lại cho tôi, hiện giờ tôi vẫn còn giữ. Nên tình cảm của tôi đối với đạo Phật như là một cái gì đó rất tự nhiên. Khi Ngô Đình Diệm tiến hành đàn áp Phật giáo ở miền Nam, tôi đang là chỉ huy phó kiêm tham mưu trưởng Liên đoàn Biệt động Quân khu Thủ đô. Quá bất mãn với những việc làm của ông Diệm, ông Nhu, tôi cùng với một số sĩ quan khác tiến hành đảo chánh.

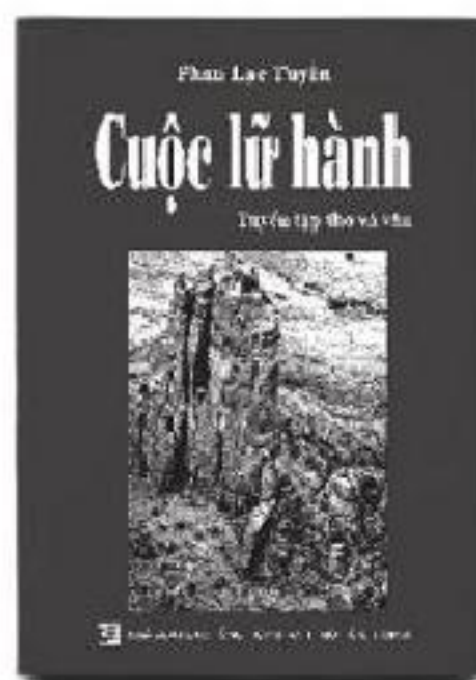
Mà nghĩ cũng lạ, tuy chưa có dịp hiểu sâu về Phật pháp, nhưng tôi luôn xem nhẹ danh lợi, phải chăng đây là Phật tính nhiều đời, nhiều kiếp tích tụ trong tôi. Nếu thế thì thật là phúc cho tôi, vì nhờ đó mà tôi thoát được những tình thế ngặt nghèo của thời cuộc. Khi ấy tôi 30 tuổi, một hôm Tổng thống Ngô Đình Diệm gọi tôi vào dinh và đề nghị tôi làm Tỉnh trưởng tỉnh Bình Dương kiêm chỉ huy quân sự. Ông còn nói, nếu đồng ý, tôi sẽ là một tỉnh trưởng trẻ nhất miền Nam lúc bấy giờ. Nhưng tôi lựa lời thoái thác và sau đó tiến hành đảo chánh chống ông ta. Nếu đam mê danh lợi chắc tôi đã là tội đồ của dân tộc rồi, và chắc chùa cũng không cho tôi ở đâu, vì theo ông Diệm thì phải chống lại Phật giáo mà!" (cười).

Nếu lịch sử có sự lặp lại, Cụ có vì Phật giáo một lần nữa xả thân không?

Cụ Tuyên: Tất nhiên, đối với Phật giáo lúc nào tôi cũng sẵn sàng. Nhưng mỗi thời đại nó có những vấn đề khác nhau. Hiện tại, theo tôi, để có thể đóng góp thật nhiều cho Phật giáo thì mọi người, từ tu sĩ cho đến cư sĩ phải học thật giỏi giáo lý của Phật và tu hành thật nghiêm túc vào. Đó là cách tốt nhất và duy nhất hiện nay.

Từ một quân nhân đến một nhà giáo, hai lĩnh vực hoàn toàn khác nhau nếu không nói là đối lập nhau. Nhưng ở phương diện nào Cụ cũng thể hiện một cách xuất sắc. Vậy thưa Cụ, điều gì đã khiến một Phan Lạc Tuyên quân nhân trở thành Phan Lạc Tuyên nhà giáo?

Cụ Tuyên: Gia tộc tôi thuộc truyền thống khoa bảng. Từ đời Lê đến tôi có 2 vị đậu tiến sĩ. Bản thân tôi cũng là bạch diện thư sinh, bị động viên đi lính khi đang học năm 2 trường luật Hà Nội. Vào quân đội rồi, nghiệp bút nghiên vẫn cứ đeo đuổi. Tôi dạy ở Trường Chỉ huy và Tham mưu, và làm chủ bút tạp chí Đại học Quân sự Sài Gòn. Nói như vậy để thấy rằng dòng máu khoa bảng luôn nóng chảy trong người tôi, còn việc chiến chinh chỉ là thời cuộc mà thôi. Nên khi đất nước thống nhất, tôi trở về với chính con người của tôi, con người văn chương học thuật. Tôi còn nhớ một mẩu chuyện vui về quyết định đi dạy của mình thế này. Đó là sau khi giải phóng miền Nam, tôi ở nước ngoài về gặp Cụ Phạm Văn Đồng khi ấy đang là Thủ tướng, Cụ hỏi tôi có đề nghị gì



Một tác phẩm của
Cụ Phan Lạc Tuyên

không, tôi đề nghị là được đi dạy học. Cụ phá lên cười sáng khoái, bảo tôi rằng tưởng đề nghị gì, chứ đi dạy học thì quá đơn giản. Tôi nói: “Vâng, thưa Thủ tướng! Nhưng mà sách vở, tài liệu tôi sưu tầm nhiều lắm, lúc này phương tiện đi lại rất khó khăn, xin Thủ tướng giúp đỡ”. Thủ tướng nói ngay: “Được! Có xe của chị Bình (tức bà Nguyễn Thị Bình) đi công tác ở nước ngoài để không đầy, lấy cho đồng chí Tuyên mượn”. Thế là tôi bắt đầu con đường đi dạy học từ đó và mãi cho tới bây giờ.

Được biết Cụ được đề nghị phong Giáo sư đến 2 lần nhưng Cụ từ chối?

Cụ Tuyên: Vâng, đúng thế! Mọi danh hiệu đều là phù phiếm, Đức Phật chẳng dạy thế sao. Danh hiệu đã phù phiếm rồi, mà danh hiệu không đúng càng phù phiếm gấp bội. Sống thực tế với chính con người mình ý nghĩa hơn, nên tôi từ chối.

Cụ tham gia giảng dạy ở HVPGVN tại TP. HCM ngay từ khóa đầu tiên và trải qua 5 khóa. Vậy nhân duyên gì đưa Cụ đến với Học viện?

Cụ Tuyên: Lúc đó tôi đang công tác tại Viện Khoa học Xã hội miền Nam, chuyên ngành Dân tộc. Tôi được Học viện – lúc đó gọi là trường Cao cấp Phật học Việt Nam – mời phụ trách môn Văn minh Việt Nam. Hình ảnh tôi còn nhớ Hòa thượng Minh Châu đích thân đến nhà tôi, mời tôi dạy học khiến tôi rất cảm động. Tôi rất quý Hòa thượng Minh Châu. Ngoài ra, trong thời gian cộng tác với học viện, Hòa thượng Thích Chơn Thiện là người mà mỗi lần gặp gỡ tôi đều có ấn tượng rất tốt đẹp.

Xin Cụ kể một kỷ niệm đáng nhớ nhất khi giảng dạy tại Học viện?

Cụ Tuyên: Đó là chuyến đi diễn dã thực tế 1 tuần cùng với Tăng Ni khóa 4 tại Tháp Bà Ponagar Nha Trang, một công trình kiến trúc tiêu biểu của văn hóa Chăm-pa. Thấy trò chúng tôi ngồi học, thảo luận ngay dưới chân tháp về mọi vấn đề của tháp Chăm. Quý thầy cô rất thông minh và nhiều thắc mắc, khiến tôi không ít lần phải bối rối. Chuyến đi đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm đẹp. Tôi nhớ mãi chuyến đi này.

Phật giáo như là một sợi chỉ xuyên suốt cuộc đời của Cụ. Từ một cậu bé hồn nhiên, đến một sĩ quan cương cường, rồi một nhà giáo thâm trầm... thế thì điều gì của Phật giáo đọng lại sâu nhất trong Cụ?

Cụ Tuyên: Đó là câu nói: Thắng ngàn quân địch ở chiến trường không bằng tự thắng mình, thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất. Mình đây là nỗi sợ hãi, sự hèn nhát, lòng ích kỷ, tính đố kỵ... mà Phật dạy là tham sân si... đây mới thực sự là những đối thủ khủng khiếp và đáng sợ nhất, mà tôi thấy chưa ai có thể chiến thắng được một cách toàn diện, triệt để, ngoại trừ Đức Phật. Chính vì thế nên chúng ta mới lạy Phật, tu theo Phật,

tức là học cách tự thắng. Điều này cũng nói lên rằng sự cao siêu, vĩ đại hay sự đốn mạt, thấp hèn không phải ở trên trời hay dưới đất, mà ở ngay trong chính con người chúng ta.

Với tư cách là một nhà khoa học, nhà sư phạm, Cụ thấy Phật giáo có thể đóng góp được gì cho con người trong hiện tại?

Cụ Tuyên: Sống và chết, chiến tranh và hòa bình là những vấn đề lớn nhất của nhân loại muôn đời. Phật giáo đáp ứng được tất cả những vấn đề này từ trong ý nghĩa cụ thể nhất đến khái quát nhất. Chiến tranh diễn ra hàng ngày trên khắp thế giới, kết cục bi thảm của nó là cái chết vô nghĩa của những con người vô tội. Càng đau khổ chết chóc vì chiến tranh, người ta càng khát vọng hòa bình, nhưng hòa bình làm sao được khi lòng đầy thù hận. Thù hận chỉ có thể chuyển hóa, chứ không thể đè nén. Tôi rất có ấn tượng với ảnh dụ lấy đá đè cỏ của Đức Phật, vì rốt cuộc cỏ vẫn cứ mọc lên thôi. Giải quyết chiến tranh bằng chiến tranh chỉ làm cho chiến tranh thêm lan tràn. Như lời Phật dạy, chiến tranh nằm ngay trong lòng người. Tôi rất mừng là gần đây, Liên Hợp Quốc đã chọn ngày Đản sinh của Đức Phật làm ngày kêu gọi hòa bình cho thế giới. Đây là điều rất tốt cho Phật giáo. Phật giáo phải trở thành kim chỉ nam cho con đường mưu cầu hòa bình hạnh phúc của nhân loại. Tôi nghĩ đã đến lúc, các nhà Phật học nên tranh thủ giới thiệu, quảng bá một cách mới mẻ, khoa học, gắn gũi những giá trị từ bi, bình đẳng, nhân ái, hiếu sinh... Điều này không chỉ làm cho Phật giáo trở nên gần gũi, có ích với mọi người, mà quan trọng là con người được cung cấp những phương pháp hữu hiệu để vun đắp hạnh phúc cho bản thân và cộng đồng xã hội.

Xin Cụ cho một lời kết về cuộc nói chuyện này?

Tôi sống đến nay đã hơn 80 tuổi rồi. Sự đời có gì mà tôi chưa từng nếm trải? Nhưng càng từng trải, kinh nghiệm thì niềm tin nơi Phật pháp càng sáng lên trong tôi. Cứ tưởng rằng tiếp xúc nhiều với khoa học, với văn minh vật chất của phương Tây, thì niềm tin vào Phật bị lấn át đi. Nhưng hoàn toàn không phải như vậy. Phật pháp vẫn đứng vững giữa dòng chảy như thác lũ của khoa học và văn minh nhân loại hiện nay, mà cụ thể là trong lòng tôi. Vì Phật pháp hết sức nhân bản, và trí tuệ. Trí tuệ từ cách đặt vấn đề đến cách giải quyết nó. Đó là luôn lấy con người làm trung tâm của mọi suy tư và hành động. Và chính điều này làm cho Phật giáo có khả năng bao dung được trí tuệ của nhân loại, mà các tôn giáo khác không có được.

Và tôi sáng nào cũng ngồi thiền!

Xin cảm ơn Cụ, chúc Cụ nhiều sức khỏe.

Thanh Tri thực hiện

PHẬT PHÁP

Dây leo mềm mại

TÂM MINH ANH



HÓA PHẬT GIÁO 15-7-2009

Trong thời gian Đức Phật còn tại thế, bên cạnh chủ trương sống khắc kỷ khổ hạnh để tâm hồn được cứu rỗi, quan niệm sống phóng túng thụ hưởng các dục được xem là rất thịnh hành, trở thành như một lễ sống được nhiều người theo đuổi. Đây là một quan niệm cực đoan, dẫn dắt con người vào thế giới sa đọa, trụy lạc, đôi khi bỏ qua cả đạo lý. Đức Phật hiểu rất rõ mối nguy hại của quan niệm cực đoan này nên trong bài pháp đầu tiên giảng cho năm người bạn cũ ở Isipatana, Ngài gọi lối sống ấy là “hạ liệt, dễ tiện, phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích (giải thoát khổ đau)” và khuyên các học trò mình không nên theo.

Đức Thế Tôn chứng nghiệm rất thực vị ngọt của các dục, thấy rõ sự nguy hại của chúng và biết được cách thức vượt qua các dục để sống tự tại an lạc. Ngài nói đến vị ngọt của các dục dẫn dụ con người rơi dần vào hiểm họa khổ đau, tựa như dây leo mềm mại bám vào thân cây Sa-la, rất nhẹ nhàng và êm ái, cứ từ từ lớn lên đeo bám vào thân cây cho đến khi bao trùm cây Sa-la, làm thành một tầng che, phủ kín các nhánh cây Sa-la và bóp nghẹt cây ấy. Cũng vậy, các dục tạo cảm giác khoái lạc nhất thời cho con người nhưng chúng là nguy cơ khiến con người rơi vào hiểm họa khổ đau lâu dài. Chúng ta nghe Đức Phật nói về mối nguy hại của quan niệm sống buông thả theo các dục:

“Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: “Không có lỗi trong các dục”. Những vị này đắm mình trong các dục, hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: “Làm sao các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn kia thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của các cô gái lang thang trẻ trung này!”. Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, các vị ấy phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt. Họ nói như sau: “Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, do các dục này làm nhân, do các dục này làm duyên, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt”.

Này các Tỷ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa nóng, một bẹ hạt giống cây leo nứt ra và này các Tỷ-kheo, một hạt giống cây leo rơi dưới gốc một cây sala. Này các Tỷ-kheo, các vị thần ở trên cây sala ấy lo sợ, run sợ, và hoảng sợ. Bọn bè thân hữu, bọn con huyết thống các vị thần trên cây sala ấy,

thần vườn, thần rừng, thần cây, thần các dược thảo, cỏ, rừng hội họp lại, an ủi như sau: “Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm”. Nhưng này các Tỷ-kheo, hạt giống ấy, con khổng tước không nuốt, con nai không ăn, lửa rừng không đốt, người làm rừng không nhặt đi, các loài mối không ăn, và hạt giống có thể nảy mầm. Được mưa lớn nhờ các làn mây đúng mùa, hạt giống ấy được lớn lên, và một dây leo trẻ, mềm mại, có lông, chậm chậm mọc lên và bám dính cây sala ấy. Này các Tỷ-kheo, các vị thần trên cây sala ấy suy nghĩ như sau: “Không hiểu vì sao các Tôn giả bọn bè thân hữu, bọn con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần trên các dược thảo, cỏ, rừng, thấy sự sợ hãi tương lai trong hạt giống, hội họp lại, an ủi như sau: “Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm”. Khoái lạc thay sự xúc chạm của cây leo trẻ trung mềm mại, có lông đang bám vào!”. Cây leo ấy có thể bao trùm cây sala ấy, sau khi bao trùm, liền làm thành một tầng che trên cây ấy, và ở dưới khỏi lên cả một lùm cây rậm rạp. Khi ở dưới khỏi lên cả một lùm cây rậm rạp, các cành lớn của cây sala ấy có thể bị bóp nghẹt. Rồi này các Tỷ-kheo, các thần trú trên cây sala ấy suy như sau: “Chính vì thấy sự sợ hãi tương lai này, trong hạt giống cây leo ấy mà những Tôn giả, bọn bè thân hữu, bọn con huyết thống ấy, các thần vườn, thần rừng, thần cây, các vị thần ở trên các dược thảo, cỏ, rừng, đã hội họp lại và an ủi như sau: “Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Này Tôn giả, chớ có sợ hãi! Vì hạt giống ấy, con khổng tước có thể nuốt, con nai có thể ăn, lửa rừng có thể đốt, những người làm rừng có thể nhặt đi, các loài mối có thể ăn, hay hạt giống có thể không nảy mầm”. Và nay ta, vì nguyên nhân hạt giống cây leo, cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt”.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, có sở kiến như sau: “Không có lỗi trong các dục”. Những vị này đắm mình trong các dục, họ hoan lạc với các cô gái lang thang có tóc quấn trên đầu. Họ nói như sau: “Làm sao các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Khoái lạc thay, sự xúc chạm với bàn tay có lông mịn của các cô gái lang thang trẻ trung này!”. Sau khi đắm mình trong các dục, khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ở đây, họ cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt. Họ nói như sau: “Các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy thấy sự sợ hãi tương lai của các dục, nói đến sự đoạn trừ các dục, nêu lên sự hiểu biết về các dục. Nhưng chúng ta, vì nhân các dục này, vì duyên các dục này, phải cảm thọ những cảm giác đau khổ, thống khổ, khốc liệt”¹. ■

Chú thích: Tiểu kinh Pháp hành, Trung Bộ.





Thái độ

LAMA ZOPA RINPOCHE

Lama Zopa Rinpoche là một trong những vị thầy nổi tiếng nhất của Phật giáo Tây Tạng, hiện đang làm việc và giảng dạy ở hầu khắp các châu lục.

Ngài là giám đốc tinh thần và là người đồng sáng lập Hội Bảo tồn Truyền thống Phật giáo Đại thừa (The Foundation for the Preservation of the Mahayana Tradition), một mạng lưới của các dự án Phật giáo, bao gồm rất nhiều tự viện tại 6 quốc gia và các trung tâm Thiền tại hơn 30 nước; các phòng khám trị bệnh và dinh dưỡng, đặc biệt là các phòng khám chuyên về bệnh phong và bệnh bại liệt; cũng như tổ chức các vãng sinh đường (nơi tổ chức đám tang, dưỡng bệnh cho người hấp hối), các trường học, các hoạt động xuất bản và các dự án cho những nhà tù trên toàn thế giới.

Lama Zopa Rinpoche là tác giả của nhiều cuốn sách bao gồm *Transforming Problems into Happiness*, *Ultimate Healing* và *Dear Lama Zopa*. Thầy cũng là người đã khuyến khích Phật tử lan Green tiến hành việc mua khối ngọc Polar Pride và tạc thành Phật Ngọc cho hòa bình thế giới (Zade Buddha for the World Peace).

1. Những cảm xúc hay những ký ức khó khăn sẽ trở thành rắc rối nếu bạn không có phương pháp nào để

chuyển hóa chúng. Nếu bạn không nhớ hay không áp dụng những phương pháp chuyển biến suy nghĩ, những cảm xúc hay những trải nghiệm khó khăn sẽ mang đến khổ đau. Tuy nhiên, nếu bạn áp dụng những công cụ đúng đắn giúp chuyển hóa ý nghĩ, nếu càng có nhiều điều không vừa ý xảy ra với bạn, bạn càng có cơ hội thực hành. Điều đó chẳng phải rất tuyệt vời sao?

Chúng ta hoàn toàn có thể chuyển hóa cuộc sống và tâm trí của mình thành điều cốt tủy của Phật pháp.

2. Bất cứ khi nào bạn trải nghiệm một rắc rối trong đời, bạn thường nghĩ: "Tôi đang trải qua điều này thay cho những chúng sinh khác. Thay vì để rất nhiều người khác phải trải qua nó, tôi một mình nhận lấy tất cả những khó chịu này vào tôi, vì thế những người khác không phải chịu đựng nó". Thái độ như vậy sẽ ngăn chặn vấn đề bằng cách làm nguội lạnh nguyên nhân của vấn đề, điều luôn luôn

ở trong tâm bạn. Trải nghiệm những rắc rối theo cách này luôn giữ cho tâm bạn hạnh phúc và làm lợi lạc cho người khác – và khi mà rắc rối của bạn lại làm lợi lạc cho người khác, thì tất nhiên nó cũng làm lợi lạc cho chính bạn nữa.

Mọi điều phụ thuộc vào cách bạn sử dụng tâm của mình.



Lama Zopa Rinpoche

3. Bất cứ khi nào bạn ở trong tâm trạng nặng nề nhất – khi bạn thất vọng, khi người yêu thương rời bỏ bạn, khi bạn mất việc làm – thì đó là thời gian bạn phải đấu tranh với kẻ thù thực sự của mình: ảo tưởng. Hãy nghĩ cho bản thân mình: “Giờ là thời gian dành cho việc chiến đấu, hãy đi ra ngoài và gây chiến với những cảm xúc trần thế. Vòng luân hồi sinh tử chẳng bao giờ mang lại điều gì hạnh phúc thực sự và giờ là thời gian cho tôi nhận ra điều đó”. Khi bạn làm điều này, bạn đang đấu tranh với chính kẻ thù bên trong bản thân mình; bạn đang thực hiện những bước đi nhằm chinh phục kẻ thù – kẻ đã đánh bại bạn trong vòng sinh tử luân hồi không ngừng, từ muôn kiếp trước. Tất cả những kẻ thù khác sẽ chẳng thể nào tồn tại dài lâu một khi kẻ thù bên trong đã bị sụp đổ.

Chỉ coi trọng bản thân mình là cánh cửa dẫn đến mọi trở ngại. Hãy thương yêu người khác - đó là cách đưa đến mọi niềm hạnh phúc.

4. Bởi chúng ta đều trải qua ốm bệnh, tại sao chúng ta lại không dùng kinh nghiệm ốm bệnh đó để mang lại lợi lạc cho người khác?

Bởi chúng ta đã trải qua sự mất mát, tại sao không dùng kinh nghiệm về sự mất mát đó để mang lại lợi lạc cho người khác?

Bởi chúng ta đã hiểu nỗi nhọc nhằn trong cuộc sống, tại sao không dùng kinh nghiệm về nỗi nhọc nhằn đó để làm lợi lạc cho người khác?

Bởi chúng ta đã kinh nghiệm về sự phức tạp của những mối quan hệ, vậy tại sao không dùng kinh nghiệm đó để mang lại lợi lạc cho người khác?

Bởi chúng ta đều kinh nghiệm về cái chết, tại sao không dùng kinh nghiệm về cái chết để làm lợi lạc cho người khác?

Điều gì khiến cuộc đời này hạnh phúc hơn hay có ý nghĩa hơn những điều đó?

5. Khi bạn trải nghiệm bất cứ một trạng thái tiêu cực nào – dù đó là khổ đau – vì người khác, vì vô vàn chúng sinh đang chịu đựng ở khắp nơi, điều đó sẽ trở thành con đường cho bạn đạt được giác ngộ. Tâm trạng chán nản có thể trở thành một bảo vật chứa đựng lời nguyện ước, điều quý giá nhất của mọi điều, giúp thành tựu mọi ước muốn của chính bạn và của những chúng sinh khác về hạnh phúc thực sự.

Chuyển hóa mọi bất hạnh bằng cách tự nguyện nhận lấy mọi khó khăn.

6. Mọi người đều không thể nhìn thấy tâm của chính mình, những gì mà con người ta nhìn thấy là thái độ của chính bạn trong mỗi hành động, việc làm và lời nói của bạn. Luyện tập thái độ ấy với tâm từ bi (tâm bồ đề - bodhisattvas) mỗi ngày; để hành động, lời nói thể hiện mong muốn của bạn nhằm mang tới hạnh phúc đích thực cho mọi chúng sinh.

Đừng cảm thấy buồn phiền nếu bạn luôn nghe thấy những rắc rối khó khăn - tại chúng ta được sinh ra là để nghe mọi điều, nhất là những đau khổ. Rắc rối giống

như những đôi khuyên tai – chỉ là những đồ trang sức cho đôi tai của chúng ta!

7. Ngay cả khi nếu chúng ta nghe những lời dạy của tất cả các vị Phật xuyên qua mọi không gian và thời gian, nhưng chúng ta không thay đổi thái độ của mình, thì điều này cũng chẳng giúp gì được chúng ta về việc nhận thức trong tâm chúng ta. Nếu chúng ta không thay đổi thái độ, chúng ta sẽ chẳng bao giờ có hạnh phúc, tự do thực sự. Đó là lý do vì sao, ngay cả khi có vô vàn các vị Phật và Bồ-tát làm việc không mệt mỏi, không dừng nghỉ, có rất nhiều chúng sinh vẫn khổ đau. Đó không phải bởi vì những vị Bồ-tát không giúp đỡ chúng ta, mà bởi vì từ phía chính mình chúng ta không chịu thay đổi thái độ.

Nếu những điều đó nằm trong tay của những vị Phật và Bồ-tát, thì sẽ chẳng có bất cứ chúng sinh nào phải chịu khổ nữa. Nhưng trong thực tế, thoát khỏi khổ đau lại phụ thuộc vào cả chúng ta và cả những vị hộ thân.

Các vị Phật và Bồ-tát giống như các bác sĩ, và giáo lý của họ là thuốc chữa bệnh. Nếu chúng ta bị bệnh, chúng ta có một bác sĩ giỏi, người hiểu rõ bệnh tật và cách chữa trị cũng như hoàn toàn có khả năng chữa khỏi bệnh cho chúng ta. Chúng ta sẽ không thể nào khỏi bệnh nếu chúng ta không tuân theo lời khuyên của bác sĩ. Nếu chúng ta không thể hồi phục khi không tuân theo lời khuyên của bác sĩ thì đó không thể là lỗi của bác sĩ. Nếu chúng ta chẳng chịu lắng nghe lời khuyên của bác sĩ, thì bác sĩ có thể làm gì đây? Chẳng gì cả. Điều rất quan trọng là hiểu và ghi nhớ điểm này.

Cách thức giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của bạn là mở rộng cánh cửa trái tim của bạn cho người khác. Dù có bao nhiêu khó khăn trở ngại, bằng cách sẵn sàng đón nhận chúng vì người khác, chúng ta sẽ chuyển hóa cuộc sống của chính mình.

8. Sự tiến bộ về tâm của một người có thể ảnh hưởng tới môi trường xung quanh; nó làm chuyển biến môi trường đó. Hãy lấy thầy tôi, Lama Yeshe làm ví dụ. Thầy luôn quan sát mọi người với tâm từ bi. Theo cách nhìn của tôi, bởi vì bản thân thầy là một người có trái tim vô cùng từ bi, những người khác ở quanh thầy cũng trở nên tốt bụng và từ bi. Việc gần gũi, lân mẫn với thầy khiến chuyển hóa tâm của rất nhiều người, hay chúng ta có thể nói, thầy đã ban phước cho những người ấy. Điều này có nghĩa là tâm của ta có thể chuyển hóa từ một thái độ tiêu cực sang một thái độ tích cực, từ tâm ích kỷ sang tâm từ bi.

9. Hãy luôn bảo vệ thái độ của mình, 24h mỗi ngày. Cứ làm theo những gì tâm bạn nói, tin tưởng những gì tâm bạn nói, là vô cùng nguy hiểm – nó thường phản ánh những ảo tưởng mong muốn, không phải là những gì mà các bậc Bồ-tát mong muốn.

Đừng đánh giá thấp sức mạnh của thái độ!

Tú Oanh

Trích dịch từ cuốn *How to be happy*



Nguồn: hutech.edu.vn

Mùa thi yên ả

THẢO VY

1. Mùa thi tốt nghiệp phổ thông năm nay thật là yên ả. Các thí sinh phải thi ở các địa điểm tập trung, bài thi được giao chấm chéo giữa các địa phương. Tình trạng công khai vượt tường lấy đề, ném "phao" và đánh giáo viên coi thi không xảy ra. Báo chí đứng trước một kỳ thi không có gì để nói nhiều. Người ta từng nói "chó cắn người không phải là tin tức, người cắn chó mới là tin tức". Nói theo độ hấp dẫn thì các thông tin kỳ thi này khá là "nhạt nhẽo".

2. Trong cái không khí "nhạt nhẽo" ấy, dư luận về mùa thi năm nay vẫn còn "nhiều chiều". Có ý kiến cho rằng thi theo cụm chỉ "gây sự vất vả tốn kém của người dân" (điều đó được hiểu là không hiệu quả). Đường như những người có ý kiến này đã quên đi câu chuyện mấy năm về

trước: "Ngày 8-6, tại Hội đồng thi THPT huyện K'Bang, Gia Lai, 9 giáo viên bị hành hung. Việc diễn ra từ sáng 8-6, tối 8-6 Thứ trưởng Bành Tiến Long trong cuộc họp báo vẫn không biết. Ba ngày thi ở Hà Tây đều diễn ra tình trạng lộn xộn (để thi ra ngoài, bài giải ném vào) ở Quốc Oai, Thạch Thất. Giám thị và công an bắt lực nhìn cảnh vượt tường leo thang vào lấy đề và mang phao vào (THPT Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất, Hà Tây)". Có người nhận xét phù hợp với câu chuyện "cổ tích" trên: "kỳ luật trường thi đã tốt hơn, không khí trường thi trang nghiêm hơn, việc coi thi chuyên nghiệp hơn...".

3. Việc chấm chéo cũng tạo ra nhiều dư luận trái chiều. Theo chiều hướng ủng hộ, có người thấy rằng đã cải thiện được tình trạng "khung biểu điểm luôn



Ảnh chỉ mang tính minh họa

được điều chỉnh theo hướng có lợi cục bộ". Theo chiều hướng phê bình, những khái niệm chấm thi "chặt, lỏng, cứng" được đưa ra thảo luận. Có người dựa vào đó để lập luận rằng việc chấm chéo cũng không khách quan (chắc hẳn cần phải hiểu rằng cách thức chấm chéo này cũng không hơn gì cách cũ). Ý kiến này cho rằng chỉ nên thi tốt nghiệp "nhẹ nhàng, đơn giản hơn hiện nay", chưa hiểu là sẽ theo phương án nhẹ nhàng nào. Cũng có người cho rằng chỉ cần xét tốt nghiệp hay chỉ nên thi "nhẹ nhàng" do các Sở Giáo dục-Đào tạo địa phương tổ chức. Các phương án "nhẹ nhàng" này chỉ yêu cầu một điều... tối thiểu là "phải dạy thật học thật trong cả 12 năm học phổ thông". Bao nhiêu năm nay, cái mà ngành giáo dục không giải quyết nổi chính là việc "dạy thật học thật" này. Cũng chính vì mục tiêu "dạy thật học thật" này mà Bộ mới phải tổ chức kỳ thi phức tạp như hiện nay. Ý kiến này làm ta nhớ lại cuộc họp của hội đồng chuột bàn chuyện đối phó với mèo. "Điều cần làm không phải là giám sát, gây căng thẳng trong kỳ thi tốt nghiệp PTTH" (nghĩa là điều cần làm không phải là thấy mèo thì trốn) "mà là dạy thật học thật trong 12 năm" (nghĩa là cần giải quyết vấn đề gốc là đeo chuông vào cổ con mèo). Ai (chú chuột nào) sẽ giúp giải quyết vấn đề "dạy thật học thật"? (sẽ đeo chuông vào cổ con mèo?).

4. Mấy năm nay, các ban giám hiệu và thầy giáo dạy chương trình 12 của các trường trung học phổ thông luôn phải chờ ngóng các quyết định của Bộ về các hình thức thi để có thể xác định cách dạy cho học sinh. Nhớ lại hai năm trước, "tin đồn" về việc thi trắc nghiệm môn

Toán thay cho tự luận đã làm cho nhiều giáo viên dạy Toán sốt vó, sách tham khảo dạy Toán theo kiểu trắc nghiệm ra ầm ầm. Bên cạnh loại trắc nghiệm 100% còn có loại bài trắc nghiệm-tự luận nửa này nửa kia. Sau Tết năm ấy (nghĩa là học kỳ 2 của năm học 12) mới có thông tin chính thức là không thi trắc nghiệm môn Toán. Qua tới năm ngoài, tình hình diễn ra tương tự, cộng thêm "tin đồn" là sẽ nhập hai kỳ thi tốt nghiệp phổ thông và đại học làm một kỳ. Thậm chí, cả đề mẫu tham khảo cho việc này cũng đến tay giáo viên. Cũng như năm trước, sau Tết mới có thông tin chính thức là không thi trắc nghiệm môn Toán. Các giáo viên phải chờ mong tin tức như "hạn trông mưa", như chờ gió để "cuốn theo chiều gió". Năm nay thì Bộ tuyên bố ngay trong mùa thi rằng việc nhập hai kỳ thi sẽ chưa tiến hành trong năm sau. Các giáo viên Toán được một năm yên tâm.

5. Các quy định thi đại học được cải tiến liên tục trong những năm vừa qua. Vào năm 2005, các máy tính được sử dụng trong phòng thi có quy định là không có thẻ nhớ, không có các phím chữ, bao gồm máy Casio trước đời 570MS và... các "máy tương đương". Kỳ thi tốt nghiệp PTTH năm đó cho sử dụng máy 570MS. Việc cấm sử dụng máy tính Casio 570MS, trước đó cho sử dụng, đã làm cho mỗi em học sinh tốn một số tiền để mua lại máy tính thích hợp. Thông báo năm đó (và các năm trước đó) vô tình là một sự kiện quảng cáo cho máy Casio. Vì khó giải thích thế nào là các máy tính "tương đương" nên thí sinh chỉ mua máy tính Casio mang vào phòng thi cho chắc ăn. Bốn năm nước chảy qua cầu, những thông báo mới về việc sử dụng máy tính đã mở rộng phần "tương đương" cho các hiệu máy khác như Vinacal, Sharp,... Còn nhớ hãng máy tính Vinacal đã từng phát cho mỗi đại biểu dự Đại hội Toán học toàn quốc 2008 tại Quy Nhơn một cái máy tính (có thể giải phương trình tuyến tính 4 ẩn). Tuy nhiên, cái ưu thế cạnh tranh ban đầu đã không thể bằng cái may mắn (?) của Casio bốn năm về trước.

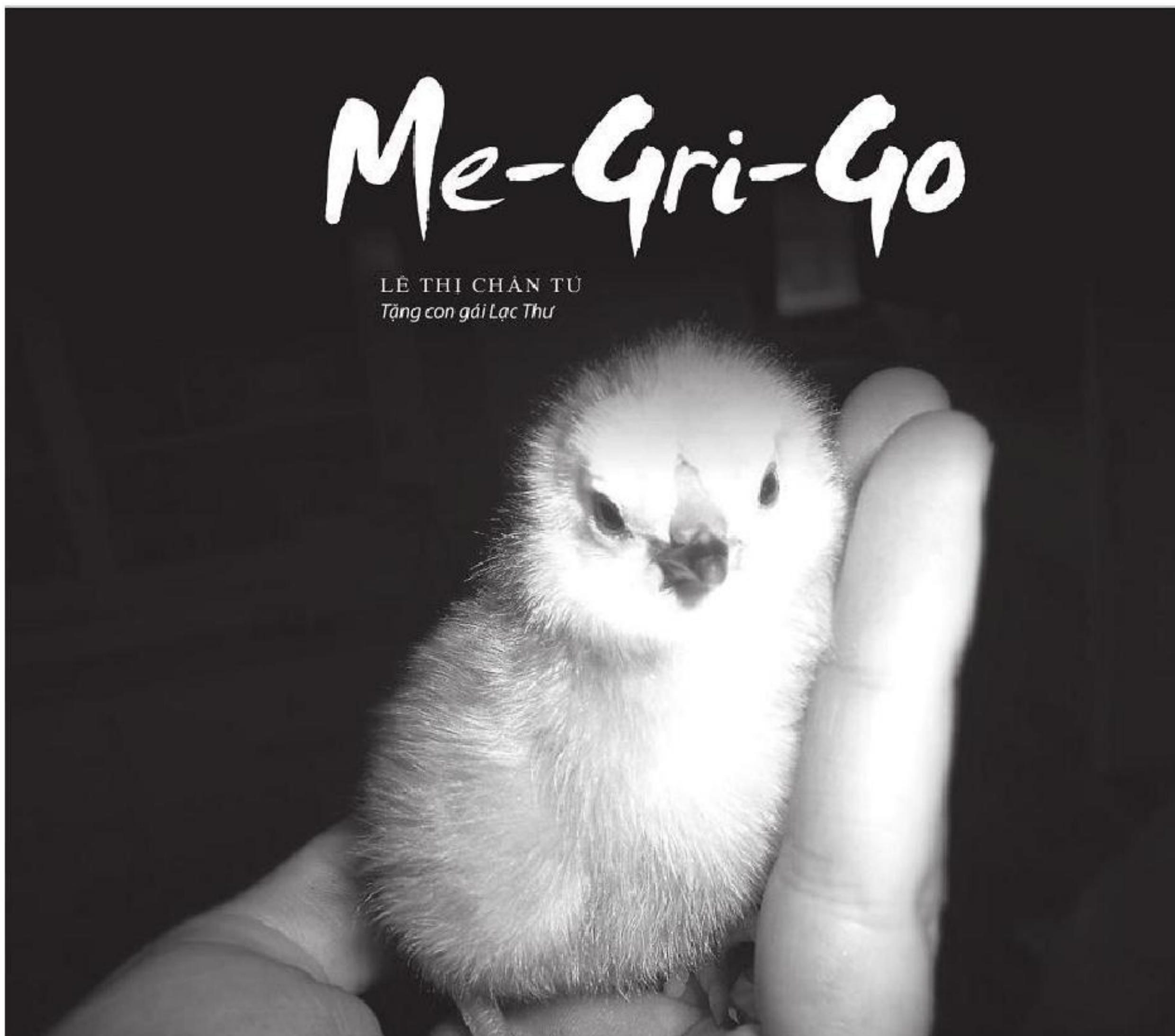
6. Ai có đi coi thi đại học mới thấy sự phong phú của các loại giấy chứng nhận tốt nghiệp phổ thông. Theo quy định, phải có giấy chứng nhận tốt nghiệp phổ thông để dự thi đại học. Có những loại giấy chứng nhận không có ô dán hình, có loại có ô dán hình mà không có hình dán, có loại có dán hình nhưng không đóng dấu vào hình, có loại có dán hình và có đóng dấu vào hình. Có cả những thí sinh không mang giấy chứng nhận tốt nghiệp phổ thông, không có cả giấy báo thi, không có chứng minh nhân dân (nói vui là trường hợp "3-không"). Những trường hợp này đều gây khó khăn cho cán bộ coi thi. Sự không đồng bộ của nền giáo dục thể hiện trong những việc "nhỏ" này. Chuyện "đề" này còn chưa làm tốt được, huống hồ gì là chuyện "dạy thật học thật trong 12 năm".

Mùa thi 2009

Me-Gri-Go

LÊ THỊ CHÀN TỬ

Tặng con gái Lạc Thư



Những ngày cuối năm thật nhiều việc mà nhà lại ít người. Công việc trong ngày thế cũng tạm ổn, hai mẹ con tự thưởng cho mình những giây phút thư giãn thoải mái. Trời se lạnh. Mưa bụi rây rây từng hạt mịn. Thử mưa xuân không ướt đất khiến lá cây trong vườn loang loáng ánh điện từ ngoài đường hắt vào. Hương mai và mùi gừng luộc đầu đó ở nhà bên thơm nức. “Để chịu thật! Bây giờ ở các thành phố lớn người ta thích đi du lịch vào dịp Tết. Con chỉ muốn về quê. Tết ở đây có mùi vị đặc biệt... Chính xác thế nào con cũng chẳng biết nữa... Hình như không phải là một cái gì mà là tất cả... không phải bây giờ mà từ lâu lắm...”. Giọng con bé có vẻ triết lý khiến tôi buồn cười,

nó vốn chẳng phải là đứa ưa suy tư. Mỗi năm con gái tôi được về thăm nhà một lần trong dịp Tết. Ôi thôi, chuyện nọ chuyện kia nói nhau không dứt. Thành linh nó hỏi: “Mẹ nhớ con Me-gri-go không?”.

- Ừ... có...

Đã bao nhiêu năm qua rồi mà câu chuyện đó cứ làm tổ trong đầu óc bé thơ của nó cho đến bây giờ. Đó là một kỷ niệm buồn nhưng cũng là một bài học đáng nhớ...

* * *

Me-gri-go là tên một con gà. Chính xác là một con gà mái tôi nuôi hồi năm 1983. Cái thời bao cấp ấy khó khăn lắm. Khó khăn chung của cả nước cùng với khó khăn riêng

của một cặp vợ chồng giáo viên nghèo với hai đứa con nhỏ. Tôi vừa đi dạy vừa xoay xở đủ nghề: chằm nón, đan len, thêu máy. ... Chẳng đâu vào đâu, chỉ thêm lỗ vốn vì không quen giao thiệp và tay nghề vụng. Chồng tôi dạy toán nhưng “tăng gia” thêm bằng cách trồng khoai sắn trên mảnh đất bỏ không của ngôi nhà từ đường. Nhìn thân hình ốm yếu, trắng xanh của anh ấy phơi trần giữa nắng trưa, bà con chòm xóm có vẻ thương cảm lắm. Tuy gốc gác nhà quê nhưng bấy lâu nay đi học có bao giờ phải cặm đến cái cuốc. Bà cô ruột bên chồng nghèo mà nhân hậu, thấy cháu như thế rất đau lòng, có gì cũng cho. Nải chuối, bó rau, lon đậu, bánh đường... Tinh người trong hoàn cảnh khó khăn thật đáng quý. Trong số những món quà đó, có hai con gà con dành cho hai đứa nhỏ.

Trong hai con, một con bị chết hay bị mất gì đó tôi không còn nhớ rõ. Con còn lại tên là Me-gri-go. Cái tên nghe tây tây, có lai lịch của nó. Hồi ấy chúng tôi đọc truyện *Cội rễ*, một tiểu thuyết của Mỹ khá hay viết về người nô lệ da đen. Me-gri-go là tên một nhân vật trong ấy. Tôi nhớ hình như có câu: “*Lão Me-gri-go có con gà mái vàng...*”. Và thế là chúng tôi đặt tên cho nó là Me-gri-go. Nghĩ cũng buồn cười, chẳng có gì ăn nhập với cái tên ấy, ngoài con gà mái của lão. Me-gri-go lớn lên trong sự chăm chút của hai đứa nhỏ. Trẻ con thích thú vật và đồ chơi. Chúng có khả năng giao tiếp với loài vật và thổi linh hồn vào những thứ vô tri với trí tưởng tượng bay bổng diệu kỳ. Chúng tạo nên một thế giới của riêng mình, một vùng đất cấm mà người lớn không thể nào bước chân vào được. Hồi ấy mèo cũng không, chó cũng không, đồ chơi đất tiền lại càng hiếm. Hai đứa làm bạn với con gà.

Từ chỗ bằng nắm tay trẻ con, đuôi mới nhú, lông tơ mịn, màu sắc chưa rõ... rồi bằng nắm tay người lớn. Khi thân hình Me-gri-go bằng bắp chuối, màu lông đã được định hình: những đốm vàng, đen, trắng xen kẽ, nó có thêm một biệt danh mới “Cao Nổ”. Me-gri-go ít đi đâu xa, chỉ lẩn quẩn trong vườn bưởi mọc kiểng ăn. Gà không gần với người như chó và mèo nhưng con Me-gri-go này rất lạ, nó hay lẩn quẩn bên hai đứa con tôi. Nó đứng im cho bọn trẻ vuốt ve. Chúng còn cả gan tách mỏ nó ra để xem lưỡi gà như thế nào. Thấy cái mỏ khoằm và bộ móng dài cong vút của con gà, chúng nghĩ nếu tập thì Me-gri-go cũng có thể bay được như đại bàng, thế là chúng thường tung con gà lên trời cho nó tập bay. Me-gri-go đã được thuần hóa bằng tình yêu của hai đứa trẻ như thế.

Khi Me-gri-go trở thành một chị mái tơ, người thon dài, chân cao, nó bước đi yếu diệu duyên dáng lắm. Dù không biết nhiều về tướng gà, tôi nghĩ nó không phải là con gà đẹp đáng. Theo tôi, một con gà mái đẹp, nghĩa là đẻ sai phải có bộ lông mượt, vàng hay nâu, chân vàng đậm và chắc, mỏ cứng, ngắn hơi khoằm, mào đỏ thắm. Lần Me-gri-go nhảy ổ đầu tiên, tự tay hai đứa nhỏ lột ổ cho gà. Cháu chục mấy ngày liền như đón chờ một sự kiện trọng đại. Khi con gà kêu “quác” lên một tiếng và nhảy ra khỏi ổ, chúng như hai trinh sát nhỏ ra khỏi chỗ

núp, nhào đến tranh nhau cầm cái trứng so đầu tiên. “Mẹ ơi!”. Tôi từ trong bếp chạy ra nhìn cái trứng nhỏ nhắn, xinh xinh màu hồng mơn mơn còn nóng hổi trên lòng bàn tay mũm mĩm của thằng bé. Mắt hai đứa ngời ngời như thấy điều kỳ diệu nhất trên đời...

Từ ấy Me-gri-go cho trứng đều đều, một lứa 10, 15 quả. Nghỉ mười lăm ngày cho ra một lứa khác, đều đặn hơn cả năm như thế. Gà không có trống nên chẳng ấp được. Chúng đánh số thứ tự bằng bút chì, khi đầy ổ mới ăn bớt vài cái. Chúng tôi có thêm thực phẩm để cải thiện bữa ăn. Phải ở cái thời bao cấp mới hiểu hết giá trị của một con gà đẻ trứng. Thực phẩm mua bằng tem phiếu mỗi tháng một lần. Cơm còn ăn độn, rau là chủ yếu, chất đạm rất tượng trưng. Miếng trứng trắng vàng ươm cắt đều trên bát xôi mỗi sáng của hai đứa trẻ là một hạnh phúc. Thằng em đã ăn hết, nhìn miếng trứng của chị chôn dưới phần xôi còn lại thòm thòm.

Có lần mãi vui chơi, Me-gri-go đi phiêu lưu đâu đó. Đêm không về ngủ, ngày hôm sau cũng không. Chuyện mất gà thời ấy xảy ra như cơm bữa. Cả ba mẹ con chia nhau đi tìm từ đầu xóm đến cuối xóm nhưng chẳng thấy. Tiếc con gà và thương hai đứa nhỏ. Ở đây có một bài chửi mất gà bài bản lắm như nhà nghiên cứu Bùi Minh Đức đã sưu tầm được. Tôi thì không biết chửi, nhưng đâu có biết cũng chẳng ích chi. Chắc con Me-gri-go đã được hoá kiếp!! Trong lúc đang tuyệt vọng, chị ta lù lù từ đâu đó hiện ra, trông có vẻ thành thời, tự mãn như sau một chuyến du lịch dài ngày chẳng đếm xỉa gì đến nỗi lo lắng của chúng tôi. Thằng nhỏ ôm siết lấy con gà, tung nó lên trời trong tiếng cười tràn trề hạnh phúc.

Thời gian qua... Me-gri-go già đi... cánh xệ, lông bạc màu, xơ xác, đáng đi phục phịch nặng nề. Nó đẻ ít và thưa hơn. Tôi không biết tuổi thọ của một con gà là bao nhiêu. Vật nuôi để ăn thịt có bao giờ đi hết được vòng đời của nó... Có những lúc bất ngờ nhất, tưởng không thể đẻ được nữa nó lại cho trứng mà nhiều nữa mới lạ chứ... Vô tận, cứ y như là trong truyện thần tiên. Đúng là con gà đẻ trứng vàng...

Năm ấy có người bạn của chồng tôi từ Bảo Lộc ra thăm. Quen nhau từ thuở chồng tôi mới ra trường đối về dạy trên ấy. Khách đến nhằm lúc cuối tháng, lương hết, tem phiếu cũng đã mua rồi. Hai vợ chồng bàn với nhau: “Con Me-gri-go đã già, mấy lâu không thấy đẻ, hay ta làm thịt đãi khách, cũng để cả nhà bồi dưỡng, rồi mua lại một con khác về nuôi”. Tôi thấy có điều phân vân nhưng thừa



nhận giải pháp đó hợp lý. Dẫu sao cũng là gà. Không xé phay. Nấu kỹ hơn một chút, chỉ cần hai món hầm và rô-ti. Cũng ngon chán. Thêm một đĩa nem chả nữa là tương tất. Khách phương xa đến, mà là bạn cố tri, tuềnh toàng quá sao tiện. Không cho hai đứa nhỏ biết, chúng tôi lặng lẽ thực hiện ý đồ.

Vì là lần đầu tiên nên cả hai vợ chồng lông nga lông ngóng mới cắt tiết được một con gà. Chỉ khi thấy con Me-gri-go mềm nhũn nằm đó, cánh xổ ra, cổ ngoẹo, mỏ quết trên sàn, máu ứa từ vết thương rỉ rỉ tôi mới ý thức hậu quả tai hại của việc mình làm... Đòi mất chỉ mấy phút trước đây thôi còn linh hoạt, tròn xoe với hai chấm đen nhỏ ở đuôi trở nên lờ đờ, một màng trắng phủ lên... Chao ôi! Đoạt mạng sống của một sinh vật, dù đó là một con gà đi nữa, cảm giác ấy thực kinh khủng!! Tôi thấy nôn nao cả người và vô cùng hối hận nhưng chẳng dám nói ra. Sự đã rồi! Và lại tôi cũng đã dự phần trong quyết định ấy.

Con bé đi học về trước. Khi biết tôi đã làm thịt con Me-gri-go, nó khóc òa một cách tức tưởi. Khách đã đến ở nhà trên và chồng tôi đang tiếp. Tôi la át nó nhưng tự thấy giận mình, hối hận và thương con quá đỗi! Con bé vẫn không thôi khóc, ngối bệt vào một góc, thút thít, ầm ức nhìn tôi có vẻ giận dữ lắm... Tôi vừa mang món cuối cùng lên thì thằng em về. Thấy có đồng minh, con bé đứng dậy mếu máo chỉ vào cái xoong: "Mẹ... làm... thịt... Me... gri... go... rồi...!!". Thằng cu sừng sốt chạy tới giờ nắp xoong, rồi chạy ra chuồng gà... Xong chạy vào giậm hai chân dành dành, khóc thét lên. Thấy tiếng khóc lớn, chồng tôi từ nhà trên chạy xuống, hiểu ngay có sự... Tôi ra dẫu cho anh chạy lên tiếp khách và cáo lỗi giùm, lời xénh xệch thằng bé ra cổng sau. Mặc tôi dõ dành, nó khóc mãi không thôi. Lần đầu tiên tôi nói láo với con và cũng tự mình thấy xấu hổ: "Me-gri-go ăn nhầm dây thun... mẹ phải làm thịt... không rồi nó cũng chết...". Không biết thằng bé có tin không nhưng cây kem, quả bóng bay và hộp bánh nhỏ cũng làm cho cậu ta dịu bớt nỗi buồn. Còn tôi thì khác, suy nghĩ miên man, lòng rung rung, nặng trĩu...

Bữa cơm khách hoàn thành mỹ mãn. Khách ra về còn khen bà chủ nấu ăn ngon nhưng tôi chẳng thấy vui chút

nào. Con bé bỏ cơm đi ngủ. Mặt vương nỗi buồn, mắt còn ngấn nước. Sau này chồng tôi cũng thú nhận anh ấy gấp cho có lệ để mời khách chứ chả biết mùi vị gì. Còn cả ba mẹ con không đụng đũa đến. Phần thịt để dành cho hai đứa, mở lòng và những gì còn lại của Me-gri-go tôi giấu biệt rồi đem chôn vào một cái hố nhỏ ở cuối vườn. Đó là con gà đầu tiên mà cũng là con gà cuối cùng mà gia đình tôi nuôi.

* * *

Người lớn chúng ta ứng xử theo lẽ thói và sự tính toán hơn thua, được mất. Trẻ con không thế. Chúng làm mọi cái theo sự hướng dẫn của bản tâm hồn nhiên, trong sáng. Chính vì thế, mà đối với hai đứa con tôi, Me-gri-go không chỉ là gà, nó là người bạn thân thiết. Chúng chẳng biết gì về Phật pháp nhưng lại đến rất gần với lời Phật dạy. Tất cả mọi vật đều có sự sống, có linh hồn. Con người và muôn loại đều có tương quan, cùng nương nhau để tồn tại. Vì thế, thức ăn của mình không thể làm bằng sinh mạng của một sinh linh khác. Từ bi là hạnh đứng đầu trong Bồ-tát hạnh. Từ bi không chỉ là không giết hại mà biết quan tâm, chia sẻ. Vui với cái ấm áp của chú mèo nhỏ cuộn mình sưởi nắng trước hàng hiên. Hiểu được ánh mắt long lanh và cái vẫy đuôi vui mừng của con chó chào chủ. Cảm nhận được sự gắng sức trong cái run rẩy, cựa quậy của đoá quỳnh lúc khai hoa, nở nhụy. Lâng lâng với vẻ đẹp tĩnh lặng của bóng chim bay qua đầm nước. Hiểu và san sẻ được với hạnh phúc thắm lặng và giản dị của người thợ sửa giày ở góc phố, tỉ mỉ, thận trọng đưa từng mũi kim ngay ngắn trên chiếc giày đã cũ chỉ để lấy một hai nghìn bạc, nhưng nếu khách không có tiền lẻ thì cũng trả lời bằng nụ cười và câu nói nhẹ tênh: "Khi nào có tiền lẻ trả cũng được". Nếu biết mở lòng, ta phát hiện vô vàn vẻ đẹp của cuộc sống chung quanh.

Và đến bây giờ, qua bao nhiêu năm tháng, tôi mới hiểu, nếu có lòng từ bi và chánh niệm, tôi đã không làm thịt Me-gri-go, con vật yêu quý, bạn thiết của hai đứa nhỏ con tôi. ■





Chùa Linh Mục. Ảnh: Phan Ngọc Thiện

Đạo tình

THÍCH THANH THẮNG

Đặt chân đến Huế, cảm xúc ấy trong tôi thật khó tả. Huế vẫn rất cũ và rất mới. Những con đường, hàng cây, những ngôi chùa, đền đài lẫm liệt cổ kính..., đối với tôi đã hơn một lần trở nên quen thuộc. “Không ai tắm hai lần trên một dòng sông”. Cái mới luôn tiềm ẩn trong những hình thức gần gũi, thân quen ấy, nên tôi có thể ngấm dòng Hương thật lâu trên hành trình du thuyền về thượng nguồn mà không hề biết mệt, biết chán. Trải qua nhiều thăng trầm, đục trong

của lịch sử, dòng Hương đã trở thành dòng sông tâm linh của dân tộc. Tháp Phước Duyên (Thiên Mụ) trầm hùng như thúc giục bước chân lữ khách mười phương, và tiếng chuông rơi nhẹ vào không gian thăm thẳm nhủ rằng dòng Hương đã muôn ngàn ngày Phật hóa.

Dòng Hương dẫn tôi về những câu chuyện xa xưa của những cuộc thủy chiến, của những người đã bỏ mạng để tạo nên những nhịp Trường Tiền duyên dáng, của những trận dịch tả hoành hành suốt dọc hai bờ sông Hương với những ngôi làng tan hoang vắng vẻ vì thiếu bóng người... Dòng Hương có nhiều vui buồn như thế, nhưng dòng Hương thật đẹp. Vẻ đẹp của dòng Hương là vẻ đẹp từ bi. Tôi nghĩ từ bi là sức mạnh, là cứu khổ. Không biết Huế sẽ thế nào khi không có dòng Hương?

Tôi nhìn Huế từ góc nhìn chủ quan của một người Phật tử miền Bắc. Dĩ nhiên, tôi không bàn luận nhiều đến kiến trúc, điêu khắc của những ngôi chùa, cách thờ tự và cả thói quen sinh hoạt ở đây. Điều mà tôi có thể lắng nghe Huế là dừng lại, im lặng và trầm ngâm để trải nghiệm những bước chân, bóng áo của người xưa đã từng và vẫn còn phảng phất đâu đó nơi mỗi bậc thềm, bóng cây, ngọn tháp. Tôi trải nghiệm Huế bằng sự im lặng như thế, chân thành và tinh táo. Có lúc tôi giấu sự xúc động của mình đi vì tôi nghĩ Huế không cần tôi phải ồn ào bằng sự ngạc nhiên hay thêm một lời khen tặng nào ngay lúc đó.

Thú thật, hình ảnh những ngôi chùa cổ ở miền Bắc luôn cho tôi cảm xúc và ấn tượng tâm linh mạnh mẽ, vì đó là nơi nuôi dưỡng tuổi thơ, nơi phát xuất những niềm tin ban đầu của tôi về đạo Phật. Không gian văn hóa vùng đã tạo nên nếp nghĩ và cách cảm nhiều chủ quan như vậy trong tôi, nên tôi không thể trả lời ngay nếu ai đó hỏi tôi rằng chùa Bắc có không khí thiền như chùa Huế không? Ở Huế, tôi nghĩ các bậc trưởng lão chân tu nhiều đời đã đem chất thiền giấu trong nụ cười điềm nhiên của Đức Phật, nên chất thiền ấy có sức sống lan tỏa thắm sâu từ đất, từ nước, từ giọng nói nhỏ nhẹ: Dạ thưa,... mô Phật!

Tôi nhận thấy có những hùng tâm đã vượt qua sự chi phối có tính chất vương giả cung đình ở những ngôi quốc tự sắc sỡ để trở thành di sản tinh thần của bao đời dân chúng. Hơn nữa, chất Phật đã trở thành cốt cách và đức hy sinh (danh lợi) bản thân của biết bao người đã sống một đời thủy chung với Huế, với Đạo với Đời. Họ ra đi hay họ ở lại có nghĩa gì đâu khi cả Huế và Phật đã cùng ngự ở trong tận sâu thẳm tâm hồn.

Từ Huế, tôi mơ tưởng về cảnh chùa quê u tịch nơi tôi sinh ra, và lúc đó tôi lại cảm nhận rõ hơn về nỗi đau đời, thương người trên từng mảnh đất Phật nơi miền đất Bắc. Những giọt lệ bi tâm trong những đêm thiền vẫn truyền đời nhỏ xuống, cắt thành nỗi niềm da diết với non sông. Tôi từng ngồi một mình xúc động khi nghe lại tiếng người xưa gọi với: "Có ai về phương

Nam cho tôi theo về với!". Thiền sư Tuệ Tĩnh gửi thân nơi đất khách bằng niềm tin phương Nam da diết ấy. Phương Nam của Thiền sư Tuệ Tĩnh là Kinh Kỳ - Phố Hiến, phương Nam của Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông là Huế, phương Nam của chúa Tiên, chúa Sãi là Sài Gòn, Hà Tiên... Trong quan hệ với Thiên triều (Trung Hoa), dù trải khắp núi sông, người Việt lúc nào cũng cùng chung một tiếng gọi đầm ấm phương Nam như thế.

"Tiếng chuông ngân ba cõi, bóng tháp ngả trùm đồng", như dõi theo từng tiếng mẹ ru con trong khuya, từng giọt mồ hôi đổ xuống để biến đất dữ thành lành, từng nhịp sống hướng thiện hành thiện... Dù những vết khuyết lịch sử có lúc hằn lên một cách gân guốc, nhưng đã hòa trộn, nối dài không gian đa tín ngưỡng qua tiếng kinh cầu bắc nhịp khoan dung. Không khó để có thể trải nghiệm điều đó trong những mối quan hệ mà sự đấu tranh sinh tồn đã đến mức nhẫn nại, đờn đau, nhưng cũng chan chứa lòng vị tha, độ lượng.

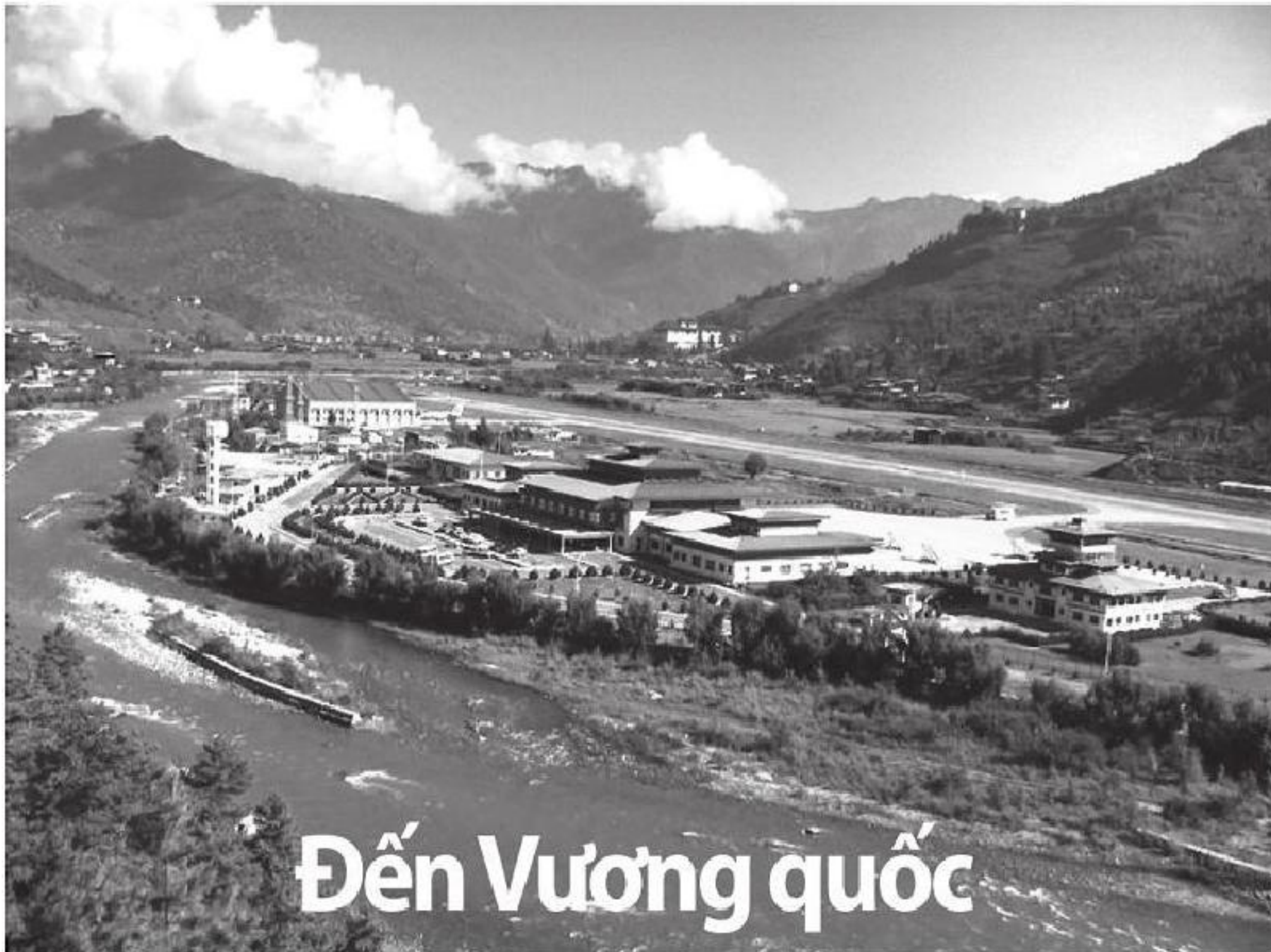
Cũng vì những cảm thức chủ quan này mà một ngôi chùa nhỏ hẻo lánh, dân dã nơi thượng nguồn dòng Hương với những cây trái thơm mùi bàn tay lao động đã thuyết phục tôi, nơi mà tâm của vị nữ tọa chủ quá rộng, rộng đến mức giọng nói chân chất đạo tình và tiếng cười sáng khoải đã đem đến cho tôi cảm giác bình yên, tin tưởng.

Trụ trì là Phật bồ xứ. Sự chọn lựa của lịch sử và sự can thiệp máy móc của công quyền khi xưa có nhầm lẫn nào chăng? Người xưa có tùy thuận vui buồn gì không khi đến ngôi ngai "quốc tự"? "Trong núi vốn không có Phật" (Quốc sư Phù Vân). "Ẩn chẳng rừng sâu là đại ẩn, Chùa nhà tu Phật mới chân tu" (Nguyễn Trãi). Sẽ là bất công nếu tôi nghĩ rằng tất cả "quốc tự" đều là cách khoe khoang bản ngã của thời đại, bởi ai có thể đứng ngoài mọi cuộc trần ai.

Điều may mắn để khám phá Huế của tôi đến từ cơn nắng nóng gay gắt trong một chuyến đi chiều. Rất gần gũi và rất thật, đó là mồ hôi đầm áo, đó là hai chữ Đạo Tình. Tôi được cùng quý Ôn và các vị huynh đệ (thường nói vui với nhau là "đồng chí") đến thăm một người mẹ già đang ốm nặng trong khi người bạn pháp của quý Ôn đang hành đạo ở phương Nam. Tu chung đã đành rồi, việc Phật sự chung đã đành rồi, nhưng tôi cảm nhận gần như ai cũng hiểu ra mình có một người mẹ chung như thế. Không phải sự hạ cố kiểu cách, đó là Đạo Tình, là tay nắm tay, là tâm an tâm. Người Phật tử như tôi chỉ còn biết xúc động thật sự, từ đời sống ứng xử cá nhân, đến cung cách sinh hoạt trong đời sống thường nhật của quý ngài nơi thiền môn xứ Huế. Như thế có việc Phật sự nào mà không thành? Không thành chỉ còn là do bản ngã ích kỷ mà thôi!

Chia tay Huế, tôi buồn, và tôi chỉ sợ hôm nào sẽ vắng thêm một người trên lối cũ, chỉ sợ tiếng nhớ trong đêm không có người in, chỉ sợ một mai Đạo Tình mai một.

Huế ơi! ■



Đến Vương quốc

Bhutan

KHÁNH UYÊN

Một anh hề lùn đeo một chiếc mặt nạ đồ rực có gắn chiếc mũi to tướng, trên tay cầm một biểu tượng sinh thực khí sơn đỏ bằng gỗ chạm, chen đến gần phía tôi. Trong lúc cả hàng trăm khán giả có mặt tại cuộc lễ hội Paro được tổ chức hàng năm tại Bhutan chòng chọc quan sát, anh hề ra dấu cho biết anh ta muốn đổi cái biểu tượng sinh thực khí ấy lấy chiếc máy ảnh kỹ thuật số 35mm của tôi. Đám đông rộ lên cười ngặt nghẽo.

Những người hề lùn – mà tiếng địa phương gọi là *atsara* - hành động với tư cách quân trò, vừa trình diễn những màn múa chính thức, vừa chú ý xua đuổi cả chó lẫn trẻ con ra khỏi khu vực khán đài, đồng thời gợi sự chú ý cho cả du khách lẫn dân địa phương tham gia vào những cuộc lễ hội Phật giáo Bhutan theo truyền thống.

Bên cạnh những câu chuyện khôi hài dung tục, một cuộc lễ hội – người Bhutan gọi là *tsechu* – cung cấp một cái nhìn có chiều sâu vào đời sống văn hóa của Vương quốc Bhutan. Mỗi năm kéo dài trong năm ngày, những nhà sư và Phật tử vùng Paro trình diễn một vở vũ nhạc kịch để tưởng nhớ người cha tinh thần của xứ sở, ngài Guru Rinpoche. Ngài là một vị thánh Ấn Độ đã truyền bá Phật giáo theo tông phái Tantrism (Mật tông) khắp khu vực Hi-mã-lạp sơn khoảng 1.200 năm trước. Những đám đông rộng lớn mặc y phục truyền thống mang theo những giỏ đựng thức ăn của buổi trưa rồi chiếm cứ những chỗ thuận tiện để tham dự lễ hội. Vô số những quầy hàng dựng lên vội vã để bán các loại thực phẩm, những vật dụng tôn giáo, các loại vải vóc dệt tay và những trò cờ bạc trá hình lợi dụng lễ hội bày khắp mặt đất.



Một số hình ảnh lễ hội hằng năm ở thành phố Paro, Bhutan.

Cách đây vài năm, chúng tôi đã trở thành hai trong số những du khách nước ngoài sẵn sàng chi một khoản tiền bắt buộc là 200 đô-la mỗi ngày để được khám phá đất nước xa lạ này. Với một cuộc du lịch có tổ chức kéo dài 13 ngày cho toán du khách 10 người ấy, chúng tôi khẳng định khoản tiền phải bỏ ra thật đáng giá. Quả thật, hai tuần lễ hồi tháng Tư năm ấy đã mang lại cho chúng tôi một kinh nghiệm nhớ đời.

Cho đến tận thập niên 1960, Bhutan vẫn còn bị cắt rời khỏi thế giới bên ngoài. Chẳng những ở đó không có bao nhiêu trường học mà lại hoàn toàn thiếu hẳn hệ thống điện thoại; đất nước ấy không có đồng tiền riêng và hầu như người dân chưa được biết đến các dịch vụ y tế và bưu điện. Vào năm 1972, một thiếu niên 16 tuổi có tên là Jigme Singye Wangchuck đã trở thành người thừa kế thứ tư của vương triều đang cai trị Bhutan lúc bấy giờ. Chỉ hai năm sau, ông thực hiện một bước tiến ngoạn mục bằng cách mở cửa Bhutan cho du khách nước ngoài đến thăm lần đầu tiên trong lịch sử. Để tạo thu nhập cho chính phủ trong lúc vẫn điều hòa những ảnh hưởng bên ngoài tác động lên những truyền thống Phật giáo của đất nước mình, nhà vua trẻ đã chọn một chính sách về một nền du lịch hạn chế. Ông thích nói rằng ông quan tâm đến Tổng lượng hạnh phúc quốc gia (GNH) của xứ sở nhiều hơn là Tổng sản phẩm quốc gia (GNP).

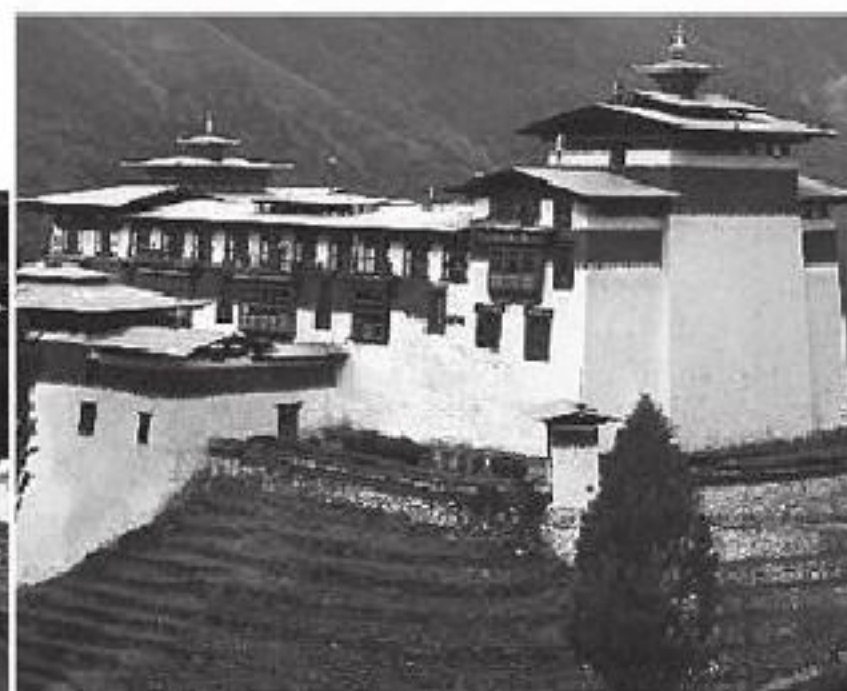
Ngày nay, dưới sự cai trị của người thừa kế đời thứ năm, con trai của Jigme Singye Wangchuck tên là Jigme Khesar Namgyel Wangchuck, Bhutan không những đã có bệnh viện mà dân Bhutan còn được hưởng một hệ thống chăm sóc sức khỏe. Hầu hết trẻ con của đất nước đều được đến trường để theo học một chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh. Tiếng mẹ đẻ của đại đa số người dân Bhutan, tiếng Dzongkha, chỉ được dạy như

một ngôn ngữ thứ hai. Việc phát những chương trình truyền hình địa phương đã được thực hiện từ những năm cuối của thập niên 1990, nhưng mãi đến vài năm gần đây khi hoạt động truyền hình thông qua vệ tinh có mặt thì cả thế giới mới đổ xô đến vùng đất quân chủ xa xôi này, một đất nước bốn phía là đất liền có diện tích chừng 100.000 cây số vuông nằm giáp Tây Tạng thuộc Trung Quốc một bên và Ấn Độ một bên.

Tại phi trường Bangkok, chúng tôi leo lên một trong những chiếc máy bay phản lực chở khách có 72 chỗ ngồi của Hãng không Anh Quốc thuộc đội bay Druk Air, hãng hàng không duy nhất có đường bay đi Bhutan, để đến Paro, nơi có sân bay quốc tế duy nhất của Bhutan. Những hình chạm bằng gỗ phức tạp và những bức tranh mang đường nét nguyên thủy tại phi trường Paro thể hiện phong cách kiến trúc truyền thống của người Bhutan. Ngay khi rời khỏi phi trường, chúng tôi nhét hành lý vào những căn phòng tối tàn của khách sạn Olathang, ăn trưa với một loại cơm gạo đỏ và *emadatsi*, một loại phở mai kèm với ớt cay xé lưỡi, rồi vội vàng chạy đến với cuộc lễ hội hằng năm của thành phố Paro hoặc lao tới Rinpung Dzong, một pháo đài vừa là tu viện vừa là trung tâm hành chánh của thành phố.

Chúng tôi vượt qua một cây cầu gỗ nhỏ và đi bộ lên đồi hướng về pháo đài, cảm nhận được ảnh hưởng của cao độ 1.900m. Việc xây dựng trên tòa kiến trúc nổi bật ngự trị thành phố nhỏ nhắn này đã bắt đầu từ năm 1644. Trải qua vài trăm năm, tòa pháo đài ấy, một trong những đại biểu thanh nhã nhất của nền kiến trúc cổ Bhutan, vẫn đứng vững trước những cuộc xâm lăng của người Tây Tạng.

Khi chúng tôi đến gần pháo đài, nhân viên hướng dẫn của chúng tôi dừng lại để phủ tấm khăn choàng bằng lụa thô dài 3m – được gọi là *kabney* – quanh chiếc áo



Ringpung, Dzong, trung tâm hành chính của thành phố Bhutan.

dài truyền thống của nam giới Bhutan – được gọi là *gho* - theo quy định của tục lệ. *Gho* là loại áo choàng thụng mà người đàn ông Bhutan mặc dài đến tận đầu gối được buộc chặt quanh vùng bụng. Ngày xưa đàn ông Bhutan còn mang những đôi giày cao cổ có thêu, nhưng ngày nay, giày dép của họ cũng bắt chước kiểu cách thời trang với những đôi giày da bóng lộn hoặc những đôi giày kiểu cảnh sát loại mới nhất. Loại vớ được đàn ông Bhutan ưa chuộng là vớ dài tới đầu gối có hoa văn hình quả trám theo phong cách Tô-cách-lan được kẻ sọc nhạt dần.

Trong những ngày tiếp theo, chúng tôi quan sát những cuộc nhảy múa mang tính cách nghi thức của lễ hội, một sự kiện tôn giáo được tin là sẽ đem lại phẩm giá cho đời sau của những người tham dự. Nhiều điệu múa trong số đó có tác dụng bảo vệ người chiêm ngắm, giảng dạy cho họ về giáo lý của Đức Phật và trục xuất những tà ma quấy rối họ nếu có. Lễ hội này còn là cuộc tập hợp xã hội lớn nhất trong cả năm, một nơi để người Bhutan khoe những bộ trang phục truyền thống được may cắt và thêu thùa đẹp nhất của họ.

Khi lễ hội hoàn mãn, chúng tôi chất nhau lên chiếc xe buýt thuê riêng bắt đầu một hành trình dài hai giờ để tới Thimbu, thủ đô và là thành phố lớn nhất Bhutan. Trong vùng ngoại ô khu đô thị duy nhất của xứ sở, chúng tôi đã dừng lại để thưởng thức một cuộc thi bắn cung mà người Bhutan gọi là *datse*. Bắn cung là môn thể thao dân tộc và thi bắn cung được tổ chức ở hầu khắp mọi nơi.

Các cung thủ tranh tài đặt những tấm bia bằng gỗ cách trước mặt họ tới 150m, gắn gấp ba lần tiêu chuẩn bắn cung của Olympic.

Chúng tôi lại vượt qua một đoạn đường đèo ở Dochu La, nơi có cao độ 3.000m nằm giữa Thimpu và Trongsa ở phía Đông. Người hướng dẫn của chúng tôi bảo rằng

đỉnh núi quanh năm tuyết phủ Hi-mã-lạp sơn hiếm khi thấy được từ điểm nhìn ưu thế này, nhưng chúng tôi đã thấy được đỉnh núi rực rỡ dưới ánh mặt trời, với những lá phướn sắc sỡ có tác dụng cầu nguyện bay phấp phất ngay trước mặt. Chẳng bao lâu sau, chúng tôi rời miền Tây Bhutan để tiến vào vùng trung tâm của xứ sở này. Nơi đây những con bò yak có bộ lông đen tuyền đang vực đầu ăn măng, món ăn khoái khẩu của chúng.

Pháo đài Trongsa 350 năm tuổi, nơi phát tích của hoàng gia Bhutan, được coi là kiến trúc tạo được ấn tượng mạnh mẽ nhất của cả vương quốc, nằm ở vị trí thống ngự toàn vùng. Vào lúc chúng tôi rời khu vực này, người hướng dẫn nhận ra một đoàn xe hộ tống vị Tăng thống của Bhutan, ngài Je Khempo. Với một lối lái xe liều lĩnh, người tài xế xe buýt tăng tốc vượt qua đoàn hộ tống ngay lúc ngài Tăng thống Je Khempo dừng lại chúc phúc cho một vài cư dân Bhutan đang đứng đón chào ngài bên vệ đường.

Khi đoàn xe hộ tống bắt kịp chúng tôi, chiếc xe cảnh sát dẫn đầu mở đèn và còi báo động ra hiệu cho xe của chúng tôi phải nép vào lề đường để xe họ vượt qua. Người tài xế xe buýt tìm một chỗ trong đám dân địa phương đang đứng chờ được ngài Tăng thống chúc phúc để chúng tôi có thể gia nhập vào đoàn người ấy. Sau cùng, anh ta nhìn thấy một bà mẹ trẻ đang ẵm một bé gái đứng trước một ngôi nhà tuếnh toàng kiểu nông thôn. Chúng tôi đột ngột dừng lại, nhảy xuống xe, đứng vào phía sau bà ta, và cúi đầu thật sâu để ngài Tăng thống có thể ban lời cầu an cho từng người chúng tôi.

“Chúc quý khách an lành,” viên cảnh sát trong đoàn hộ tống nói một cách dứt khoát. Chúng tôi cảm thấy thật an lành và hạnh phúc khi đã có cơ hội thăm viếng đất nước Phật giáo tráng lệ và không chịu ảnh hưởng của thời gian này. ■



Điêu con qua mỗi bước đi

TÂM CẢM

Trong tác phẩm “*Du Thiên Trúc ký sự*”, cao tăng Pháp Hiển (*Fa-hsien*) có ghi lại câu chuyện tiền thân của vua A Dục (*Asoka*), nói rằng trong đời quá khứ, khi còn là một cậu bé con đang nghịch cát trên đường, A Dục gặp Đức Phật Ca Diếp (*Kasyapa*) đang đi khát thực. Cậu bé vui vẻ nhặt một nắm đầy cát cúng dường cho Ngài. Đức Phật hoan hỷ tiếp nhận nắm cát cúng dường của cậu bé. Do nhân duyên này, cậu bé được phước báu trở thành một vị vua trị vì cõi Diêm Phù Đề (*Jambudvīpa*).

Câu chuyện phỏng theo dạng Bốn sanh (*Jātaka*) nên thực hư thế nào khó ai mà biết được. Thế nhưng câu chuyện vẽ nên một hình ảnh thật đẹp: Cậu bé con đang nghịch cát bên đường mà biết mở tâm cúng dường Đức

Phật. Vật phẩm cúng dường của cậu bé cũng không có gì ngoài nắm đất cát. Cậu đang chơi cát thì cậu cúng dường Phật một nắm cát. Còn Phật thì cúi mình xuống tiếp nhận nắm cát cúng dường của cậu bé. Phật đi khát thực, ai hoan hỷ cúng dường thứ gì thì Phật tiếp nhận thứ ấy, không phân biệt. Cậu bé con vui vẻ cúng dường nắm cát thì Phật hoan hỷ tiếp nhận. Sao Phật lại từ chối tấm lòng của cậu bé? Nhưng cát làm sao ăn được mà Phật đưa bình bát tiếp nhận? Phật tiếp nhận cái tâm cúng dường của cậu bé, cái thiện tâm, cái tâm hoan hỷ và cả cái tâm “vô tâm” của cậu bé nữa. Tâm ấy chảy vào bình bát của Phật thì nắm cát của cậu bé biến thành thức ăn thanh tịnh của Phật. Phật đi khát thực mỗi ngày, nhận đồ ăn thì ít mà cho công đức thì nhiều. Ai bảo tâm cậu bé không gắn tâm Phật?

Câu chuyện lưu truyền đến nay đã hàng thế kỷ và những bậc cha mẹ người Việt xưa nay có tín tâm với Phật pháp đều nhớ thuộc lòng; đều ước mong con mình có được phúc duyên như cậu bé, biết cung kính cúng dường Phật, dù chỉ một nắm cát! "Tu kiếp nào rồi mà may mắn phước đức đến thế!". Rõ ràng, những bậc cha mẹ có đạo tâm thì không trông mong con mình sẽ làm vương làm tướng gì trong tương lai, mà chỉ mong con mình có được tấm lòng như cậu bé ấy, hoặc nuôi dưỡng được tấm lòng trong sáng vị tha như cậu bé. Ước mong ấy khiến các bậc cha mẹ nghĩ đến việc dìu dắt con cái mình trên mỗi bước đi, ngay cả khi con đang còn thơ ấu. Ước mong ấy khiến cho các thế hệ bà mẹ Việt Nam tay trong tay dắt con trẻ đến chùa lễ Phật cúng dường.

Tôi kể lại câu chuyện cậu bé tiền thân vua A Dục để nói lên rằng những bậc cha mẹ người Việt các thế hệ trước đã có cái nhìn thật sâu xa trong việc sửa soạn cho con mình những bước đi an ổn lâu dài. Họ nghĩ đến việc sửa soạn cái tâm thanh thản an lạc cho con bằng cách tập cho con mình những bước đi thật ngoan lành. Họ dẫn con trẻ đi lễ chùa, không phải để cầu mong điều gì mà để nuôi dưỡng tâm hồn trong sáng hiền thiện của con trẻ, tập cho con mình gần gũi, quen dần với điều lành điều thiện. Họ nói khiêm tốn: "Đi chùa lễ Phật cúng dường để kiếm chút phúc cho con", kỳ thực họ đang dìu dắt con mình từng bước đi an lạc. Cha mẹ lên chùa lễ Phật, chấp tay lễ Phật thật cung kính, rồi tập cho con trẻ chấp tay lễ Phật. Một hình ảnh bố mẹ dạy con trẻ thật đẹp. Rồi họ xuống trai đường sửa soạn các phẩm vật chay tịnh dâng cúng chư Tăng. Họ thành tâm dâng cúng chư Tăng các vật thực, cũng không quên tập cho con trẻ biết cách cung kính cúng dường chư Tăng. Cả cha mẹ và con cái đều mở tâm cúng dường, thành tâm hướng về điều lành điều thiện. Các bậc cha mẹ trước đây làm việc này rất chu đáo và kiên trì. Cứ hết năm này sang năm khác, họ luôn luôn dành thời gian và tiền bạc chi tiêu để đưa con đến chùa lễ Phật cúng dường. Thời gian trôi đi. Đến khi cha mẹ tuổi già không còn đủ sức đến chùa lễ Phật cúng dường nữa thì cũng là lúc con cái đã trưởng thành, đã quen thuộc với nếp sống lễ Phật cúng dường, có thể thay cha mẹ tiếp tục truyền thống gia đình. Các gia đình người Việt trước đây chuyển tâm dìu dắt con mình những bước đi như thế.

Đến đây, ai đó có thể nêu câu hỏi: Cho con trẻ đến chùa tập lễ Phật cúng dường như vậy liệu có lợi ích gì cho chúng khi chúng trưởng thành? Câu hỏi khá tế nhị khó đưa ra bằng cứ để thuyết phục. Lợi ích tâm linh thường đến rất chậm và ít tỏ lộ bên ngoài. Nhưng câu hỏi cũng khiến cho tôi liên tưởng đến cảnh người ta đua nhau đến đăng ký các khóa học cấp tốc về Yoga hay Thiền được mở ra ngày càng nhiều, nhất là ở các trung tâm và thành phố lớn. Tại sao người ta thích đến các vùng trung tâm đông dân dạy Thiền như vậy? Nhất là người Tây phương, rất thích Thiền, rất mê Thiền. Có cả

quảng cáo về Thiền nữa. Mà sao lại không quảng cáo? Một vị thuốc hay nhiều người đang cần thì tiếc gì một mẩu địa chỉ mách lối. Sách nói về Thiền cũng bán rất chạy ở Tây phương. Ngày nay, Thiền trở nên hấp dẫn đối với nhiều người đến độ đi tu Thiền ở trung tâm này hay trung tâm khác trở thành một cái mốt, một phong trào. Việc này có cái hay của nó.

Ở Việt Nam, ngoài các Thiền viện duy trì nếp sống an lạc như xưa nay vốn thế, cũng có một số trung tâm Yoga và Thiền mở ra đáp ứng nhu cầu cho một số người mới nổi. Nhưng người Việt chưa tha thiết học Thiền như người phương Tây. Thiền chưa trở thành mốt, chưa trở thành phong trào như ở Tây phương. Tại sao? Có người nhìn người thấy mình như thế thì vội cho người Việt Nam không khéo học tu như người Tây phương. Thiền là cốt lõi của đạo Phật mà Phật tử Việt Nam ít chịu tìm hiểu, ít chịu tu Thiền. Có thật như vậy không? Ai bảo người Phật tử Việt Nam không biết tu Thiền, không sống Thiền? Nhưng Thiền là gì và như thế nào thì gọi tu Thiền? Một giải pháp hay một nếp sống tự nhiên? Có cả hai.

Tôi nói nhiều trung tâm Thiền được mở ra có cái hay của nó, ấy là bởi ít nhất nó đáp ứng ngay trước mắt những vấn đề khá tế nhị liên quan đến cuộc sống nội tâm và đầu óc của con người hiện đại. Đạo Phật là đạo cứu khổ. Khổ có nhiều loại nhiều dạng nên cần có nhiều thứ thuốc trị khổ. Thứ thuốc nào trị được loại khổ nào cho con người thì Phật giáo cũng hoan nghênh. Thiền có thể giúp trị được khổ căng thẳng đầu óc, rối loạn tâm lý. Vậy nên Thiền là liều thuốc hiệu nghiệm, là giải pháp thiết thực trước mắt mà đạo Phật có thể cung hiến cho con người đang sống trong các xã hội đô thị hiện đại. Nhưng đó là giải pháp trước mắt dành cho một số người sống trong các truyền thống văn hóa và điều kiện xã hội không giống như người Việt Nam. Họ đang đói Thiền, đang khát Thiền. Thiền do đó trở thành một món ăn, một giải pháp là vậy. Nhưng người Việt Nam và nhất là Phật tử Việt Nam thì không xem Thiền như một giải pháp. Vì sao? Bởi vì họ chưa bị quấy rầy, chưa bị khổ bởi áp lực quá nặng nề của lối sống thực dụng, đặc biệt hơn, bởi họ được sửa soạn khá chu đáo về nếp sống Thiền ngay từ tuổi nhỏ. "Đối cảnh vô tâm, hời chi Thiền?". Đây là cái may mắn to lớn của người Việt Nam, nhờ truyền thống 2.000 năm của đạo Phật Việt.

Các Thiền sư Việt Nam ít luận về Thiền. Họ chỉ nói: "Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền". Đơn giản chỉ có thế. Họ cũng ít dạy người khác tu Thiền. Họ chỉ khuyên các bậc cha mẹ sống giữ giới trì túc và thường xuyên đưa con đến chùa lễ Phật cúng dường. Cũng chỉ đơn giản thế thôi. Đáp lại, các bậc cha mẹ biết tin nghe lời khuyên của các Thiền sư mà ăn hiền ở lành và tập cho con cái biết cách đến chùa lễ Phật cúng dường. Nếp sống đạo của người Việt Nam là thế. Nếp sống Thiền của người Phật tử Việt Nam là thế. Thiền không lý luận, không thành phong trào, chỉ là một lối sống khá lặng lẽ tự nhiên, giống như tiếng chuông



Ảnh: Tuyết Mai

chùa lặng lẽ buông rơi mỗi ngày vậy. Cứ hết năm này qua năm khác, người Phật tử Việt Nam lặng lẽ làm điều lành thiện và dành thời gian đưa con cái đến chùa lễ Phật cúng dường. Ai bảo trong một gia đình cha mẹ có nếp sống ăn hiền ở lành và khéo tập cho con thơ biết tu tâm như thế mà con cái lại trở nên hư hỏng, nội tâm trống vắng và đầu óc rối loạn khi chúng trưởng thành? Ai bảo một người luôn hạ thấp mình xuống và hoan hỷ mở lòng ra với mọi người, mọi loài lại rơi vào căng thẳng đầu óc, khủng hoảng tâm lý, cần phải tìm đến các khóa Yoga hay tu Thiền để trị liệu? Người Việt Nam mà nhất là Phật tử Việt Nam ít nói về Thiền và ít tìm đến các trung tâm dạy Thiền là vì thế. Họ được các bậc cha mẹ sửa soạn cho những bước đi thật đơn giản, hết sức tự nhiên nhưng đủ an lạc và tinh tảo để có thể sống một cuộc đời nhẹ nhàng, không mệt mỏi, không căng thẳng. Những người có phúc duyên được đến chùa lễ Phật cúng dường từ thuở nhỏ thì tâm luôn luôn thư thái an lạc, không còn lo sợ bị stress, không cần phải tìm đến các khóa học Yoga hay hành Thiền cấp tốc để mong giải quyết đầu óc căng thẳng hay tìm lại sự quân bình và an ổn nội tâm.

Nói đến đây tôi lại xin lưu ý các bậc cha mẹ hiện tại về tình trạng bỏ quên nếp sinh hoạt mang tính truyền thống của các gia đình Phật tử người Việt. Chúng ta vẫn giữ nếp đến chùa lễ Phật, nghe pháp và cúng dường. Nhưng chúng ta ít diu dắt con cái mình những bước đi mà trước đây ông bà cha mẹ của chúng ta đã từng diu dắt chúng

ta lúc còn trẻ nhỏ. Số là chúng ta đang trải qua giai đoạn chuyển đổi lớn về cơ cấu xã hội nên khó tránh khỏi sự thay đổi về nề nếp sinh hoạt mang tính truyền thống. Điều này ai cũng thấy rõ nhưng vấn đề diễn ra khá tế nhị khiến cho chúng ta cảm thấy hết sức khó khăn trong việc duy trì nếp sinh hoạt như trước đây. Rõ ràng, chúng ta khó duy trì được nếp sinh hoạt gia đình mang tính truyền thống như ngày nào, nhưng chúng ta cũng không thể hoàn toàn giao phó con cái chúng ta cho các đoàn thể xã hội được. Bởi ở đó con cái của chúng ta chỉ học được cái khôn ngoan dẫn đến thành đạt về mặt xã hội nhưng chúng không học được sự bình an nội tại mà một lúc nào đó bản thân chúng hẳn phải cần đến. Chúng ta thương con thì không thể không nhận ra sự trống vắng yếu tố nội tâm trong các hoạt động mang tính đoàn thể của xã hội hiện đại. Tôi thấy con trẻ mình trao đổi tiếng Tây tiếng Tàu thật lưu loát trên máy điện thoại di động thì thấy vui nhưng không tránh khỏi lo lắng. Tôi lo bởi tôi thấy chiếm số đông trong những người đến đăng ký các khóa học Yoga hay hành Thiền cấp tốc chính là những người có học thức cao, làm ăn thành đạt, điều hành những công ty tập đoàn lớn có hàng ngàn công nhân làm việc. Tôi lại nghĩ và lo không biết mình có đủ sức hiểu và đủ thương con cái hay không để có thể diu dắt chúng một quãng đường thật đơn giản nhưng cần cho chúng về sau thoát khỏi cảnh truy tìm trên máy tính các địa chỉ học Yoga hay hành Thiền cấp tốc. ■



Tại chùa Phước Hải, Q.10, nhóm tình nguyện viên của Báo Giác Ngộ chuẩn bị thực phẩm để hỗ trợ thí sinh nghèo.

Theo chân người làm từ thiện

Bài và ảnh: PHỐ ĐẠO

Tháng Bảy, Sài Gòn đang nóng bức, nhiều nhường mưa nắng thất thường thì mùa thi lại đến. Ngay từ những ngày cuối tháng Sáu, nhiều thí sinh ở các tỉnh trên cả nước đã nườm nượp đổ về dự kỳ thi tuyển sinh đại học và cao đẳng thường niên.

Hàng ngàn "tân sĩ tử" cả nam, nữ cùng phụ huynh tập trung về thành phố là một dịp làm ăn của nhiều dịch vụ như tắc-xi, xe ôm, nhà nghỉ, phòng trọ, ăn uống... "Đục nước" thì "béo cò", một số người không bỏ lỡ cơ hội, ra tay "chặt chém". Một chỗ nghỉ chật hẹp, ngột ngạt, nam nữ ở chung, tiện nghi vệ sinh kém... cũng được các chủ trọ "hét" với giá từ một trăm ngàn đồng trở lên/người/ngày/đêm. Không phải không có một số thí sinh và phụ huynh ở khách sạn, đi lại bằng tắc-xi, ăn cơm tiệm. Còn

đại đa số đều thuộc diện nghèo khó; chỉ với tiền tàu xe từ quê vào, đi lại trong thành phố, trả tiền chỗ trọ tối tân, ăn uống vất vả, cộng thêm các khoản phát sinh như đau ốm... cũng đã vượt quá khả năng tài chính của họ.

Chia sẻ, cảm thông, giúp giảm bớt phần nào khó khăn, thiệt thòi, tạo thuận lợi cho các thí sinh cùng phụ huynh chân ướt chân ráo đến một thành phố xa lạ, đất đỏ, nhiều nhà, nhiều người hảo tâm đã phát tâm làm từ thiện - theo nghĩa rộng chỉ các hoạt động như: góp quỹ, đóng góp tiền, của, cứu trợ, tài trợ v.v. Nhà là các tổ chức xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp, nhà thờ, nhà chùa. Người là các cá nhân, Phật tử vẫn thường xuyên làm từ thiện khi có những đối tượng cần.

Tình cờ một dịp vào thăm chùa Vĩnh Nghiêm, nơi Phó tôi đã từng chụp ảnh đạo hàng chục năm mà được biết



Nhóm tình nguyện viên thuộc ĐHKHTN công tác trước cổng các điểm thi.

nhà chùa có cho thí sinh các tỉnh ăn ở miễn phí suốt kỳ thi. Được sự cho phép của các thầy, Phó tôi lên lầu 1, tận mắt chứng kiến vài chục thí sinh và người nhà được nghỉ, được ôn bài trong một căn phòng rộng hàng trăm mét vuông, sạch sẽ, có nhiều quạt trần, nhiều đèn tuýp sáng trưng. Xuống trái phòng, Phó tôi thấy có hàng chục Phật tử đang làm công quả bằng việc phụ nấu ăn cho thí sinh. Một tình nguyện viên tiếp sức mùa thi (TNVTSMT) là nữ cho tôi biết có hàng chục ngôi chùa, tịnh xá ở khắp các quận huyện trong thành phố đóng loạt mở rộng cửa hỗ trợ thí sinh. Được hỏi, một phụ huynh nam rất cảm động cho biết hai cha con ông từ Bảo Lộc xuống, may mắn được các TNVTSMT dẫn vào chùa. Ông nói: *"Ở đây phòng rất rộng, có nhiều đèn, quạt, nhà vệ sinh sạch sẽ, được ăn cơm miễn phí... Tôi là người Công giáo nhưng lại có cơ may được nương nhờ cửa Phật..."*

Theo chỉ dẫn tiếp của cô gái, Phó tôi liền sang chùa Kiếu Đàm (Q.3). Tuy có diện tích khiêm tốn, chùa Kiếu Đàm đã dành những chỗ nghỉ rộng, có nhà vệ sinh sạch sẽ dành cho các em nữ. Các Sư cô đã phải sắp xếp lại chỗ ở tạm để nhường chỗ cho các thí sinh.

Chùa Phước Hải ở trong một con hẻm nhỏ trên đường Ba Tháng Hai, Q.10, có mặt bằng chật hẹp nhưng tấm lòng của Ni trưởng và các Sư cô lúc nào cũng rộng mở, từ lâu đã là địa chỉ quen thân của nhiều sinh viên đến thư viện thoáng mát ở đây học bài. Vào mùa thi năm nay, chùa càng bận rộn, tấp nập hơn bởi có hàng chục thí sinh nữ được ăn ở miễn phí trong chùa. Dưới nhà bếp, nhiều người cùng chung tay nấu 500 phần cơm từ thiện phát cho thí sinh vào mỗi ngày thi.

Như vậy, mùa thi năm nay, nhà chùa đã hưởng ứng đợt tiếp sức mùa thi, góp phần không nhỏ hỗ trợ các thí sinh thuộc diện khó khăn vượt qua kỳ thi được suôn sẻ hơn, tạo được ấn tượng rằng cửa Phật không chỉ là nơi nương tựa tâm linh...

Nhưng may mắn nhất cho Phó tôi là được tháp tùng một số sinh viên tình nguyện làm từ thiện mà ngộ ra nhiều điều ray rứt bấy lâu nay. Làm từ thiện là tốt nhưng người ta làm từ thiện - tức người có tiền, của đem cúng, hiến, tặng, cho - liệu đã hẳn vì vì mục đích cao cả này

chưa? Tôi cũng đã nhận ra thế nào là người làm từ thiện đích thực. Ngay cả đối tượng được nhận tiền, hiện vật từ thiện cũng có nhiều loại người và cách nhận khác nhau. Làm từ thiện cũng không phải dễ, chưa nói đến những vất vả thiệt thòi mà người làm từ thiện chân chính gặp phải trong quá trình hành thiện của mình. Có người quan niệm làm từ thiện "trước để mua vui, sau là việc nghĩa" là chưa thấy được ý nghĩa thiêng liêng của việc làm từ thiện mang Phật tính.

Trong thời buổi kinh tế thị trường, bỏ tiền của làm từ thiện là thể hiện trách nhiệm xã hội, trách nhiệm cộng đồng của các doanh nghiệp sau khi họ đã lấy của cải của xã hội quá nhiều trong một thời gian dài tích lũy, bây giờ đã đến lúc phải nghĩ lại mà "nhả" bớt ra cho đồng loại. Kiểu làm từ thiện này, dẫu sao cũng đáng trân trọng. Nhưng các hình thức "trình diễn từ thiện" có tổ chức đã nở rộ như nấm sau mưa trong nhiều năm qua thì thật dễ gây "dị ứng" mà Phó tôi đã chứng kiến. Kịch bản cho một cuộc "trình diễn" này được cả bộ phận tiếp thị (marketing) chuyên nghiệp của đơn vị đó soạn thảo công phu gồm: truyền hình trực tiếp, thuê ca sĩ, vũ công trình diễn văn nghệ, mời các quan chức sở tại, cấp trên tham dự và phát biểu, tặng quà, bao thư... tốn hàng trăm triệu. Đây thực chất chỉ là một "show" quảng cáo mà bây giờ gọi là "PR" (public relation) cho bớt lộ liễu. Phó tôi đã vài lần được thuê đi chụp hình một công ty phát quả từ thiện tại Tây Nguyên. Tôi phải chụp những cảnh diễn rất "xi-la-ma" người ta trao quà, tiền cho những đối tượng bằng cách hai bên đứng yên giữ tư thế trong vài giây, sửa đi sửa lại rồi bấm máy nhiều kiểu, nhiều góc độ để có những tấm hình ưng ý nhất để quảng bá cho nhà từ thiện. Những cảnh này cũng được thuê quay video, dựng thành phim có lời bình để phát lên TV... Một hình thức nữa là tổ chức quyên góp của các nhà hảo tâm - hầu hết là các doanh nghiệp - được truyền hình trực tiếp bằng cách bán đấu giá một đồ vật hoặc quyên tiền vào một quỹ nào đó như hỗ trợ bệnh nhân nghèo, bảo lụt v.v. Và kết quả của buổi quyên góp đã thu về con số hàng chục tỷ đồng. Thoạt nghe thì ai cũng thấy đây là một hoạt động tốt vì những đối tượng được nhận sự ủng hộ là xứng đáng, những



Sư cô chùa Phước Hải cùng làm việc với các tình nguyện viên

người tài trợ thật cao cả, đáng khâm phục mà không dám nghĩ ngược lại, sợ lương tâm mình cắn rứt hoặc tủi vì mình nghèo, nhìn đồng loại đang hoạn nạn mà chỉ “thương miệng thương môi” hoặc đứng nhìn bởi “lực bất tòng tâm”. Không có một xu dính túi thì hãy để cho những người có tiền người ta làm từ thiện. Nhưng, thử hỏi số tiền hàng vài trăm triệu đến hàng tỷ mà các ông A, bà B, tổng giám đốc C... thay mặt doanh nghiệp X, Y... kia tự nguyện quyên góp hay là vì bị vận động mà họ không thể chối từ? Thử hỏi những khoản tiền đó ở đâu ra? Mà mỗi năm đâu chỉ có một đợt quyên góp? Chắc chắn những khoản tiền lớn ấy sẽ được tính đủ cho chi phí đầu vào của sản phẩm. Đó là quy luật. Những khoản quyên góp từ thiện, lại quả, lo lót và nhiều khoản chi ngoài sổ sách đã khiến giá thành sản phẩm đầu ra của hàng nội quá cao, chất lượng lại thấp, khó cạnh tranh với hàng ngoại tẩm tẩm khu vực như hàng Thái, hàng cấp thấp Trung Quốc, chứ chưa nói đến hàng Âu-Mỹ-Nhật. Nhiều loại hàng như thuốc Tây, sữa có giá cao phi lý kéo dài từ hàng chục năm nay nhưng không sao hạ được có lẽ cũng vì lý do này. Hơn nữa, biết đâu những đồng tiền làm từ thiện của một số doanh nghiệp kia lại là đồng tiền trốn thuế, làm hại môi trường, ăn bớt ăn xén tiền bảo hiểm phải đóng cho công nhân... Như vậy, đầu này họ làm ác để đầu kia cổ tiền làm thiện.

Khác với cách trên, Phó tôi cũng có vài người bạn mới là Phật tử dù chỉ sống bằng đồng lương ít ỏi của mình nhưng đã làm từ thiện nhiều năm nay. Họ không phải là cán bộ quản lý giáo dục mà là những giáo viên trực tiếp đứng lớp với phương châm “một miếng khi đói...”, “lá lành đùm lá rách” mà bỏ tiền ra làm từ thiện. Những vị này thường giấu tên, nhất định không muốn hình hài, danh tánh của mình được đưa lên phương tiện thông tin đại chúng. Trước hôm thi đợt đầu vào ngày 4/7/2009, khi ngồi uống cà phê, biết các bạn đang bàn việc mua hàng trăm suất bánh mì phát cho thí sinh, còn bàn bạc với nhau xem mua loại bánh nào an toàn, bảo đảm vệ sinh, e các em bị đau bụng trong lúc “vượt vũ môn”. Phó tôi đề nghị được đi theo chụp hình làm tư liệu thì bị từ chối. Tôi đợi các nhà từ thiện này lên xe để đuổi theo nhưng không kịp. Tôi hơi buồn vì không đạt ý nguyện. Nhưng



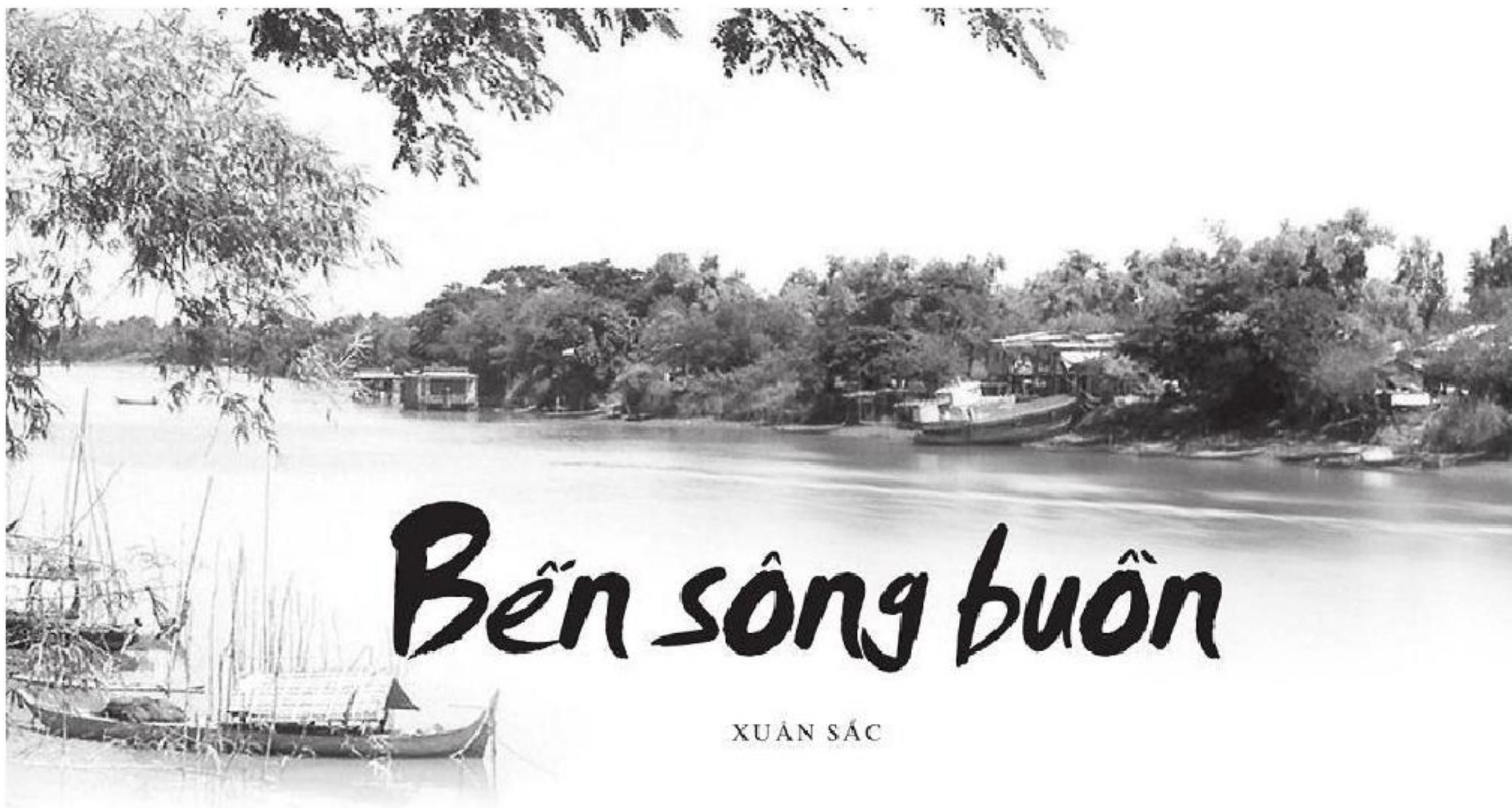
Thí sinh ôn tập tại thư viện chùa Phước Hải.

nghĩ lại thì mới hiểu ra, người làm từ thiện đích thực không thích phô trương, quảng cáo như kiểu các “show” vừa nêu trên bởi họ là Phật tử, chỉ thế thôi.

Ngày hôm sau, do được biết nhóm sinh viên sẽ phát số bánh của các bạn này cho thí sinh ở ba điểm thi, Phó tôi liền phóng xe đến sớm. Trước cổng điểm thi, các thí sinh và phụ huynh đã tụ tập khá đông. Chính tề trong những chiếc áo thun có in chữ và phù hiệu trước ngực, các tình nguyện viên là sinh viên Đại học Khoa học Tự nhiên đã đứng bên cạnh thùng bánh sẵn sàng phát cho thí sinh có nhu cầu. Nhưng các nam nữ “tân sĩ tử” đều e ngại không dám nhận. Sau ít phút, các tình nguyện viên cầm bánh chủ động trao vào tay thì họ nhận. Cũng có thí sinh không nhận, có lẽ em này nhà ở thành phố nên đã ăn sáng. Nhưng có em không nhận vì sĩ diện. “Sĩ” là căn bệnh của dân tộc mà! Cuộc phân phát bánh vẫn diễn ra. Một tình nguyện viên trao bánh cho một em có phụ huynh đứng cạnh thì em này lắc đầu. Ông phụ huynh cũng vội phát ra một tràng: “Đây là những nhân tài tương lai của đất nước chứ có phải tằm thường đâu mà phải nhận (bánh) (!)”. Phó tôi nghe được câu lạc điệu, chẳng thùng lỗ nhĩ chút nào mà buồn, nghĩ thầm rằng: “Nhân tài hay người thường thì cũng phải “có thực mới vực được đạo”. Đa số thí sinh con nhà nông “chân chỉ hạt bột” ở những miền quê nghèo một nắng hai sương chứ có mảnh mung gì đâu mà có nhiều tiền như ông? Chạy sang điểm Phan Sào Nam, Phó tôi thấy các tình nguyện viên đang phát bánh. Người nhận. Người không.

Qua đó mới thấy việc hành thiện vừa tốn tiền, tốn sức, đòi hỏi phải kiên trì mới làm được. Mà muốn thiện, muốn tốt mà lại muốn được an nhàn, sung sướng thì ai chẳng làm được việc thiện, ai chẳng sống tốt? Chịu nghèo khổ, vất vả, bị coi thường... chính là thử thách lớn nhất mà một người muốn sống thiện, sống tốt phải vượt qua.

Người ta thường nói “giá trị vật cho không quan trọng bằng cách cho”. Tuy những phần bánh mì không có giá tiền lớn nhưng là thể hiện chân tâm, Phật tính của người cho. Nghèo mà dám chia sẻ với đồng loại trong những giờ phút cam go thì mới quý. Đợi khi giàu có mới làm từ thiện thì đến bao giờ?... ■



Bến sông buồn

XUÂN SẮC

Đã gần 10 năm nay tôi không có dịp ngồi trên bến sông để ngắm cảnh mây trời, sông nước. Vì vậy, tôi luôn háo hức được tìm về những kỷ niệm êm đềm trong ký ức. Và một ngày kia, tôi có dịp trở về quê và quyết định ra bến sông để thả hồn theo sóng nước. Bâng khuâng là thế, nhưng khi trở lại nơi xưa thì tôi hoàn toàn hụt hẫng, một nỗi buồn mênh mông bất chợt xâm chiếm cả tâm hồn...

Có thể nói, mọi thứ giờ đây khác quá, xa lạ quá. Dòng sông tuy vẫn giữ được những nét đặc trưng năm nào nhưng trên dòng nước ấy lại ánh lên một nỗi sầu nặng trĩu, một sự im lặng khác thường... Những con sóng tung tăng năm xưa nay chỉ gợn lên yếu ớt rồi tắt lịm giữa dòng. Những hàng cây hai bên bờ thì buông mình ủ rũ, nhánh khê đưa như cố chào lấy cố nhân. Ngồi trên bờ tôi mỏi mắt chờ trông, mong thấy được những ghe xuống quen thuộc. Nhưng sự chờ đợi chỉ càng thêm thất vọng khi lâu thật lâu mới có một chiếc ghe lẻ loi chậm chậm chạy ngang. Nó không những không giúp được cảnh vật tươi vui hơn mà còn làm tăng thêm vẻ cô đơn, trầm mặc.

Từ bấy lâu nay, trong trái tim tôi, dòng sông giống như người mẹ, ngày đêm ôm ấp, che chở, dung dưỡng cho cuộc sống và tâm hồn tôi. Nơi ấy đã cho tôi biết bao kỷ niệm, bao cảm giác ngọt ngào về quê hương yêu dấu. Đâu đó trước mắt tôi, hình ảnh những chiếc ghe mua dừa, mua chuối, bán bắp, bán cá, bán khoai, bán muối, bán cà rem, bán sương sáo,... hiện lên nườm nượp. Tôi vẫn nhớ mỗi ngày mẹ đi chợ, đi công chuyện,... trên chiếc ghe tam bản nhỏ nhắn. Và đâu đó, bản hòa tấu của tiếng máy, tiếng sóng, tiếng rao,... lại văng vẳng bên tai. Những âm thanh quen thuộc ấy giờ đây chỉ là hoài vọng, và có lẽ đã mãi trôi vào dĩ vãng...

Nhìn dòng nước thần thờ trôi mà sao ký ức cứ như con sóng cuộn trào tuôn chảy. Tôi nhớ những buổi trưa

hè oi ả, bọn trẻ con quần tụ nơi bến sông. Chúng lấy những cành tre rồi nắn vào đó một cục đất sét để ném qua bờ đối diện. Chơi chán, chúng chuyển sang tắm sông, đây là một phần không thể thiếu trong mỗi cuộc vui. Ở dưới nước, chúng có thể chơi trò cút bắt, chúng chui vào những bụi lác trốn nhau, một số khác leo lên những cây còng, cây mù u,... khi bị phát hiện thì phóng ùm xuống nước. Chơi xong trò ấy, chúng lại đua nhau lội qua sông để hái bắp. Chúng vọt vèo trên cây giống như những "tiểu hầu vương" và tranh nhau từng trái bắp chín mọng. Ăn xong chúng lại thi nhau lội về để phân tài cao thấp. Thường thì một buổi tắm như vậy có thể kéo dài từ lúc nước mới lớn đến lúc nước ròng. Khi ấy, đứa nào đứa nấy lạnh run, uống nước no bụng, mặt mày bị bùn bám đen thui, chúng chạy vội lên nhà xối mấy gáo nước lóng phèn rồi mặc nhanh quần áo vào cho đỡ lạnh.

Buổi chiều, khi mà ánh mặt trời bắt đầu ngả về Tây, bọn trẻ con lại xuống bến sông chơi tiếp. Thời điểm này có thêm trò mới là thả câu cá úc, cá ngát, cá lăng,... Chúng lại thi nhau móc mồi rồi thi nhau quăng câu. Buồn cười nhất là khi quăng câu bị lưới móc vào tai la chỉ chóc hay dây câu bị mấy cái chân vịt cuốn vào đứt hết, mất cả vốn lẫn lời. Và trong khi ngồi đợi thả câu, chúng lại trêu chọc những người bán đồ chèo ngang. Đôi lúc bạo gan, chúng giả đồ muốn mua một thứ gì đó và kêu người ta lại. Nhưng khi ghe vừa cập bến thì chúng nói là không mua rồi phá lên cười và kéo nhau chạy trốn. Người chèo ghe giận xanh mặt vì bị lừa, nhiều người còn đi kiếm nhà hỏi thăm để mắng vốn cha mẹ chúng. Vì vậy, khi trở về nhà, một số đứa cũng bị đòn bầm thây vì nghịch ngợm.

Không những vậy, khi đi học, bọn trẻ cũng đi theo đường cặp mé sông để đến trường. Riêng một số đứa phải qua sông mới đến được lớp. Chúng có thể nhờ người thân đưa, nhờ bạn rước hay quá giang bất cứ



người nào có thể. Nhiều khi đi đông quá, khi thấy một cái ghe nào chèo tới chúng sẽ nấp bớt và chỉ cho một hoặc hai đứa ra hỏi quá giang mà thôi. Khi ghe vừa ghé lại là chúng ùa ra cả lũ. Người cho quá giang biết mình bị dụ nhưng vẫn rất sẵn lòng, đưa một chuyến không hết quay lại đưa tiếp cho đến khi nào hết thì thôi.

Trẻ nhỏ là vậy, còn người lớn thì cũng có những hoạt động sôi nổi không kém. Nước lớn thì họ tưới cây, chờ đổ đi bán, xách nước, tắm gội, giặt giũ, số khác thì câu thì tôm, đặt lờ, vớt cá dảnh, vớt củi,... Nước ròng thì đi chài, mò tép, kéo lưới,... Vui nhất là mỗi khi con nước ròng, hầu như tất cả mọi người đều xuống sông để chài cá vì khi đó cá trong ao ra sông rất nhiều, nhất là cá tra. Khi ấy, cả dòng sông đông nghịt bóng người, họ vừa bắt cá vừa nói cười inh ỏi...

Hồi ức đang tuôn trào thì tôi bỗng giật mình bởi tiếng rao của một người bán cá. Tiếng rao lanh lảnh, trong trẻo nhưng không có người nào đáp lại. Về thất vọng hiện rõ trong điệu bộ của người ấy, nhưng biết làm gì khi con người giờ đây đã xa rời dòng sông. Vì vậy, tôi biết dòng sông bây giờ buồn lắm. Mà không buồn sao được khi cách đây ít năm nó còn là trung tâm của cuộc sống quê tôi, bao nhiêu sinh hoạt đều gắn với nó cả. Nhưng nay, cũng cái bến ấy, cũng cảnh vật ấy, cũng hai con nước lớn - ròng ấy nhưng bóng dáng con người đã dần xa khuất. Không còn cảnh nhộn nhịp đêm ngày, không còn tiếng máy nổ, tiếng sóng đánh ầm ập như khiêu khích và hãnh diện với tự nhiên. Ngày xưa ấy, dòng sông là hơi thở của người dân đồng bằng, đơn giản vì nó là đường giao thông huyết mạch, điều tiết mọi hoạt động của cuộc sống. Đường đi chính bao giờ cũng nằm cặp mé sông, mọi người đi đâu, làm gì cũng có liên quan đến dòng sông. Lúc ấy, ai có nhà ở mé sông như có nhà ở mặt tiền quốc lộ, giá trị vô cùng. Nhưng bây giờ, đường làng phát triển, người ta không còn thích đi đường thủy

như trước kia nữa mà họ thích đi xe hơn. Cũng khó trách vì cái phương tiện ấy vừa nhanh, vừa thuận tiện, trong khi ghe, tàu lại mất nhiều thời gian và bất tiện. Đau lòng nhất là con người dù đã sống mấy chục năm dưới bến sông lại quyết định dời nhà lên những con lộ mới hoặc cất nhà quay lưng ra dòng sông như muốn từ bỏ, né tránh một điều gì đó. Và nếu có ai thử so sánh mức độ sung túc ở mé sông hiện nay với những năm về trước thì tất cả sẽ dễ dàng nhận ra rằng dòng sông đã không thể cạnh tranh lại những con lộ mới để giữ vững vị trí độc tôn như trước nữa. Đó là sự phát triển tất yếu của xã hội mà ta không thể làm gì khác để can thiệp.

Không ai phủ nhận sự phát triển ấy là một điều đáng mừng. Nhưng ở một phương diện nào đó, bản thân tôi

lại thấy con người bắt đầu quay lưng lại với tự nhiên. Thậm chí họ còn làm tổn hại đến nó, đồng thời làm mất đi cả những giá trị tinh thần để dung dưỡng tâm hồn và nhân cách con người. Bằng chứng là họ đã thả xuống sông nào là rác, chất thải công nghiệp, phế phụ phẩm, đặc biệt là thuốc trừ sâu. Bên cạnh đó, họ còn khai thác và đánh bắt tận diệt nguồn lợi thủy sản bằng điện và các loại hóa chất độc



Ảnh: Tuyết Mai

hại. Với nhiều gia đình, dòng sông không khác gì một nơi để chứa rác, một nơi mà trẻ con không được tiếp cận. Vì thế, rất nhiều em nhỏ ngày nay tuy sống ở gần sông nhưng nào biết tắm sông, chèo xuồng, đi đò, đi ghe là gì. Chúng đâu cảm nhận được dòng sông đẹp và đáng yêu thế nào, chúng đâu biết được dòng sông có thể cho chúng những kỷ ức đẹp mà chúng không thể tìm thấy ở bất cứ một nơi nào khác. Nghĩ đến đó tự dưng tôi thấy buồn vô hạn và dự cảm rằng, dòng sông đang "chết" dần theo đúng cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Và tôi cũng có cảm giác rằng, một phần nào đó trong văn hóa sông nước đã bị mai một và trong tương lai không xa có thể nó sẽ mất đi mãi mãi... ■

Xin đừng đùa bỡn với chữ nghĩa

KIỀU THÁI CHÀN

Vài năm trở lại đây, cứ mỗi khi kết thúc các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (sic) và tuyển sinh đại học, người ta lại thấy rộ lên những đoạn trích các câu văn được gọi là “câu văn kinh dị” dẫn từ những bài thi của các thí sinh không có khả năng viết tiếng Việt chuẩn. Hầu hết những bài viết xuất hiện trên mặt báo in và báo điện tử đều đi tới những kết luận chung chung là cần phải chấn chỉnh việc dạy Văn trong trường phổ thông, ra vẻ quan tâm đến việc cần phải giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Nhưng trong cung cách trích dẫn, người đọc thường có cảm giác những câu trích chỉ nhằm mua vui cho độc giả, không thể hiện một tinh thần trách nhiệm nghiêm túc.

Trước hết, người đọc không hiểu vì sao những câu văn sai sót trầm trọng ấy có thể đến được mặt báo, khi những người viết báo thường không phải là các vị giám khảo. Ngay cả trong trường hợp những câu văn ấy được chính những vị giám khảo đưa ra, người đọc cũng không hiểu bằng cách nào các giám khảo có thể nhớ trọn vẹn những câu văn ấy, nhớ đến từng dấu chấm, dấu phẩy. Vì lẽ trên nguyên tắc chấm thi, người giám khảo không được quyền mang các phương tiện sao chép, tài liệu, giấy tờ riêng và các loại bút không nằm trong quy định của Hội đồng chấm thi vào và ra khỏi khu vực chấm thi. Trong thời gian chấm thi, trách nhiệm của vị giám khảo không phải là nhẹ, vì quyết định của người chấm thi có ảnh hưởng đến cuộc đời học tập của thí sinh. Cho nên, theo suy nghĩ thông thường, người giám khảo phải tập trung vào việc chấm thi chứ không thể để đầu óc bị chi phối bởi những việc không liên quan. Trong trường hợp

đó, các vị giám khảo sẽ không thể học thuộc những câu văn được viết ra không tuân theo quy tắc văn phạm và không có giá trị biểu đạt ý tưởng ấy để sau này trích dẫn một cách chính xác như đã thể hiện trên các bài báo. Sau khi việc chấm thi kết thúc, trừ trường hợp có yêu cầu phúc khảo, người ta không có nhu cầu giữ lại các bài thi đã được chấm xong. Những bài thi không hợp lệ lại càng không được đưa ra ngoài. Ngay những lần đầu tiên có sự trích dẫn chính xác những lỗi viết thiếu nghiêm túc lấy từ các bài thi cấp quốc gia, người ta đã thất vọng. Hoặc có các vị giám khảo vi phạm quy chế chấm thi, đem phương tiện sao chép vào phòng thi một cách bất hợp pháp. Hoặc có những vị giám khảo chỉ đến phòng thi để học thuộc lòng những lỗi viết ngớ ngẩn của học trò với ý định phổ biến mua vui sau khi công tác chấm thi kết thúc, còn việc chấm thi thì không chú trọng.

Thứ đến, những người có thể tiếp cận với những cách viết tùy tiện trong các bài thi của thí sinh chắc chắn phải là những vị có liên quan đến việc giảng dạy môn Văn hoặc môn Sử. Cho dù những lời văn không theo mẹo luật ngôn ngữ và không có giá trị biểu đạt ý tưởng đã được trích dẫn ấy có thể không phải do học trò của các vị ấy viết ra, chắc chắn rằng các vị ấy cũng có phần trách nhiệm. Khi ấy, người có tinh thần trách nhiệm chỉ có thể cảm thấy xót xa vì có những đồng nghiệp đã không hoàn thành trách nhiệm hướng dẫn học trò biết cách viết đúng tiếng Việt, những người đồng nghiệp ấy có thể kể đến cả những vị đã dạy đứa trẻ từ những buổi học khai tâm trở đi, chứ không riêng một ai. Bên cạnh đó, người có tinh thần trách nhiệm còn hiểu rằng cả xã hội đã không hề quan tâm đến việc viết



đúng, nói đúng tiếng Việt đến nỗi có những học sinh bị vấy phủ bởi những lối viết lối nói không đúng tiêu chuẩn văn phạm nên bị ảnh hưởng và trở thành những kẻ chỉ có thể viết được những câu què, câu cụt. Với nhận thức ấy, người có trách nhiệm không thể đem những sai sót của học trò ra bêu riếu, mà chỉ nên có những góp ý về các biện pháp chấn chỉnh việc dạy Văn học Văn dạy Sử học Sử được nêu lên trong những cuộc hội thảo giáo dục. Đành rằng khi một vấn đề nào đó đã trở nên trầm trọng thì người ta có thể gióng lên những tiếng chuông báo động với toàn xã hội; nhưng với những dẫn chứng về các đoạn văn được viết ra bởi những thí sinh thiếu khả năng biểu đạt bằng ngôn ngữ Việt như công chúng đã tiếp cận, phải chăng vấn đề đã đến mức quá trầm trọng đến nỗi không thể áp dụng các biện pháp thông báo nhẹ nhàng hơn việc trích dẫn công khai trên báo về các trường hợp sai sót ấy? Phải chăng chính người lớn trong lúc sử dụng tiếng Việt đã không hề có sai sót để có thể mang những sai sót của học trò ra phê phán một cách tùy tiện như vậy? Khi đưa những câu văn sai sót ấy ra công khai, những vị có trách nhiệm có bao giờ nghĩ đến phản ứng tâm lý của đứa học trò là tác giả những câu văn ấy không? Tất nhiên đứa học trò đó vô danh, nhưng cũng có thể đứa học trò vô danh đó biết rằng câu văn mình đã viết đang là đối tượng của một sự bêu riếu, vì thế rất có khả năng đứa học trò ấy sẽ mang một mặc cảm nặng nề đối với hệ thống giáo dục nói chung.

Đã từ nhiều năm, việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt luôn là nỗi băn khoăn của mọi người. Đã có không biết bao nhiêu lời kêu gọi cần phải quan tâm đến việc nói đúng viết đúng tiếng Việt, nhưng hình như những

lời kêu gọi ấy chỉ như những tiếng vọng rơi vào khoảng không. Không nói đến hiện tượng giới trẻ hỗn nhiên “sáng tác” những lối nói lối viết mang tính nổi loạn, ngay cả những người có trách nhiệm chính trong lãnh vực phổ biến ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói vẫn hàng ngày ném vào xã hội những lối nói lối viết bừa bãi, không cần biết đến văn phạm, quy tắc gì cả. Có cả những người nổi tiếng nhân danh nghệ thuật đưa ra những cách nói cách viết quá xa lạ, những từ vựng quá kiểu cách khiến cho nhiều người tưởng lầm rằng đây là lối nói lối viết đáng được bắt chước. Trong lúc tình trạng tiếng Việt bị sử dụng một cách bừa bãi như thế, việc phổ biến những sai sót về cách viết tùy tiện trích từ bài thi của một số thí sinh yếu kém có thể lại vô tình kích thích lớp trẻ ứng dụng chúng trong những trường hợp cá biệt, ban đầu chỉ với mục đích mua vui, nhưng rồi có khả năng hình thành những lối nói lối viết mới hoàn toàn phá vỡ cách tư duy truyền thống, gây nên sự rối loạn về ngôn ngữ.

Ngôn ngữ thể hiện bản chất của một dân tộc. Các nhà ngôn ngữ học đã chỉ ra rằng sự hình thành và phát triển tiếng Việt là cả một quá trình lâu dài, có sự tiếp biến văn hóa với nhiều tộc người nhưng cũng có rất nhiều nỗ lực để bảo tồn những nét riêng của văn hóa Việt. Nếu không đóng góp được gì trong việc duy trì sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta cũng không có quyền đùa bỡn với chữ nghĩa để tiếp tay làm rối loạn, gây ô nhiễm đời sống ngôn ngữ có thể dẫn đến nguy cơ hủy hoại nền văn hóa truyền thống. Vì thế, việc bình phẩm hay phê phán các lối sử dụng ngôn ngữ cần được trình bày một cách nghiêm túc, không nên xem đó chỉ là trò mua vui. ■

Tâm là nhà



Sayadaw U Jotika

Sayadaw U Jotika là vị Thiền sư rất được trọng vọng tại Myanmar hiện nay, là tác giả của 13 cuốn sách đã xuất bản. Thiền sư thường thuyết giảng tại nhiều thành phố ở Úc, Mỹ, Singapore, Anh, Canada, Thái Lan... "*Tâm là nhà*" (My mind is my home) là nhan đề cuốn sách sắp xuất bản của Thiền sư, được chính tác giả giới thiệu trong một buổi giảng tại Bangkok, trong đó có phần giảng về một bài thơ cổ Nhật Bản từ thế kỷ 14 được xem là tín điều của võ sĩ đạo, hé lộ một chuỗi nghịch lý giữa không – có (không có gì, gì cũng có).

Dưới đây là phần dịch từ bài "*My mind is my home*" trên trang web *Buddhist channel* ngày 28/5/2009.

-Tôi không có cha mẹ. Tôi lấy Trời và Đất làm cha mẹ.

Điều đó có nghĩa là không chỉ cha mẹ bạn tạo ra bạn. Họ không thể làm việc đó chỉ với chính họ. Đó là toàn thể vũ trụ cho bạn ra đời, đó là tự nhiên, và là nghiệp của bạn.

Khi bạn nghĩ về những dòng này, nó làm cho bạn cảm thấy liên đới với toàn thể vũ trụ, và cảm giác đó là thực sự kinh ngạc. Đó là một cảm giác rất kỳ diệu.

Khi tôi tĩnh tại trong rừng một thời gian dài, ngay cả

không có sách làm bạn (điều khó nhất đối với tôi), tôi vẫn giữ định tâm lúc đó.

Như thế, tâm trở nên rỗng rang và thảnh lạng... nó nở ra... nó trở thành tự do. Bạn quên ngay chính bạn.

Bất chợt tôi cảm tưởng như là liên đới với toàn thể vũ trụ. Tôi sống trong thế giới, tôi sống trong vũ trụ, tôi cảm thấy gắn bó với cây, chim, thú, động vật, với mọi người, với trăng sao.

Đó là kinh nghiệm rất mạnh mẽ trong đời tôi.

Hiện nay, nhiều người cảm thấy ngày càng biệt lập. Họ không cảm thấy liên đới, ngay cả với những người trong gia đình. Nhưng khi bạn cảm nhận mình liên đới với toàn thể vũ trụ, bạn không cảm thấy cô đơn chút nào.

Để vượt qua cô đơn, đầu tiên bạn thiền, để sống trong từng giây phút. Sống được như thế, tâm bạn trở nên bình yên, tĩnh lạng, mạnh mẽ. Định tâm làm cho bạn mạnh mẽ lạ thường. Bạn sẽ phát huy năng lực bên trong.

- Tôi không có nhà. Tôi lấy sự định tâm làm nhà của mình.

Đầu tiên khi tôi đọc dòng này, tôi cảm thấy sướng. Tôi nhận ra nó đúng, rất đúng. Nếu không định, cái gì xảy ra cho tâm bạn? Tâm bạn tức thì đi lang thang quanh quẩn, nó không chỗ để an trú.

Bạn có thể có ngôi nhà lớn, nhưng về tinh thần, bạn là vô gia cư.

Khi bạn thực tập chuyên chú, bạn giữ một thời gian dài một cách siêng năng, bạn sẽ đến điểm bạn biết như là bạn biết. Bạn biết bạn đang thấy, bạn biết bạn đang nghe, bạn biết bạn đang nói.

Và rồi sự suy nghĩ dừng lại, tâm vắng lạng, và tuy nó vắng lạng, vẫn còn sự biết đó.

Nó được gọi là nhận thức của nhận thức, và tại điểm đó bạn cảm thấy một nghị lực và sức mạnh.

Tôi có một môn sinh trẻ đã tập thiền vài năm trước khi đến với tôi, cho tôi biết cô đã có kinh nghiệm thiền đặc biệt, khi cô nhận thức được những gì cô nhận thức. Ngay khi đó, cô nói: "Con cảm thấy con trở nên một người thực sự".

Và tôi đáp: "Ồ, đó là cái gì thực sự kỳ diệu, vô cùng đẹp đẽ, để cảm nhận rằng con trở nên một người hoàn hảo".

- Tôi không có sống, không có chết. Tôi thực hiện thủy triều lên xuống của hơi thở sống và chết.

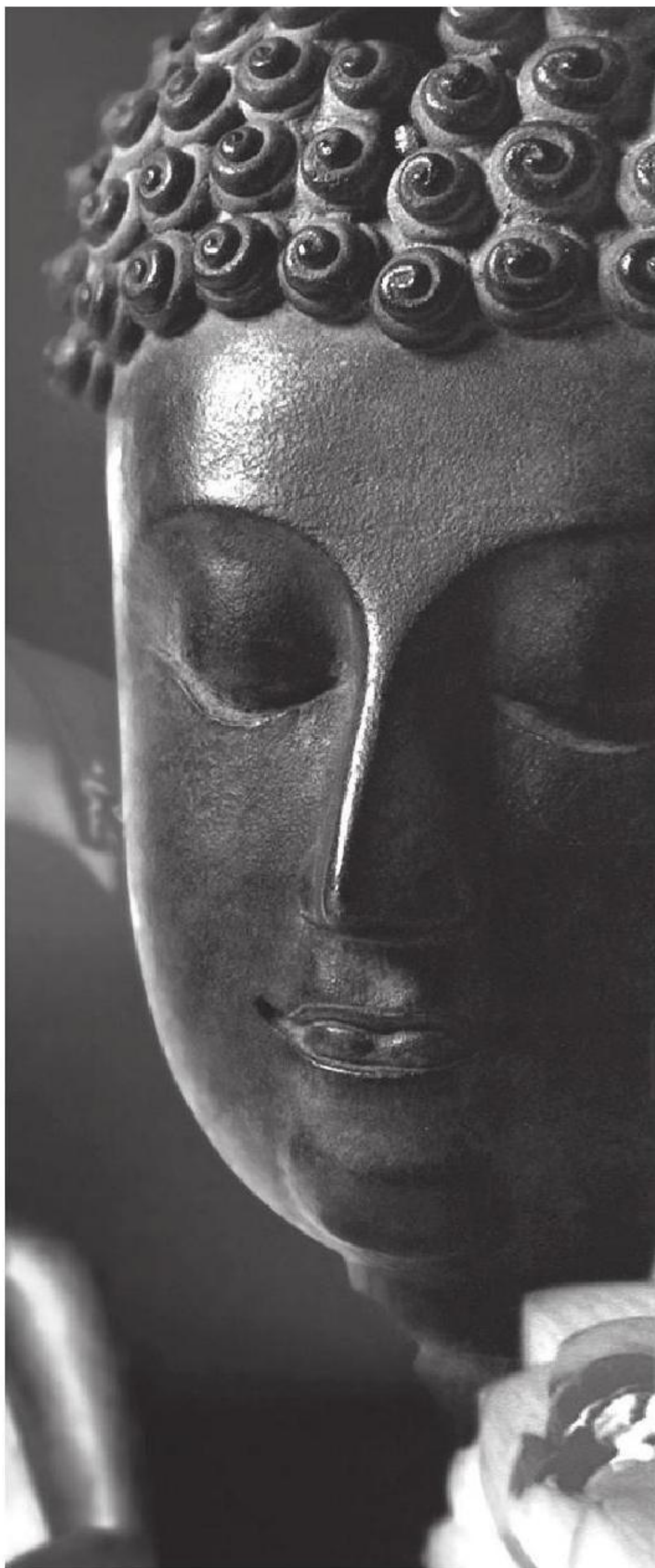
Bạn có thể hiểu câu đó chỉ khi bạn thiền.

Khi bạn thực sự định tâm, bạn không nghĩ gì khác. Thường bạn chỉ có thể nghĩ về quá khứ và tương lai, bạn không bao giờ có thể nghĩ về hiện tại.

Hiện tại thì quá ngắn để không có thời giờ nghĩ về nó. Thời điểm bạn nghĩ về hiện tại, thì khi đó nó đã là quá khứ.

Khi bạn thiền, bạn tập trung chú ý để thở. Đầu tiên, bạn nghĩ về thở vào... thở ra... Nhưng khi bạn tiếp tục thì bạn nhận rõ có những mảnh nhỏ hơn, những mẫu của nhận thức, của tiến trình, cứ tiếp diễn.

Vì thế, bạn càng chuyên tâm thì hiện tại càng trở nên





ngắn hơn. Bạn càng thấy những gì bạn tập trung chú ý, nó càng phát khởi ngay lúc đó và tức khắc nó đi qua. Nó hết sức ngắn, và đó là sống và chết. Sống và chết là rất ngắn.

Câu đó hết sức sâu xa. Chỉ có người thiền mới biết cái chết là rất gần, và chỉ khi bạn kinh nghiệm thế nào mỗi hiện tượng xảy ra trong lúc đó, phát khởi và đi qua, khi đó bạn sẽ hiểu ý nghĩa của câu trên.

- Tôi không có quyền năng thần thánh. Tôi chân thật hóa sức mạnh thần thánh của tôi.

Cách thức tốt nhất để có mọi thứ bạn cần trên đời là hãy nhận nó theo cách chân thật nhất. Đầu tiên, hãy chân thật với mọi người.

Tuy nhiên, đôi khi chúng ta có thể chân thật với người khác mà không chân thật với chính chúng ta. Sự tự dối mình là rất khó thấy, nguy hiểm và khó vượt qua.

Bạn sẽ thực sự khám phá sự tự dối mình khi bạn tập trung chú ý vào suy nghĩ và cảm giác của bạn.

Khi chúng ta dối mọi người, kể cả chính chúng ta,

chúng ta không thể tiến bộ trong thiền tập. Đó là một chướng ngại lớn.

Vì thế khi bạn tập trung chú ý vào tâm, và nhận ra tâm làm việc như thế nào, cái gì tâm đang nghĩ đến và cảm giác về nó, nếu bạn thấy "tôi đang tham lam", bạn hãy trực nhận nó. Đừng cố gắng bào chữa nó, bạn sẽ nhận ra sự thật đơn giản đó, "tôi tham lam".

Nếu bạn giận, hãy nhìn vào tâm bạn và nhận ra "tôi giận". Đừng cố gắng bào chữa nó. Bạn tức khắc quan sát được sự thật.

Rồi thì bạn có thể đạt tiến bộ trong thực tập thiền và điều đó dẫn bạn đến giải phóng.

Để vượt qua mọi thứ, đầu tiên bạn phải nhìn nó, bạn phải hoàn toàn tập trung chú ý.

Sự chú ý tự nó là thanh lọc. Bạn biết đấy, đó là sức mạnh lớn.

- Tôi không có bạn. Tôi lấy tâm mình làm bạn.

Bạn thấy nó đẹp làm sao và thực làm sao. Nếu tâm không phải là bạn của mình, thì tôi không thể nghĩ rằng bạn có thể có người bạn nào. Nếu bạn chính là kẻ thù của bạn, làm thế nào có thể kết bạn với bất cứ người nào?

Làm thế nào có thể kết bạn với tâm của mình? - Bằng thực tập định tâm. Bằng cách thực sự quan sát tâm, bằng cách tập trung chú ý đến những gì bạn suy nghĩ, cảm giác, tại bất cứ lúc nào, suốt cả ngày, bạn sẽ thấy sự thật về tâm của bạn, và chỉ khi bạn thấy sự thật, dần dần nó sẽ trở thành tinh khiết hơn, và nó sẽ trở thành bạn của mình.

- Tôi không có kẻ thù. Tôi lấy sự vô tình làm kẻ thù.

Khi chúng ta thực sự nghĩ về nó, kẻ thù thực của chúng ta không ở đó, không ở bên ngoài. Nó ở bên trong, khi không chú ý đến nó, không biết về nó.

Từ "vô tình" có nhiều từ đồng nghĩa. Trước hết là làm lơ, đối nghịch với quan tâm. Sau đó là tính hay quên.

Sự vô tình thực sự làm giảm cuộc sống và giảm năng lực tâm ta. Tỉnh quan tâm, biết nhận thức, biết chú ý sẽ làm nâng cấp và thăng hoa tâm.

- Tôi không có kiem. Tôi lấy vô ngã làm kiem.

Bạn biết đấy, tự ngã luôn luôn cảm thấy thiếu an toàn. Tự ngã luôn luôn thử chứng tỏ mình.

Khi người nào thực tập thiền Vipassana thì phát triển định tâm tốt, họ thấy rằng chỉ có tiến trình vật lý và tiến trình tâm linh tiếp diễn.

Chỉ có tiến trình, không người, không chúng sinh, không tự ngã. Điều đó đúng là khó, nhưng nếu thực tập, bạn tự nhận ra.

Và khi bạn tự nhận ra, bạn sẽ không còn sợ bất cứ gì. Nhiều người khi đã phát triển thiền Vipassana bên trong, họ không sợ, ngay cả chết. Họ ra đi trầm tĩnh, bình yên.

Cao Huy Hóa dịch
Tháng 6/2009

Cũng một con đường

LÂM HANH NHIÊN

Thường thức cái đẹp luôn là sở thích cá nhân. Mà cá nhân thì mỗi người một ý. Tuy nhiên, bản thân cái đẹp vẫn có những tiêu chí mà hầu như mọi người đều công nhận. Nếu không thì loài người đã không thể có bất kỳ thứ gì gọi là di sản văn hóa. Thế nhưng vẫn cần nhấn mạnh rằng việc thường thức cái đẹp chỉ thể hiện sở thích cá nhân, chỉ may ra mới có người đồng cảm.

Vậy mà đọc Tuyển tập thơ của Trần Quê Hương do Nhà Xuất bản Văn Nghệ ấn hành tháng 5 năm 2009, người đọc có thể thấy tuyển tập thơ này là một trong “Những cái ‘bên lề’ của lịch sử, của tôn giáo, của triết học... rất thường khi là những cái quan trọng mà người ta ít khi ngờ tới. Mà những cái quan trọng đó gần như luôn luôn đầy ắp tính hấp dẫn tình cảm, nói một cách nôm na là ‘dễ thương’” (dẫn Nguyễn Hữu Ba, trong Lời giới thiệu tập thơ Suối về Hoa Nghiêm khi tập thơ này được xuất bản lần đầu tiên vào mùa Phật đản 2518, được in lại trong “Tuyển tập thơ”).

Với Tuyển tập thơ, ngoài toàn bộ hai tập Suối về Hoa Nghiêm và Tặng phẩm dâng đời được in lại, người đọc còn được giới thiệu những bài trích trong tập Tâm hồng mười phương của cùng tác giả sẽ xuất bản nay mai. Trong 240 trang in khổ 15cm x 15cm trên giấy couché, ngoài các bài cảm đề của nhà thơ Phạm Thiên Thư và Trụ Vũ, một bài cảm nghĩ của Giáo sư Hoàng Như Mai, và bài giới thiệu của Cư sĩ Nguyễn Hữu Ba, có thể thấy tác giả tập thơ đã trình bày với người đọc gần trọn vẹn hành trình của một người lên đường tìm đạo giải thoát, khởi đi từ những nhân duyên đầu đời cho đến lúc vững vàng bước vào sự nghiệp hoàng hóa.

Bằng ngôn ngữ thơ phong phú đa dạng mà nét nổi bật là tính chân thành, nhà thơ Trần Quê Hương có khả năng gợi cho người đọc sự xúc động vừa phải để rồi đồng cảm với tác giả trước quyết định lên đường, lên đường trong hình ảnh nhất bát thiên gia phạn, cô thân vạn lý du...



Sách được đóng bìa cứng, trình bày trang nhã, in trên giấy hầu hết có tranh nền đen trắng và một số phụ bản cũng là ảnh đen trắng, tất cả đều thể hiện nét u nhân tĩnh lặng của một tâm thức hướng đến giải thoát, khiến người đọc cảm nhận được sự hài hòa giữa nội dung và hình thức.

Tác giả Trần Quê Hương chính là Hòa thượng Thích Giác Toàn, hiện là Phó ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái Khất sĩ, trụ trì tịnh xá Trung Tâm, và Tuyển tập thơ là ấn phẩm ra mắt nhân dịp tưởng niệm 47 năm ngày thân mẫu của Hòa thượng qua đời. Việc cho ra mắt tuyển tập thơ đúng dịp ngày giỗ mẹ thể hiện một tinh thần của người Phật tử, tinh thần hiếu đạo, một trong những chủ đề chính của Suối về Hoa Nghiêm.

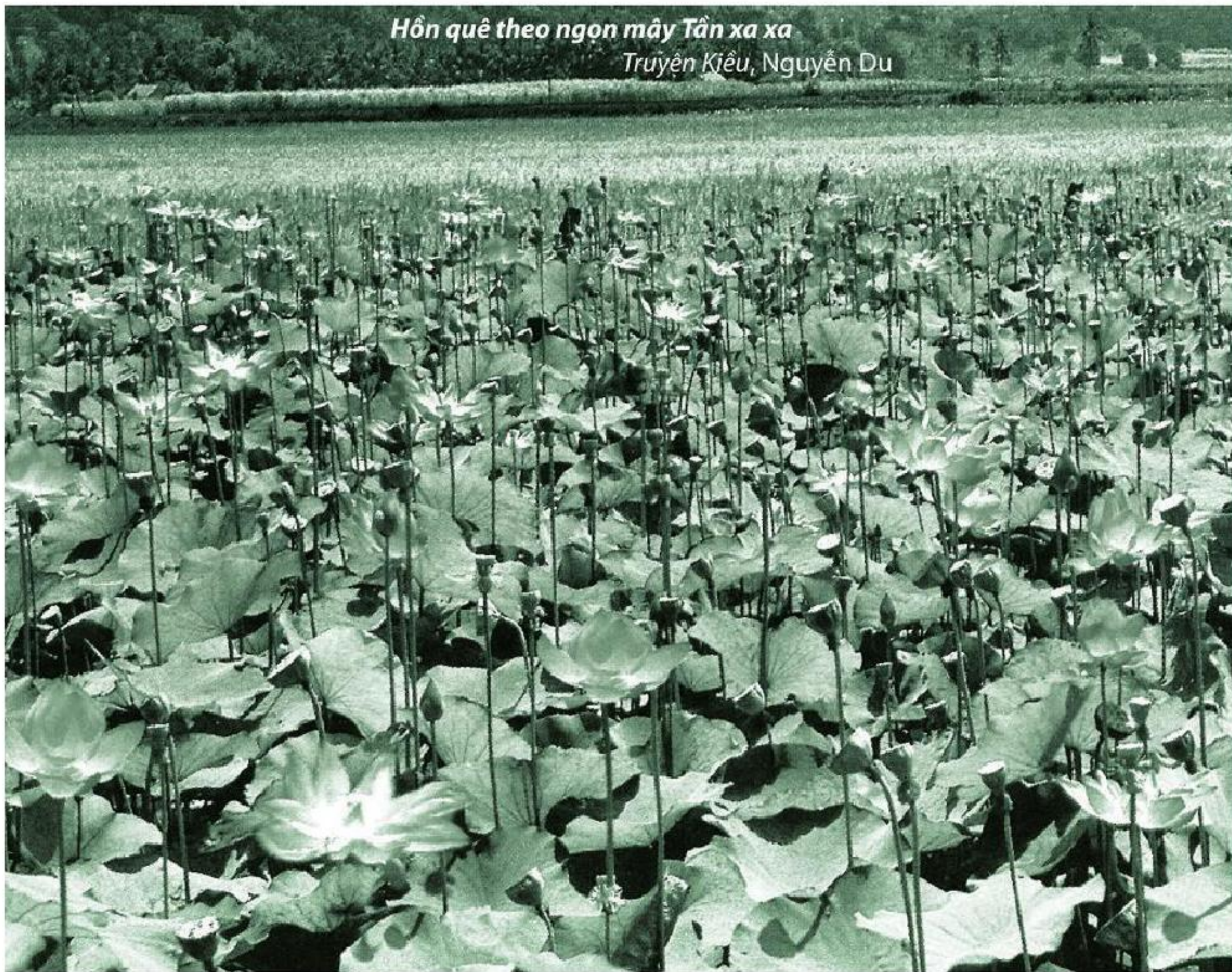
Sau các thi phẩm Bút nở hoa thiêng (1969), Suối về Hoa Nghiêm (1974, 1986, 1999, 2003), Tặng phẩm dâng đời (1974) và tập Khảo luận Thẩm mỹ Phật giáo thời Lý Trần qua văn chương (2006), giờ đây, với tuyển tập thơ này, người đọc hẳn cũng chia sẻ cảm xúc của tác giả nhiều hơn về tình đời, tình Đạo. ■

Vương vấn *mùa sen*

HUỲNH KIM BÙU

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa

Truyện Kiều, Nguyễn Du



Ở vùng quê tôi có nhiều đầm sen. Dân quê mình nhiều cách nói để chỉ một nơi trồng sen. Cũng cái vùng trồng sen thôi, nhưng vùng trồng sen mệnh mông ở giữa đồng thì gọi là đầm sen hay bầu sen, vùng trồng sen ở trước đình chùa thì gọi là hồ sen, còn cái vùng trồng sen nhỏ nhỏ ở bên nhà, bên đường cái quan gọi là ao sen. Hoa sen có sen hồng, sen trắng, sen vàng và sen nào cũng ngát hương. Trong đầm sen thường mọc lẫn hoa súng, cùng họ hàng với hoa sen. Có người vì yêu quá đã gọi hoa sen là hoa “quân tử”, hoa súng là hoa “tiên tử”.

Tôi có nhiều kỷ niệm thời thơ ấu với cái bầu sen làng quê mình. Cái bầu sen ấy rộng tới mấy mẫu đất, thông với một nhánh của con sông Kôn chảy qua làng bằng một khúc mương nhỏ đầy bèo lục bình và lúc nào cũng nghe tiếng cá đớp lách tách dưới chân bèo. Mẹ tôi nghèo, quanh năm làm lụng trên cánh đồng làng. Buổi sáng, mẹ ra đồng, tôi và thằng Út lên nằm ra ngô nhìn theo bóng mẹ “chân nam đá chân chiêu” đi về phía bầu sen ở cuối đồng; buổi chiều thằng Út và tôi ra ngô trông mẹ về, nhìn bóng mẹ từ phía bầu sen liêu xiêu trở về mà thương nỗi nhọc nhằn của mẹ. Mùa hè, có hôm tôi xin theo mẹ ra đồng để được nhìn ngắm bầu sen đang nở hoa. Tôi còn nhớ thời thơ ấu ngày hai buổi cắp sách đến trường. Lũ học trò trường làng chúng tôi đi trên đường cái quan, mắt nhìn những ao sen nở hoa ở hai bên đường và bảo nhau rằng hoa sen đang chào đón “những bước chân non chúng mình đi học”. Rồi mùa hè qua đi, sen tàn, ao sen trống trơn, lòng chúng tôi man mác buồn, chỉ còn biết chờ đợi mùa sen năm sau. Lớn lên một chút, tôi ra khỏi làng, đi học trường huyện, đi theo mẹ về ngoại, về chùa trong những ngày chùa có lễ Phật... Tôi gặp rất nhiều bầu sen và không còn chỉ yêu cái bầu sen ở làng mình mà còn yêu những bầu sen ở các làng khác. Tôi yêu cái hồ sen ở trước nhà cụ Biếu Xuyên (thôn Biếu Chánh – Phước Hưng) một nhân sĩ ưu thời mẫn thế, một huy quan trí sĩ có tiếng trong vùng Tuy Phước, An Nhơn. Cái hồ sen nở một màu trắng bát ngát và điểm xuyết những bông hoa súng đỏ, nổi tiếp là cánh đồng làng thường chấp chới cánh cò bay và lững thững những bóng nông phu đi về. Tôi yêu cái hồ sen trước cổng tam quan chùa Viên Giác, ngoại vi ngôi thành Bình Định cũ hoang phế. Cái hồ sen hình vuông, rộng đến mười ngàn mét vuông, được bao quanh bởi một bờ hồ xây bằng vôi vữa và đá ong đã lấm rêu phong. Mùa sen nở, hoa sen sáng rực mặt hồ và hương sen thơm ngát một vùng. Mùa sen tàn, mặt hồ như tấm gương soi và đợi đến đêm rằm Vu lan tháng Bảy làm nơi cho nhà chùa có hội phóng đăng, cầu siêu và hóa độ thập loại cô hồn.

Xưa nay văn chương viết về hoa cúc, hoa đào, hoa mai... thường là văn chương bác học, văn chương của người học thức; còn văn chương viết về hoa sen là văn chương của mọi giới, bác học có mà bình dân cũng có.

Người nông dân làm đồng, có giây phút nghỉ ngơi, thả hồn theo mây theo gió, hứng lòng cất lên tiếng hát

trước một vẻ đẹp của đồng quê: “Trong đầm gì đẹp bằng sen / Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng”... (Ca dao). Xa quê lâu, người ta nhớ quê, nhớ cái đầm sen giếng nước của làng quê mình: “Đầm Đại Từ hoa sen thơm ngát / Giếng Đại Từ nước mát trong xanh” (Ca dao). Con trai con gái làng tỏ bày tình yêu không thể thiếu hình ảnh hoa sen: “Hôm qua tát nước đầu đình / Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen...” (Ca dao).

Các nhà thơ nhà văn xưa nay đã sáng tác nên biết bao nhiêu là thơ văn có liên quan đến đề tài hoa sen. Nhà thơ Trung Quốc – đời Đường khắc họa hình ảnh một thiếu nữ hái sen, cảnh xinh mà người xinh đến “vô tư”: “Tiểu oa sanh tiểu đình / Thâu thái bạch liên hồi / Bất giải tàng tung tích / Phù bình nhất đạo khai” (Trì thượng - Bạch Cư Dị). Dịch thơ: “Người xinh bơi chiếc thuyền xinh / Bông sen trắng nõn trắng tình hái về / Hờ hênh dấu vết không che / Trên ao để một luống chia mặt bèo” (Trên ao - Tản Đà). Ai chẳng tình cờ nghe thấy một hương sen đâu đó quanh mình để mãi thương nhớ: “Hà hoa xuy khởi bắc song hương” (Hạ cảnh – Trần Thánh Tông). “Mát dịu mùi sen thổi trước nhà” (Ngô Tất Tố dịch). Ai chẳng gặp một hồ sen tàn, một cánh sen cô độc, lẻ loi còn sót lại để cho lòng mãi ngùi thương: “Cánh sen chiều / Nở bên ga xép / Một niềm quạnh hiu” (Shiki – thiền sư Nhật Bản). Tác giả danh tác Truyện Kiều – Nguyễn Du đã “thiên biến vạn hóa” hình tượng hoa sen trong thơ của mình. Tả hồn ma Đạm Tiên: “Sương in mặt tuyết pha thân / Sen vàng lãng dăng như gần như xa”. Tả bước chân Thúy Kiều sang nhà Kim Trọng: “Gót sen thoãn thoắt dạo ngay mé tường”. Kim Trọng – Thúy Kiều gặp gỡ, tâm tình sau 15 năm lưu lạc: “Những từ sen ngó đào tơ / Mười lăm năm mới bây giờ là đây”. Và còn nhiều nữa. Hạt sen lấy từ trong gương sen ra, bóc vỏ, “nấu ăn như cơm cũng ngon lắm” (Nguyễn Khải – Nghề văn cũng lắm công phu, trang 111). Sinh thời, mẹ tôi vẫn nấu chè hạt sen cúng Phật nhân các ngày sóc vọng trong tháng. Anh em tôi được ăn chè hạt sen do mẹ nấu: ngọt, bùi, thơm, mát để nay còn nhớ nhung.

Trà ướp sen theo kiểu Sư ông chùa Viên Giác (đã viên tịch năm 1965) là thượng hảo hạng. Trà Thiết Quan Âm Đài Loan chia thành túi nhỏ gói giấy trắng mỏng. Chiều hôm trước, khi mặt trời vừa mới lặn và sương chiều bắt đầu buông xuống, ngài bơi thuyền ra giữa hồ, đặt những túi trà vào giữa lòng những búp sen hàm tiếu, để cho trà ướp cái hương sen phong nhụy ấy qua đêm. Sớm ngày sau, từ sau buổi tụng kinh công phu sáng ngài lại bơi thuyền đi thu lại những túi trà ấy và hứng luôn những giọt sương đêm đọng lại trên lá sen, lá súng đem về làm nước pha trà. Chờ khách đến, ngài đích thân quạt lò than đun nước, đích thân tráng bình độc ấm, pha trà để tiếp khách. Trà sen rót ra chén độc ấm màu nước vàng hơi ngả xanh, bốc hương thơm. Người uống trà cầm tách trà nóng lên uống, nghe thấy hết cái hương vị của trà, nhất là uống trong khung cảnh già lam thanh tịnh thì không thể tả cho hết cái niềm cảm khái dâng lên trong hồn mình. ■



Tôi gọi sóng, sóng ơi. Và ngay lập tức tôi nhận ra sự sai lầm: tại sao tôi lại dại khờ tạo ra một sóng nhỏ nhoi vô nghĩa trong khi điều duy nhất nên làm là buông thả hoàn toàn trong lòng sóng bằng sự yên lặng đón chờ (?)

Tôi nằm trên bờ mép cát và sóng. Sóng lùa cát, cát tan vào sóng, rồi cát – sóng phủ quanh thân thể. Như kéo đi, như giữ lại, mơn man xì xào. Có lúc xoay người thử soi mình trên nước. Nhưng khác với sông với suối, biển không mang hình bóng tôi theo dòng nước cuốn trôi mà xóa nhòa tôi ngay tức khắc. Biển là sự hòa tan; biển không

là sự trôi cuốn. Biển nhận tất cả vào lòng. Để làm nên sự chuyển dịch bất tận là sóng. Tôi gọi sóng, sóng ơi. Và ngay lập tức tôi nhận ra sự sai lầm: tại sao tôi lại dại khờ tạo ra một sóng nhỏ nhoi vô nghĩa trong khi điều duy nhất nên làm là buông thả hoàn toàn trong lòng sóng bằng sự yên lặng đón chờ (?)

Nhiều người nằm như tôi. Những người khác đi lại trên



cát hay nô đùa trong bãi tắm. Họ là khách du lịch, Tây và ta. Một số ít là dân phố địa phương. Nhưng họ đều giống nhau: họ đến với biển để tìm niềm vui. Niềm vui là gì? Lên núi, xuống biển... phải chăng là để tìm sự bình yên? Sự bình yên bên trong chẳng lẽ không phải là hạnh phúc thật sự, đối với tất cả mọi thành phần xã hội? Nhưng phải chăng, biển đang mất, ít nhất là với những người có túi tiền eo hẹp? Chẳng phải thế sao, khi giờ đây, hàng trăm khu du lịch dọc những đô thị ven biển đã che khuất tầm nhìn của những "thường dân"? Chỉ "đơn cừ" hai địa phương thôi. Ở Phan Rang, muốn thấy màu nước biển xanh, phải "chạy" đến tận bãi tắm Ninh Chữ. Hay, dọc tuyến đường từ Hội An ra Đà Nẵng, những bức tường vững chắc, được

"vẽ vờ" đủ màu sắc đã khiến cho biển trở thành một thứ thiên đường... đã mất!? Và còn hàng trăm resort khác trên suốt nhiều vùng đô thị duyên hải khác? Những khu du lịch ấy, hẳn nhiên đem lại nhiều lợi nhuận. Tiếc thay, tiếng nói của đồng tiền và cái gọi là "hạnh phúc", thường không phải bao giờ cũng tìm được sự "đồng thanh"! Bởi vì, nghỉ cho cùng, sống, là đi, nhìn ngắm, đón nhận ánh nắng và gió trời; nghe và thấy cảnh vật – con người trên mỗi vùng đất đi qua. Là để đi xa hơn, sâu hơn vào văn hóa – lịch sử. Và trên hành trình đi ngược lại thời gian ấy, con người sẽ dần dần hiểu rõ hơn bản thân. Để tìm lại chính mình. Cảnh và người, đảo cùng, sẽ phản chiếu rõ hơn chân dung của khách, trên đường đi. Du lịch, là mượn bên ngoài để nhìn rõ hơn cái phần bên trong của khách du.

Tôi đã nằm trên nhiều bãi biển. Biển Quảng Bình hoang vu không bóng người một ngày hè năm 1974, gió hung dữ xô lệch, những đống cát lúc ra đi buổi sáng, buổi chiều trở về đã đổi thay hình dạng. Đêm biển Nha Trang mùa thu năm 1977, những chấm sáng chạy men theo vịnh như cánh cung lửa giương ra, bắn vào đêm tối mũi tên vô hình. Và Cửa Đại – Hội An ngày trẻ thơ, những dấu chân nhỏ mất hút trong rừng dương, ngập ngừng bên mộ táng cá ông. Và Lăng Cô, Cửa Thuận. Và bãi Hàm Rồng nằm không xa núi Linh Thái của Túy Vân (Thừa Thiên – Huế) những năm 1975-1980 đi u hiu... Rồi tất cả đã sống lại. Vũng Tàu, Mũi Né ngập tràn nỗi khát thèm nắng gió của thị dân Sài Gòn mỗi cuối tuần. Qui Nhơn, Sầm Sơn, Hạ Long bước ra khỏi cơn ngái ngủ, vươn vai cười với khách viễn phương. Cảm ơn biển. Biển đã cho tôi nghe được nghĩa thật da trong đêm Tam Thanh mờ ảo. Đã tan trong sóng chiều một Mỹ Khê rộng lớn niềm vui. Hay một sáng Sa Huỳnh trong veo nắng biếc mà gió trên những hàng dương kia như còn gửi lại những lời mến thương của Thời Gian đến với Cuộc Đời.

Biển đã rơi trên mình tôi. Những cái bóng ngũ sắc rơi xuống tôi. Cho tôi được mất cái - tôi trong tiếng hải triều trong veo - an lặng. Để được thấy lại chính - tôi, trong sự quay về giữa đời sống, sau khi lạc lối đến chỗ cuối của những câu - hỏi - không - ngừng. Như thế, tôi không còn là một cá thể vô danh vô nghĩa mà là sự trở thành của khoảnh khắc bay vào - tan biến giữa Thời Gian. Thời Gian là dòng sông không có bờ mà hai cánh tay ôm hóa thành Dòng - Sông - Một - Bờ, nếu còn phải mượn lời để diễn tả Điều - Không - Nói - Được...

Mặt trời đang xuống, còn treo một hình tròn màu cam đỏ. Trăng lên. Yên lặng một đáng tròn trắng xanh. Tôi và bao nhiêu khách du kia có gì khác hơn là hình chiếu của luật âm - dương không ngừng vận chuyển ấy?

Trong phố và trong vùng cận duyên, những tiếng đời vẫn ngập ngừng xao xác. Và gió vẫn thổi qua mọi niềm thịnh suy, như lời tiếc thương hay bốn cột trước sự mù lòa của con người?

Ngoài kia, biển yên tĩnh hay rì rào?

Biển ơi! ■

TRẦN BỈ NGẠN

Mưa

Mưa đều đều trên mái ngói
 Lời chứng cho tất cả những gì vắng mặt
 Tự nói với mình ở những nẻo đường xa khuất
 Nơi chỉ có đất với trời.
 Những bước chân mưa đi xa rất xa
 Đến những nơi chỉ còn là sự im lặng
 Nơi cơn mưa từ đó sinh ra
 Từ trong lòng người, lòng trời đất, lòng của từng
 sự vật?
 Cơn mưa rơi đều trên thành phố
 Rửa sạch những con đường những mái nhà
 những vòm cây bám bụi
 Rơi trên trần gian những vết thương và những
 nụ cười
 Trên những con người đã khác đi không còn là
 nhân vật
 Trên những mùa đã qua đi không còn vết tích.
 Nhưng phải chăng sự mất mát hoàn toàn là bình
 an tối hậu?
 Mưa kể cho chúng ta nghe những miền vĩnh tịch
 Nơi từ đó nó sanh ra và trở về để biến mất
 Hân hoan sanh ra và hân hoan biến mất.
 Mưa kể cho chúng ta nghe
 Chuyến phiêu du của nó qua sự lặng im của đất trời
 Qua số phận từng con người từng chứng vu vơ
 vô cố
 Nói cho chúng ta sự im lặng và bình an
 Trú ngụ trong lòng mỗi người mỗi vật.
 Cơn mưa hân hoan của tất cả những gì vắng mặt.

NGUYỄN QUÂN

Ca khúc quán

(tặng anh Võ Đại Sửu)

từng tình mơ
 ngồi quán Sửu
 ngắm chiếu lá bồ đề
 rơi trong ly cà phê đầy khói
 rơi trong quang gánh người đàn bà bán hàng rong
 ế ẩm trên vỉa hè ngập tràn xác lá
 ở đâu đó - quanh đây
 những khuôn mặt thừa mưa thời gian
 những chiếc rễ cây vươn ngấm lòng đất
 văng vắt lời mặc cả về một thời đang sống

từng tình mơ
 người đàn ông gần bốn mươi năm
 bán cà phê dưới gốc bồ đề già hơn trăm tuổi
 vuốt hai bàn tay lên mái tóc lốm chớm màu sương
 nhìn trời mây bay
 thả nhiên những giọt đen đặng
 nhều vào lòng chiếc ly thủy tinh trong suốt
 khúc xạ khuôn mặt nhàu của đứa bé bán vé số
 đi loanh quanh bên chiếc bàn nhựa đỏ
 cũ nát trầy xước
 nhừa nhựa ứa sương
 điều khiển sự ngúc ngắc của những chiếc đầu
 chột buông tiếng cười sằng sặc

từng buổi sớm mai
 có gã khật khừ nào đó
 vẫn cố tình ném cái tàn thuốc vào lỗ sâu hốc rễ
 và thở ra làn khói nhợt nhạt hóa vàng cho từng
 chiếc lá
 mùa này sang mùa khác
 tôi vẫn ngồi đối diện
 những khuôn mặt nguy dị
 những chiếc rễ cây dưới lớp bề tông trở cứng
 nghe những lời mặc cả vô vọng.



Tô cơm hến

MINH MÃN

Tờ mờ sáng, Phượng khép cửa, chạy vội ra chợ, thoáng chốc đã về đến nhà, trên tay lủ củ rau cải. Trong căn bếp độ 16 mét vuông, đồ đạc bày biện đủ loại, kể cả bộ xa lông, lối đi vừa để hai người tránh nhau; nếu có thêm người thứ ba trong bếp, chắc phải chờ tín hiệu giao thông!

- Mời anh ăn sáng. Phượng để trước mặt Tuấn hai tô vừa nước vừa cái, sến sệt; Tuấn nhìn thật kỹ những hạt gạo nở toát như hạt bắp hầm như nằm xen lẫn rau cải. Nước màu trắng đục trông thật lạ. Tuấn trầm nghĩ, hôm nay Phượng cho điểm tâm cháo rau, có lẽ cơm nguội chiếu qua còn thừa!

- Anh biết món gì không? Vừa hỏi, Phượng vừa đưa ánh mắt thăm dò, cười thật tươi và vui vẻ lạ thường. Khác với đêm qua, Phượng tỏ ra nóng nảy buồn bực mà đáng ra, Tuấn từ phương xa về thăm, Phượng phải ngồi lại với Tuấn theo lời mời, nhưng Phượng từ chối để cùng Tuấn ngồi lại bên ngọn đèn cây cùng nhau chìm vào tĩnh lặng nghe nhịp thở; Thói quen thường khi của Tuấn là vậy, Phượng đóng cửa phòng khá sớm!

- Cơm hến đó anh à! Tuấn chưa kịp nhận ra, Phượng vội giải thích.

Lần đầu tiên Tuấn thưởng thức món này. Ngày còn bé ở quê, Tuấn không lạ gì món cơm hến mà bình dân hay thượng lưu xứ Huế đều thích. Dưới quê đồng sâu nước phèn, Tuấn chưa hề được thưởng thức. Cơm hến ở Huế bao đời cung cấp hến cho người dân, thế mà vẫn không cạn kiệt. Trong nhà hàng, ngoài chợ trời đều có bán. Giờ đây, trước mặt Tuấn, món thổ sản quê hương như lạ lắm. Một cục mằm, một thìa ớt sa tế, vừa cay, vừa nóng, thật đậm đà; Tuấn nghe cơm hến ngọt nước, bùi cái, là hương vị đặc biệt của món ăn xứ Huế, riêng tô cơm hến **chay**, Phượng biến chế khéo tay đến độ hấp dẫn không thua cơm hến thật.

- Anh biết không, những ai xa xứ, ăn được cơm hến em làm, họ đều thích thú. Bà chủ trà Đỗ Hữu ở Blao cũng thế, bà sung sướng đến độ cay mắt; xa quê mấy mươi năm, nay gặp lại hương vị Huế, ăn xong, bà ta còn xin về một tô cho con dâu, bà bảo em hướng dẫn cho bà làm; lần đầu ăn cơm hến chay, bà nói, không thua cơm hến thật. Một lần em làm cúng dường quý thầy, quý sư cô, một cô người nước ngoài họ chắt hết nước ra một cái tô, họ ăn phần cái, xong, họ húp nước màu trắng đục mà họ cứ ngỡ là sữa đậu nành, khi nghe mặn và cay, cô ta ngồi cười bên lên rồi xoay qua người kế cận nói để chữa thẹn. Em hối hận vì không giải thích cho quý vị đó hiểu được món ăn của Huế...

* * *

Tuấn vẫn im lặng quan sát thái độ xởi lởi bất ngờ của Phượng, thỉnh thoảng chàng gật đầu tán đồng, khen ngon.

- Anh biết không, đêm qua cô Doãn gọi điện về hỏi thăm, em kể cho sư cô nghe về câu chuyện hồi chiều hôm qua thấy Đồng Mơ đã nói, em tức dễ sợ, nhưng cô Doãn bảo: Ờ hay, mẹ vui ghê hê! Chuyện như vậy mà mẹ cũng tức, mẹ hỏi bác Tuấn có tức không. Mẹ tu tập mà vẫn không thay đổi mấy...

- Cô trước đây cũng vậy thôi!

- Do mẹ truyền lại cho con đó, bây giờ con khác rồi mẹ à! Đáng ra mẹ phải đi thiền hành với bác, mẹ lại bỏ bác một mình, không sợ bác buồn sao!

Tuấn ăn thật chậm, cay và nóng đã làm chàng dầm mồ hôi; Nhớ lại thái độ hôm qua của Phượng, chàng cứ cười hoài.

- Anh cười em cái gì?

- Anh không những cười em mà còn tức cười câu nói của Đồng Mơ.

- Vậy mà anh cũng cười được, sao anh không đánh chính để thấy hiểu lắm; Nếu em cười thì em cười mĩa cho mà xem.

- Em lại tự ái vì cái ta lớn quá. Thế mà trước đây em bảo tin là lúc này em tiến bộ lắm, không còn bị buồn vui giận ghét chi phối; giống cốt chuyện Tô Đông Pha khoe với ngài Phật Ấn. Tuấn định nói, Phượng đưa tay ngăn lại.

Những chậu hoa ngoài hành lang xanh tươi, đỏ đặc trong nhà sắp xếp gọn gàng; trong phòng vệ sinh cũng để đóa hoa tươi bỉnh bồng trong chén nước; Dép đi ngoài sân, dép sử dụng trong nhà, dép vào buồng tắm; chậu rửa mặt, chậu giặt, khăn lau tay, khăn chùi lavatory... đâu ra đó. Thảo nào một thân quán xuyên từ việc nhà đến việc xã hội và sinh hoạt tôn giáo mà vẫn nuôi con khôn lớn. Người phụ nữ nhanh tay lẹ miệng thường nóng tánh và khôn khéo; Cách đi đứng, ăn nói và làm việc, cho thấy Phượng đảm đang nhưng cũng sâu sắc không kém.

- Chị giới thiệu đi chứ, Đồng Mơ nhìn thấy Tuấn từ phòng bước ra, thấy biết anh ta rồi còn gì, Tuấn ngạc nhiên tại sao Phượng không giới thiệu cho hai bên biết nhau mà chỉ nói thế.

- Chắc anh dọn cơ sở về đây? Đồng Mơ vừa hỏi vừa đưa ánh mắt thăm dò Phượng.

Phượng thoáng đã hiểu ngay, nhưng nàng không trả lời, Tuấn vô tư một cách thật thà. - tâm vô sở trụ thì thân vô trụ sở thấy gì! Tuấn quay qua Phượng: Hình như anh đến đây là lần thứ hai Phượng nhỉ? Trong ba năm, anh lên đây được hai lần, nhưng mới biết Phượng vài tháng thôi!

- Không, anh quen Phượng hơn một năm rồi, anh đến đây nhiều lần rồi.

Đồng Mơ lém lỉnh khẳng định làm Tuấn ngạc nhiên; Phượng vẫn im lặng.

Tuấn phân vân trầm nghĩ - chả lẽ mình không biết mình hơn anh chàng này, hay là mình quên chăng! Nhưng rõ ràng Tuấn chưa hề quen biết Đồng Mơ.

- Lúc này chị Phượng yêu đời ghê, trong nhà, ngoài ngõ, phòng thờ đến nhà bếp, nơi nào cũng có hoa. Đồng Mơ rảo một vòng trong nhà như cố phát hiện cái gì khác thường, chứng tỏ chàng ta quen thuộc và thân thiện với Phượng.

- Hôm cô Doãn về trang trí đấy; Phượng phân bua.

* * *

Trái vả thái mỏng, trộn với rau thơm, đậu phộng, bông artichoke nấu canh và đĩa đậu phụ chiên xốt cà, qua bàn tay của Phượng, trông thịnh soạn và đẹp mắt hẳn.

- Mời thầy ở lại tối nay tổ chức Thiền trà cho vui nhé!

Tuấn thật tình ngó lơ, vì trong căn nhà nhỏ, ấm cúng, yên ắng có thêm người thứ ba, sẽ tăng thêm năng lượng.

- Không, tôi có hẹn. Đồng Mơ buông đũa đứng lên.

Đồng Mơ là một thanh niên vui tánh, ăn nói dễ

thương. Giọng Quảng pha tiếng Nam làm cho dịu nhẹ âm điệu; phong cách năng động tạo cho người đối diện có cảm tưởng nhiệt tình chơn chất, muốn thân thiện. Tuấn tiến chàng ra một đoạn hẻm đổ dốc; nhà cửa miễn cao lúc nào cửa kính cũng đóng kín lặng lẽ; sinh hoạt trầm lắng như kinh thành Huế; Dân nơi đây phần lớn từ Huế và xứ Quảng vào lập nghiệp nhiều đời, vì thế, phong cách cuộc sống còn mang âm hưởng của đất Thần kinh.

- *Mình nói thật với anh, mình nghe nhiều tai tiếng về anh và Phượng, chuyện đó bình thường thôi, chẳng ai cấm ai việc này được khi mà cả hai đều độc thân...* Đồng Mơ nói một cách trang trọng.

Tuấn ngẫm nghĩ buồn cười. Điều này chàng biết rõ về mình, không lảm lẩn đâu được, làm sao mà Đồng Mơ dám bịa chuyện thiên hạ nói!

- *Phượng à! em bắt đền anh, Đồng Mơ nói như thế nhờ anh ể thì sao.* Tuấn nói đùa; Phượng bấm ngay điện thoại cho Đồng Mơ: *Thầy nói gì với anh Tuấn? Tại sao biết tôi trên 10 năm mà còn đánh giá thấp tôi như vậy. Hãy trả lời cho tôi biết, nếu nói không thông là có chuyện.*

Phượng dùng dùng gắt gỏng, Tuấn can ngăn, sợ quá lời xúc phạm người ta, không nên. Sau giờ Thiền, Tuấn nhắn cho Phượng: *Anh về chuyển xe 11 giờ đêm nhé.* Hai phòng cách nhau tám vách, thế mà tin nhắn không gửi được. Bên kia, Phượng vẫn âm ỉ, không ngủ, sau khi tâm sự với Doãn qua điện thoại, Phượng sực nhớ - *Mình dự tính tối nay mời anh Tuấn cùng đi thiền hành ở bờ hồ, thế mà... vâng, thế mà chỉ một lời nói, mình quên bằng chương trình sắp xếp, chỉ một lời mà đóm lửa sân bùng phát, trong khi Tuấn vẫn lặng lẽ như mặt nước ao thu.*

- *Sao mà Phượng nóng nảy thế, em tiến bộ chỗ nào?* Tuấn trách.

- *Bây giờ là thay đổi nhiều lắm rồi. Trước đây em bán ngoài chợ, ai cũng bảo em là cạp cái. Nhờ biết Đạo mà dần bớt đấy, không thì ông Đồng Mơ khó yên thân; còn anh, em tức anh lắm, chuyện như thế, anh phải phân bày cho người ta hiểu, lại còn cười làm cho người ta ngộ nhận. Máy tháng trước, anh nhắn tin giới thiệu, nhờ em chăm sóc ông Định, khi ông ta mang quà đến em, em giận lắm!...*

Tuấn ngơ ngác hỏi: Ông Định nào?

- *Anh còn giả vờ.* Phượng nhìn Tuấn như người từ cõi trên.

- *À, chuyện qua rồi, anh đâu để tâm làm gì, thế mà em ấp*

ủ đến hôm nay, sao không buông cho nhẹ lòng. Anh nhớ chuyện hai nhà sư qua suối trong tập Góp nhặt sỏi đá.

Tuấn định kể, Phượng nhanh nhẩu:

- *Em biết rồi, đừng vạch lỗi người ta nữa, từ từ người ta chuyển hóa mà; nhanh quá có mà thành Thánh!*

* * *

- *Anh ăn được không?* Phượng hỏi.

- *Không những được mà còn quá ngon. Hôm nay lên thăm Phượng, anh được tận hưởng hai điều thú vị, một là tô cơm hến, hai là chuyện Đồng Mơ, hai cái đều có giá trị ngang nhau, một cái nuôi dưỡng cơ thể, một cái nuôi dưỡng tâm vô phân biệt.* Tuấn đáp.

- *Gớm, người nói ra luôn có móc câu thật bén.* Phượng nhận xét.

Một ngày mới và mọi sự luôn mới, nhưng Phượng chưa cảm nhận được khi mà tâm trạng đời thường luôn nhuộm màu buồn vui. ■





Danh họa *bùi xuân phái*

TRINH CHU



Vào những thập niên 50, 60, 70 của thế kỷ XX, phố phường Hà Nội có thêm một cuộc sống mới, trong một không gian mới, mang tên: **Fai Fo** (Phố Phái). Người khai sinh ra địa danh ấy là họa sĩ **Bùi Xuân Phái**, đứa con yêu của mảnh đất kinh kỳ Thăng Long ngàn năm văn hiến.



Một số tác phẩm tiêu biểu
của danh họa Bùi Xuân Phái

Bùi Xuân Phái là một trong số ít những họa sĩ để lại dấu ấn đặc biệt và có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Ông sinh ngày 1 tháng 9 năm 1920 tại Hà Nội. Là sinh viên Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa XV (1941 – 1946), nghệ thuật và tên tuổi của danh họa Bùi Xuân Phái gắn liền với đề tài phố cổ Hà Nội như một lương duyên tiền định: hễ nhắc đến Phái là người ta nghĩ ngay đến Phố và ngược lại. Tất nhiên không phải phố nào của Phái cũng đẹp, cũng toàn mỹ, nhưng chỉ với một số ít bức đẹp đã đủ để đưa Bùi Xuân Phái lên vị trí đặc biệt.

Sự nhạy cảm đậm chất bản năng nghệ sĩ trước lẽ tàn phai cùng tinh thần hoài cổ, Bùi Xuân Phái đã nhận biết cái gì là quý cho lâu dài, sợ nó mất đi nên muốn lưu giữ lại. Dưới nét cọ của ông, phố không chỉ đơn thuần là phố mà *người hơn, hồn hơn*. Phố đầy tâm trạng, từ cảnh quan đến chi tiết đều có chiều sâu nội tâm. Đường như phố cũng run rẩy theo từng đợt heo may. Không gian, thời gian như giãn ra, im ắng mênh mông, cứ thăm thẳm, lững lờ để con người trong ngưng đọng nhận ra cái chiều sâu vô tận của cuộc sống. Cái tài của Bùi Xuân Phái là vẽ cảnh vật mà

hương nội, thu vào, không sáng trưng lên. *Phố Phái* dù chỉ là những nét vẽ “nguệch ngoạc” nhưng ẩn trong đó là những nỗi niềm hoài cảm, sự tiếc xót bằng khuôn trước vẻ đẹp xưa của thủ đô đang ngày một mờ xa. Nó gợi và làm sống lại những kỷ niệm về một Hà Nội thân thương bằng những vốn sống khác nhau của mỗi người thường ngoạn. Phố như là nơi chốn ôm giữ cho ta những lưu ảnh xưa cũ. Như thế là một bảo tàng sống, những tâm tư phố, hoài niệm ngõ... nơi vẫn còn cất giấu mãi những ảnh hình một thời. Trong những cơn nhớ cháy lòng, ta trở về phố để trầm ngâm, để nhìn ngắm lại quá khứ. Nhìn lại đời mình. Vì thế cái Hà Nội đó là Hà Nội riêng tư, thầm kín, có sức truyền cảm lớn. Càng nặng tình với Hà Nội bao nhiêu, ta lại càng yêu mến *Phố Phái* bấy nhiêu.

Tranh phố của Phái không chỉ đẹp về bố cục mà còn đẹp vì biết chọn đề tài, chọn góc nhìn, vẽ về cái đẹp của thủ đô xưa... Đường nét, hình khối khỏe, màu sắc mạnh, không gân guốc mà thường là màu trầm sáng, đậm màu cổ kính, phối pha. Phố trầm mặc, suy tư, đẹp đến nao lòng.

Có những người con xa xứ, nỗi nhớ Hà Nội canh cánh trong lòng, không biết làm sao nguôi ngoai, cứ phải ngắm tranh Phái, để được *Phố Phái* dẫn về lại ba sáu phố phường.



Bùi Xuân Phái chọn chi tiết đặc tả rất tinh, đó là những nóc phố cong cong, những bờ tường phong rêu, loang lổ gạch, những vỉa hè, cột điện thời Pháp thân quen... nên giàu tính biểu cảm và làm cho chúng như có linh hồn, oằn oại dựa vào nhau mà sống, như thể gần bó hữu cơ với đời sống riêng tư, thầm kín của mình. *Phố Phái* thơ mộng, se sắt buồn, quyến rũ vô cùng với kẻ sành sỏi, người xem chìm trong cảm giác chiêm bao. *Phố Phái* chính là con người Hà Nội của Phái, nó là một phần của Bảo tàng Hà Nội. Hà Nội trong ông không kiêu sa mà có một cái gì đó duyên dáng, tinh tế, một vẻ đẹp thẩm kín. Lẩn trong đường nét, màu sắc và hình khối là một cái gì quyến luyến, ngọt ngào như người con gái Hà Thành. Vẻ đẹp của phố ánh xạ tâm hồn Phái: nặng tình, run rẩy...

Trong cuộc sống thường nhật, Bùi Xuân Phái là người sống đơn giản, tử tế và khiêm cung. Cứ lầm lũi, cặm cụi trên bước đường tìm kiếm cái đẹp, không khệnh khạng, không tranh giành với ai bao giờ.

Chịu ảnh hưởng phái Ấn tượng (chủ yếu là trường phái Ấn tượng Paris) thế nhưng tranh Bùi Xuân Phái lại có phần hiện đại hơn, giản lược hơn, gồm những mảng lớn và vẫn rất đậm chất Việt Nam.

Phải chăng đã có những năm tháng ông chỉ nhìn phố qua sân thượng, cửa sổ nên một số bức tranh dù yêu ông người ta cũng chưa thấy hài lòng. Một số tranh thiếu cảm xúc, thiếu cái thần của phố. Có những tranh ông cho mái ngói đỏ tươi quá, không hợp. Nhìn chung, tranh phố hơi cứng vì ông hay bỏ viền, có những phố quá hoang vắng, quá đơn điệu, buồn tẻ, sơ lược, không có đời sống phố mà chỉ nặng về kiến trúc phố cổ...

Ngoài đề tài phố cổ, Bùi Xuân Phái còn vẽ các đề tài khác như: chân dung, khỏa thân, tĩnh vật, sân khấu hay phong cảnh nông thôn, sông, núi... cũng rất độc đáo, sâu sắc và thành công. Tranh chèo của ông mang tính khái quát cao, không gian xấp hơn, mềm mại hơn, lung linh huyền ảo hơn. Bùi Xuân Phái cũng góp phần rất lớn trong việc minh họa báo chí và bìa sách. Ông được giải thưởng quốc tế Leipzig về trình bày cuốn sách *Hề chèo* năm 1982. Thế nhưng lại ít người biết đến!

Danh họa Bùi Xuân Phái là người làm chủ được khá nhiều chất liệu: sơn dầu, mực nho, bút sắt, bột màu, khắc gỗ... Bức *Ông đồ* - mực nho là bức Bùi Xuân Phái vẽ tặng hai ông bạn vong niên của mình: nhiếp ảnh gia Trần Văn Lưu và nhà thơ Vũ Đình Liên. Đó là một bức tranh đẹp, đúng sở trường Bùi Xuân Phái. Thông qua hình tượng ông đồ, bằng bút pháp tả thực, phóng khoáng, có tính khái quát cao, không đi vào chi tiết, Bùi Xuân Phái đã nói lên được cả một nền giáo dục xưa của dân tộc: truyền thống hiếu học, tiết tháo... Tất cả các chi tiết từ dáng dấp, phong thái, cách ăn mặc, tay cầm bút của ông đồ, Bùi Xuân Phái đều không bỏ qua.

Tài năng cũng như sự nghiệp hội họa của Bùi Xuân Phái đã được lịch sử vinh danh. Nhiều tranh của ông đã được giải thưởng ở các cuộc triển lãm mỹ thuật toàn quốc các năm 1946, 1980; giải thưởng Mỹ thuật thủ đô 1969-1981, 1983-1984. Năm 1996, ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh. Hà Nội phố đã đề ra Phái để rồi chính ông lại khai sinh *Phố Phái* trong hội họa. Bùi Xuân Phái là một nhân cách lớn, một tài năng lớn, biết tự trọng, biết sống đời sống thanh cao của nghệ thuật. Thành công nhất của ông là đã tạo được một phong cách riêng, độc đáo, đầy cá tính nghệ sĩ. ■





Đại Giới đàn Huệ Minh được tổ chức tại chùa Khánh Sơn, Thành phố Sóc Trăng.

Phát nguyện thọ giới tại Đại Giới đàn Huệ Minh tỉnh Sóc Trăng năm nay có 186 giới tử, gồm 42 vị thọ giới Tỷ-kheo, 43 vị thọ giới Tỷ-kheo-ni, 23 vị thọ giới Thức-xoa-ma-na, 43 vị thọ giới Sa-di và 35 vị thọ giới Sa-di-ni. Lễ khai mạc Đại Giới đàn đã diễn ra vào ngày 1 tháng 7 năm 2009 dưới sự chứng minh của Hòa thượng Dương Nhơn, Phó Pháp chủ HĐCM kiêm Phó Chủ tịch HĐTS; Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; Hòa thượng Thích Thiện Pháp, Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng II TWGH cùng chư tôn đức HĐTS, Hội đồng Thập sư Tăng Ni và chư tôn đức thuộc các BTS các tỉnh thành bạn.

Khai mạc Đại Giới đàn.
Ảnh: Thích Định Hướng.
Nguồn: Giác ngộ online.

Hội thảo quốc tế về di sản Phật giáo ở bang Gurajat Ấn Độ sẽ được tổ chức vào tháng Giêng 2010.

Ngày thứ ba 7 tháng 7 năm 2009, chính phủ bang Gurajat, một bang ở cực Tây của Cộng hòa Ấn Độ, đã công bố một ngân khoản hơn 200.000 đô la Mỹ tài trợ cho Maharaja Sayajirao University (MSU) để tổ chức một cuộc hội thảo quốc tế vào tháng Giêng năm 2010 nhằm giới thiệu về di sản Phật giáo ở bang này với mục đích tạo một nhận thức về các công trình Phật giáo trong vùng Gurajat. Những cuộc khai quật mới đây do Khoa Khảo cổ của MSU tiến hành trong vùng Vadnagar đã phát hiện một ngôi tháp Phật; chứng tỏ Phật giáo đã hiện diện ở vùng này ít ra từ thời vua A-dục. Vào thập niên 1960, MSU cũng đã sở hữu một phần Xá lợi Phật khi Khoa Khảo cổ của MSU khai quật địa điểm Devni Mori gần Shamalaji, một địa điểm du lịch nổi tiếng của Gurajat. Chính phủ bang Gurajat cho hay họ đang tiến hành lập danh sách những học giả quốc tế nổi tiếng để mời tham dự cuộc hội thảo này. Được biết cuộc hội thảo này nằm trong kế hoạch mở rộng tiềm năng du lịch của Gurajat.



Trường Đại học Maharaja Sayajirao ở Vadodara, Gurajat. Nguồn: online

Hệ phái Nam tông PGVN tổ chức việc xuất gia ngắn hạn.

Sáng ngày 7 tháng 7 năm 2009, lễ khai mạc khóa tu đã được tổ chức tại thiền viện Phước Sơn, tọa lạc tại đối Lát Giang, ấp Tân Cang, xã Phước Tân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; diễn ra trong không khí trang nghiêm tràn đầy niềm hoan hỷ của các tân tu sĩ ngắn hạn và công chúng tham dự. Có tất cả 150 Phật tử, hầu hết là sinh viên học sinh, đã phát nguyện xuất gia một tháng từ rằm tháng Năm nhuận đến hết rằm tháng Sáu năm Kỷ Sửu (từ 7-7-2009 đến hết 5-8-2009) nhân mùa an cư kiết hạ. Được biết mô hình tu tập này được phối hợp tổ chức giữa Thiền viện Phước Sơn, Đồng Nai; chùa Nam Quan, Hội An; và một số chùa Nam tông khác. Hy vọng mô hình tu tập này sẽ trở thành một truyền thống tốt đẹp giúp Phật tử Việt

Nam làm quen với đời sống xuất gia để sau đó khi trở lại đời sống thế tục vẫn giữ được những nề nếp của cuộc sống có giới đức.



Lễ khai mạc khóa tu.
Nguồn: Phật tử Việt Nam online.

Lời cảm ơn cuộc sống

Gần một năm nay, cái mỗi tối thư Bảy là hầu như cả đại gia đình bốn anh em chúng tôi đều quây quần bên nhau chuyện trò. Điều đáng nói là trong bốn gia đình thì chỉ có gia đình tôi và gia đình người em kế đang sống tại Việt Nam, nhưng cũng cách nhau gần hai chục cây số. Còn lại, gia đình người anh cả thì ở Pháp và gia đình người em út lại ở tận Hoa Kỳ. Và việc cả đại gia đình sum họp được như thế là nhờ vào kỹ thuật mạng lưới điện toán.

Sử dụng tiện ích hội nghị của phần mềm Skype với một người chủ trì để nghe được tiếng nói, kết hợp với tiện ích truyền hình ảnh qua webcam của phần mềm Yahoo!Messenger để nhìn thấy cảnh sinh hoạt của nhau, đại gia đình bốn anh em chúng tôi đã duy trì được một nề nếp sinh hoạt hàng tuần hết sức hòa ái. Vì chúng tôi còn một mẹ già đã gần chín mươi tuổi, sự hòa thuận của bốn gia đình thể hiện qua những buổi sum họp hàng tuần như thế đã trở thành một liều thuốc trường xuân mà chúng tôi dâng lên mẹ mình.

Một hôm, trong buổi trò chuyện đại gia đình ấy, đứa cháu gái mới tám tháng tuổi ngồi trong lòng tôi trước ống kính camera bỗng cười lên khanh khách. Ông chú của bé từ Hoa Kỳ, nghe rõ tiếng cười và nhìn rõ gương mặt hồn hơ của cháu, đã thốt lên, “A, tiếng cười của bé Na vang đến cả nước Mỹ, nước Pháp rồi đấy nhá!”.

Mẹ tôi, vốn khi thì ở với gia đình tôi, khi thì ở với gia đình người em kế ở Hóc Môn, hôm ấy đang ở nhà tôi, phấn khởi nói, “Đấy, chất của bà có làm vỡ pha lê mà tiếng pha lê vỡ tận bên Pháp bên Mỹ cũng còn nghe thấy”.

Không khí đầm ấm mà đại gia đình tôi còn duy trì được, một phần cũng nhờ tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực mạng lưới điện toán.

Nếu như chúng ta sử dụng mạng lưới điện toán bằng chánh tư duy, chắc chắn phương tiện kỹ thuật tuyệt vời này sẽ giúp con người ở khắp mọi ngõ ngách của hành tinh này thông cảm nhau hơn, giúp cho cuộc sống của loài người có ý nghĩa hơn.

Tôi xin nhờ tạp chí Văn Hóa Phật Giáo giúp tôi gởi đến tất cả những ai đã từng có những đóng góp cho việc phát triển kỹ thuật điện toán lòng biết ơn sâu xa nhất.

Nguyễn Hạo Uyên

Tân Xuân, Hóc Môn, TP. HCM

Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy
Ta có thêm ngày nữa để yêu thương

Chắc hẳn tác giả của hai câu thơ trên phải có một trái tim từ bi lắm, một trái tim tràn ngập tình thương dành cho muôn loài. Hai câu thơ chứa đựng một ý nghĩa lớn lao và đầy yêu thương đến nỗi nhiều người bạn và người thân của tôi đều treo các bản thư pháp thể hiện hai câu thơ này trên tường nhà, vừa để trang trí vừa để suy ngẫm và mỉm cười mỗi khi nhìn thấy.

Chúng ta ai cũng đều có một quỹ thời gian là 24 tiếng trong ngày như nhau nhưng mỗi người lại có cách sử dụng “món quà” này khác nhau. Người có việc làm dành nhiều thời gian để làm việc. Kể thất nghiệp thì dành thời gian để đếm từng giây từng phút trôi qua mà chẳng biết phải làm gì. Người thì: “A lô, Tâm rảnh không? Qua chơi với tớ. Tớ không có chuyện gì làm hết, chán quá!”. Người thì: “Trời, sao cậu sướng thế, công việc của tớ ngập đầu, làm không kịp thở, tối nào tớ cũng về nhà muộn, lại phải đem việc về làm nữa đó”. Nhưng rồi, dù có làm việc hay không thì đến tối người ta cũng phải... ngủ. Để rồi khi thức dậy vào sáng hôm sau, những gì ta làm khi còn thức sẽ mang lại cho ta một ngày mới tốt đẹp hay tồi tệ, thú vị hay nhàm chán, ý nghĩa hay vô nghĩa. Nếu trong một ngày mà ta chẳng làm được việc gì cho ai khác thì xem như một ngày dài đối với ta thật chẳng có ý nghĩa gì. Ngược lại, người luôn mang tinh thần phục vụ sẽ làm được nhiều điều tốt, cho bất cứ ai. Họ sống trong từng khoảnh khắc của thời gian, tận hưởng niềm vui được sống và được làm việc. Họ luôn mong một ngày mới sẽ đến để được làm nhiều hơn, được giúp đỡ nhiều hơn và được yêu thương nhiều hơn vì trong lòng họ luôn có sẵn một tình thương, thúc giục họ phải sống tốt và sống có ích.

Một buổi sáng, trong vườn, tràn ngập nắng. Lòng tôi đã thấy yêu. Yêu tiếng chim ca, yêu bóng hoa mới hé, yêu cánh liễu rủ, yêu tiếng lá xào xạc, yêu cánh đồng xanh ngắt trước nhà, yêu cả chú mèo, chú gà lổ xỏm, cả những đứa trẻ đầu trần đang nắng bắt cá bắt cua, cả cái bờ di phù đầy hoa nữa...

Hai câu thơ dẫn trên đã có lần bước vào trong tim tôi và tôi giữ mãi. Nhờ đó mà tôi học được một tình yêu như thế. Xin cảm ơn tác giả đã ban tặng cho đời những ý thơ tuyệt đẹp. Dù trong những bước đi của cuộc đời có lắm thăng trầm nhưng hãy nuôi dưỡng cho mình một tình thương thật sự. Tình thương ấy sẽ giúp bạn vượt qua mọi khó khăn và thử thách. Hãy cho tôi thêm một ngày nữa để yêu thương...

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết

Huyền Bình Chánh, TP. HCM

MÓN CHAY

Chè mè đen

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Ấm nóng, sọng sánh đen như chén thuốc Bắc tưởng là đắng lắm, nhưng chè mè đen còn gọi là Chí mà phù lại là một món chè rất ngọt ngào, thơm ngon.

Nguyên liệu chính để nấu món chè này là mè đen, còn gọi là Vừng đen hay Hắc chi ma. Là loại ngũ cốc được xem như một loại thuốc quý. Có tác dụng dưỡng huyết, sáng mắt, nhuận táo, tăng dinh dưỡng...

Chè mè đen đơn giản là thế, nhưng có thể thả vào nổi vài lát thực địa, thay lá dứa bằng nước cốt lá mơn hay rau má... như là bí quyết của những người gánh hàng rong gốc Triều Châu, để món chè thêm hương vị và phần bí ẩn...

Nguyên liệu:

- Mè đen: 300gr
- Bột gạo: 50gr
- Đường: 500gr
- Dừa nạo: 300gr
- Lá dứa: Vài lá

Cách làm:

- Mè: Rửa, vớt cho sạch bụi cát. Ngâm nước cho mềm, xay nhuyễn
- Bột gạo: Hòa tan với nước lạnh, đem rây cho sạch cát

- Dừa nạo: Vắt lấy 1 chén nước cốt, còn lại thì cho vào khoảng 1 lít nước ấm để vắt lấy nước dảo.

- Cho nước dừa dảo, nước bột gạo, mè xay nhuyễn, đường, lá dứa vào nồi bắc lên bếp nấu. Dùng đũa cái khuấy đều tay đến khi bột chín sánh lại, sôi nhẹ vài lần là được. Nhấc xuống, múc ra chén. Chè dùng nóng.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&WA.

96H Võ Thị Sáu - P.Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372





VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

CĂN HỘ CHO THUÊ HIỆU QUẢ

CAO ỐC VĂN PHÒNG & CHUNG CƯ

THÁI AN

(Cầu vượt Quang Trung, Quốc lộ 1A, Q.12)

- Đã bàn giao từ tháng 4/2009
- Giá gốc từ 5.4tr đồng/m²
- Giá giao dịch hiện tại 11tr đồng/m²
- Giá căn hộ đã cho thuê: 9.5tr đ/73m²/tháng (123.000 đồng/m²/tháng - Bà Mai 0903 945 170)
- Giá văn phòng đã cho thuê: 7.2tr đ/36m²/tháng (200.000đ/m²/tháng - Bà Ba 0903 863 421)

ĐẤT LÀNH Năng Gió Thái An*Chung cư Xanh*

24 Phố Quang, P.2, Q.Tân Bình, TP.HCM
 ĐT: (08)38.456.097, 38.445.487 - Fax: (08)39.974.868
datlanhthai.com.vn nanggiotai@yahoo.com.vn

Quý vị có nhu cầu quảng cáo trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
 Xin liên hệ: **Ms. Sương**
 Mobile: 0918032040 hoặc Email: vietartsupply@gmail.com

**CƠM CHAY Cát Tường**

Giờ mở cửa : 9h → 21h hàng ngày
 Nghỉ mừng 2.16 âm lịch hàng tháng

- Chuyên :**
- Phục vụ các món chay thuần túy Việt Nam
 - Nhận đặt tiệc, cơm chay tháng
 - Buffet mừng 1, rằm hàng tháng

Đặc biệt: Giảm 10% Quà Tặng Nli*Khung cảnh yên tĩnh, lịch sự, thoáng mát**Rất hân hạnh được phục vụ quý khách*

ĐC: 15 Bis Trần Khánh Dư
 P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM

Tel: 38467086
 Mobile: 0918 264 925 (Cô Mỹ Linh)

**Nhà Hàng Chay
Thiện Tâm**• **THIỆN TÂM - Q.10**

443 Sư Vạn Hạnh nối dài - ĐT: 38630798

• **THIỆN TÂM - Q. PHÚ NHUẬN**

121 Phan Đình Phùng - ĐT: 39953638

Hơn 80 món chay Việt Nam và Quốc tế
 Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, trang nhã và thư giãn
 Nhận đặt tiệc chay

**Cholontourist****Cholontourist nhà tổ chức tour hành hương chuyên nghiệp!**

Cholontourist cam kết hàng đầu về sự hài lòng.
 Chúng tôi tin rằng sự hài lòng và hoan hỷ sau mỗi chuyến đi sẽ đem lại cho bạn niềm an lạc trong cuộc sống. Cholontourist sẽ cùng bạn khơi nguồn tâm linh với những hành trình độc đáo nhất

Hãy liên hệ với chúng tôi cho hành trình tiếp theo của bạn, bạn bè và những người thân yêu nhất của bạn!

Du lịch Hành hương, Quốc tế hay Nội địa

Hãy gọi: **08 38354678**Email: sales@cholontourist.com.vnWebsite: www.cholontourist.com.vn

Liên hệ: 97 Nguyễn Duy Dương, P. 9, Q. 5
 (bên hông COOP Mart An Đông)

**Yoga Secret Club****Cơ hội nghề nghiệp mới và hấp dẫn****HUẤN LUYỆN VIÊN YOGA CHUYÊN NGHIỆP**

Hãy tham gia Khóa học đào tạo Huấn luyện viên chuyên nghiệp cung cấp bởi YOGA SECRET CLUB liên kết với YOGA ALLIANCE INTERNATIONAL

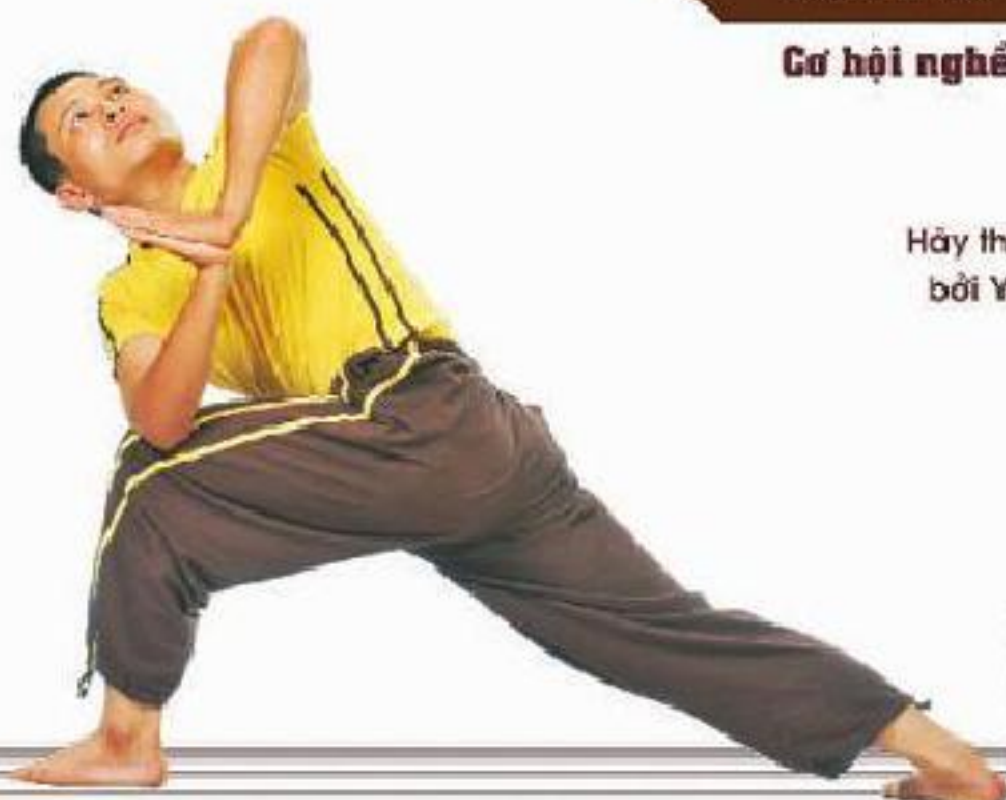
- * Huấn luyện viên kinh nghiệm
- * Giáo trình học song ngữ Anh - Việt
- * Bằng cấp được công nhận quốc tế
- * Cơ hội thực tập và làm việc trong thời gian học tại YOGA SECRET CLUB

Các khóa học sẽ được khai giảng Thứ 2 Tuần 2 hàng tháng.
 Số lượng giới hạn và ưu tiên ứng viên đăng ký sớm.
 Thời gian nhận hồ sơ đăng ký trước 5 ngày tính từ ngày khai giảng.

Thông tin liên lạc:

Add: 70 Trường Quốc Dung, P.10, Q.PN
 Tel: 08 3845 3271 - Hotline: 0166 897 8950 (gặp Ms Thủy)

Email: info@yogasecretclub.com
 Website: www.yogasecretclub.com





NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

235/53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP. HCM
ĐT: 8482 028 - 8438 949. Fax: 8438 949. DD: 0909.093.106 - 0908.585.560
Email: thanhnguyen1@hcm.vnn.vn

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

TRÍCH 108 LỜI TỰ TẠI

- Điều mình cần thì không nhiều, điều mình muốn thì quá nhiều.
- Biết ơn đền ơn là hàng đầu, giúp người chính là giúp mình.
- Từ bi không có kẻ thù, trí tuệ không khởi phiền muộn.
- Tâm lượng càng lớn, cái tôi càng nhỏ.
- Ít phê phán, khen ngợi nhiều là phương pháp hay để tránh tạo khẩu nghiệp.
- Tâm bình thường chính là tâm an lạc nhất.
- Càng biết khuyết điểm của mình bao nhiêu, thì tốc độ trưởng thành sẽ càng nhanh, lòng tự tin đối với bản thân sẽ càng kiên định.
- Ba điều dẫn đến thành công: Tùy thuận nhân duyên, nắm chắc nhân duyên, tạo ra nhân duyên.
- Đời người lúc thăng lúc trầm, đều là kinh nghiệm để trưởng thành.
- Dùng trí tuệ để giải quyết sự việc, lấy từ bi để quan tâm người khác.
- Quá khứ đã thành hư vô, tương lai còn là mộng tưởng, sống cho hiện tại mới là quan trọng nhất.
- Đừng bận tâm về quá khứ, không cần lo lắng cho tương lai, sống thiết thực với hiện tại, thì có thể đồng hành cùng quá khứ và vị lai.
- Cứu khổ cứu nạn là Bồ tát, chịu khổ chịu nạn là đại Bồ tát.
- Lo lắng là sự dầy vò không cần thiết, chú tâm là động lực của sự an toàn.
- Hằng ngày mỗi người nói thêm một câu nói hay, làm thêm một việc tốt thì điều tốt nho nhỏ, sẽ trở thành điều tốt to lớn hơn.
- Tịnh hóa lòng người, ít muốn biết đủ, tịnh hóa xã hội, quan tâm kẻ khác.

Hòa Thượng Thích Thánh Nghiêm

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 86

Phát hành ngày 1 - 8 - 2009



CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Bà Nguyễn Thị Xuân
Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: 0904 990 666

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, Chi nhánh Cty Cổ phần
Lao Động tại Quảng Nam
86 Lê Duẩn, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

KHÁNH HÒA

Sư cô Chơn Ánh,
Cơm chay Thiền Duyệt
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 3819 198 – 0935 536 061

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636
Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

Nhà sách Hòa Phong
69A2 đường Nguyễn Trãi,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.271

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 0703.834.654 – 0936.237.832
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG